VĂN HỌC
Nghệ thuật

SÁNG TÁC ● NHẬN ĐỊNH

TRONG SỐ NÀY

KIM ĐỊNH : TRIẾT VIỆT VÀ TRIẾT MỸ ● MẶC ĐỖ : LÀM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TRONG HOÀN CẢNH TỊ NẠN ● VÕ PHIẾN : CUỐI MẮT ĐẦU MÀY ● VÕ ĐÌNH : CHIẾC VÒNG ● TRÚC CHI : MÀU ÁO CŨ ● XUÂN HIẾN : NÔ TIÊN SINH ● THƠ: LÊ XUÂN GIÁO TRÚC CHI ● XUÂN HIẾN ● VÕ KIỆN ●

SÁCH VIỆT NAM Ở HẢI NGOẠI ● ● VĂN NGHỆ KHẮP NƠI ● VĂN NGHỆ TÌM HIỂU ● MỖI KỲ MỘT DANH PHẨM QUỐC TẾ RÚT NGẮN ● MỖI KỲ MỘT TÁC PHẨM VIỆT NAM CHUYỂN SANG ANH NGỮ

SỐ 2 THÁNG NĂM NĂM 1978

tạp chí văn nghệ đầu tiên của người việt hải ngoại

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
Chủ nhiệm: Võ - Phiến
Chủ bút: Lê - tất - Điều
Giám đốc Trị sự-Mỹ thuật : Lâm Triết
Giám đốc kỹ thuật: Trần đình Long

Tòa soạn: P.O. Box 19555 San Diego Ca. 92119 U.S.A.

MỤC LỤC

●*NHẬN ĐỊNH*		
Triết Việt trên đất Mỹ	*KIM ĐỊNH*	3
Làm Văn học nghệ thuật trong hoàn cảnh tị nạn	*MẶC ĐỖ*	8
Cuối mắt đầu mày	*VÕ PHIẾN*	11
●*SÁNG TÁC*		
Màu áo cũ	*TRÚC CHI*	18
Chiếc vòng	*VÕ ĐÌNH*	26
Nỗ tiền sinh	*XUÂN HIẾN*	42
Thơ	*XUÂN HIẾN– TRÚC CHI– LÊ XUÂN GIAO*	46
●*TÌM HIỂU*		
Kontinent , tờ báo của trí thức Nga tị nạn	*TRẦN KIẾN HÒA*	49
Một ống cụ trẻ	*THƯ TRUNG*	52
●*VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI*		
Khinh bỉ	*ALBERTO MORAVIA*	54
The noble man	*LINH BẢO*	79
●*THỜI SỰ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT*		
Sách Việt ngữ ở hải ngoại		85
Văn nghệ khắp nơi		87
●*BẠN ĐỌC VÀ CHÚNG TÔI*		
Bạn đọc viết		90
Thư tín		92

NÓI CHUYỆN VỚI GIÁO SƯ KIM ĐỊNH

TRIẾT VIỆT trên đất Mỹ

Giáo sư KIM ĐỊNH , tác giả của nhiều cuốn sách Triết học từng được giới trí thức trẻ tuổi ở Việt nam cực lực hoan nghênh hầm mộ trước 1975 thuộc sở những người Việt nam hết sức hiếm hoi phát huy một triết thuyết riêng. Từ ngày sang Mỹ giáo sư đã nhiều lần trình bày quan niệm triết học của mình tại một viện đại học ở tiểu bang Louisiana. Lần nầy VHNT mời giáo sư KIM ĐỊNH nhận định về triết học Mỹ và Việt, về sự chung dụng giữa các quan niệm sống của đôi bên.

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT : Trong triết học Mỹ hiện nay theo giáo sư có những trào lưu nào, trường phái nào, loại hiện tượng nào đáng chú ý ?

Giáo sư KIM ĐỊNH: Cái nhìn của tôi về triết học Mỹ hiện nay có thể giống với cái nhìn của Alan Watts trong quyển The Book (Vintage book 1972). Ông chia hai phe cứng mềm, mà phe cứng (prickles) nắm tay trên trong các hàn lâm học viện chuyên chú mạnh đến những phân tích ngữ lý kiểu Wittgenstein hay toán học kiểu B. Russell . Vì thế chỉ là những chữ nghĩa vô hồn, những máy móc chạy lịch kịch mà thiếu tình người, nên bị phe mềm (goo) coi rất thường. Tuy nhiên phe này chỉ hoạt động bên ngoài trường ốc. Tôi chú ý đến một vài nhóm chẳng hạn World Perspectives , nhóm của giáo sư Creel

về triết học Trung hoa, những cố gắng hiện thực tâm lý nhất là của Carl Jung trong nhóm Ira Progoff , cua Eric Fromm. Tuy nhiên tôi chưa thấy đáng tên là trào lưu, trường phái hay cả hiện tượng.

Nói chung thì triết Mỹ đã thoát ra khỏi thần quyền mà chưa tìm ra hướng vững, đã đi mạnh vào phía lương tri, có được những cái nhìn sống động, nhưng chưa tới được tận gốc của lương tri, chưa có được một bộ định đề và nguyên lý quán triệt thành ra chưa trồi vượt lên được. Có những tâm lý gia như Eric Fromm hay triết học gia Herbert Marcuse vẫn khoái Mác Xít !

VHNT: Người ta bảo triết học Mỹ có tính chất thực tiễn, giáo sư nhận thấy giữa triết học Mỹ và đời sống người Mỹ có mối liên quan như thế nào?

Gs KD: Tốt hơn bên Âu châu. Nhiều người không nghĩ như tôi là vì bao gồm Âu châu trước lúc có Mỹ châu, hoặc hiểu triết cách "cứng " theo nghĩa hàn lâm và hệ thống. Nhưng nếu đứng về quan điểm "sống" thì tôi cho là Mỹ hơn,nhờ được hai điểm tự nhiên. Một là đã thoát ràng buộc xưa hơn nên dễ sống thực tiễn theo lương tri. Và như vậy theo nghĩa ngặt là sống không có triết lý, nên không bị rầy rà do những cái dở hói của triết. Vì thế mà tôi bảo là tốt.

Hai là giàu hơn quá nhiều nên có được sẵn phương tiện thực hiện những điều tốt. Chẳng hạn đối với di cư thì phải nói là dân Mỹ rất tốt. (Xin bỏ ra ngoài chính phủ Mỹ với chiến tranh Việt nam) Hôm hội về văn hóa Việt ở Minneapolis chúng tôi đã hầu như đồng ý thế nây là trong số bảo trợ chỉ chừng độ 5-10 % là rất xấu. 10 — 20% không tốt. Còn ngoài ra là tốt và rất tốt. Đây là mức độ rất cao ít gặp được nơi khác. Nay nói đến triết cũng thấy tương tự: bớt hàn lâm hơn, đọc thấy nhiều chất sống hơn, đi vào đời hơn, đặt quan trọng vào kinh nghiệm và sự kiện hơn là trên ý niệm, trên tín điều.. Như thuyết thực nghiệm của W. James hay Dewey. Và nói chung thì thấy có nhiều dữ kiện hơn bên Âu để Mỹ dấn đầu vào cuộc cách mạng tương lai của con người phong lưu: homo ludens.

Tuy nhiên tính cách thực tiễn mới do sự thoát những ước lệ và ràng buộc xưa mà có, có theo lương tri, nhưng chưa đào sâu tận gốc lương tri, nên chưa có triết lý quốc gia, thành thử thiếu liên tục trong những vấn đề lớn như giáo dục,ngoại giao.. Nếu xưa thì không sao nhưng nay vì có phe cọng sản tìm hết cách tiêu diệt nên thiếu triết , cũng gọi là thiếu đạo lý , trở nên vấn đề rất nghiêm trọng.

VHNT: Sau tháng 4 -75 hơn 15 vạn người Việt nam vào sống trên đất Mỹ, đem theo một quan niệm sống mới. Trong tương lai quan niệm của người Mỹ và người Việt sẽ dung hòa được chăng ? Dung hòa như thế nào ?

Gs KD : Dung hòa được lắm chứ, vì Mỹ sống nhiều bằng lương tri (cũng kêu là thực tiễn) mà Việt cũng thế, chỉ khác là Việt thì lương tri có gốc làm thành minh triết, nhưng cái gốc nay đã phai nhòa rồi, nên ít lâu rồi cũng tà tà như Mỹ.

Còn hỏi cách nào thì tôi nghĩ phải lâu may chăng mới đạt độ melting pot. Vì đó cũng là cái mong của Mỹ. Cổ kim chỉ mới có văn hóa Việt nho đạt tới độ nọ ít ra ở đột cao đủ để nói là bản chất, còn ngoại giả có đạt thì cũng là cầu may. Vì thế tôi thêm hai độ nữa là stew và salad. .

Phần lớn dân Mỹ hòa hợp với nhau trong thể Stew (ragu) một món mà carrot, cải củ , xu hào vẫn còn giữ tính chất riêng trội hơn nhưng đủ làm thành một món ra-gu.

Còn Việt nam thì mới đạt độ salad: trộn ngấu nghiến vào: đóng góp vài món ăn, dăm ba điệu hát, thâu nhận hamburger , hot dog với nhảy đầm cả đứng lẫn nằm cách hổ lốn . Nhưng đó là tại thiếu thời gian. Với thời gian thì rồi người Việt không những vươn lên đột stew mà còn có thể cả đột melting pot. Nếu được thì sẽ đóng góp mạnh vào việc mở kỷ nguyên mới (novus ordo seclorum : a new cycle of the ages, Khẩu hiệu để sau đại truyện của Mỹ). Liệu người Việt có đóng góp nổi chăng. Câu thưa nằm trong mức độ mà người Việt nhận thức ra căn để nền văn hóa Văn Lang, mà hiện nay đã bị chôn sâu dưới tiềm thức.

VHNT: Theo chỗ chúng tôi biết, trong ba năm qua giáo sư đã có những cố gắng để giới thiệu và phát huy triết học Việt nam trên đất Mỹ. Xin vui lòng cho biết về các hoạt động cố gắng ấy và những kết quả cũng phản ứng đã gặp ?

Gs KD : Thật ra thì chưa ngoài sự dò đường. Ban đầu cũng gọi là đáp ứng cái grant của Ford foundation (do một người Mỹ đã ở bên Việt đọc mấy sách của tôi tự giới thiệu) tôi đã hỏi có ý lại đi vào dạy học, đã vào ở thử 5 tháng trong đại học Loyola. Giáo sư dạy triết Đông đã mời tôi nói chuyện dăm lần trong lớp: sự hưởng ứng cũng có, nhưng gặp một số trở ngại, chẳng hạn sinh viên phải học đọc quá nhiều, đang khi ấy tôi chưa có sách in sẵn để chỉ cho họ đọc, rồi một số trở ngại khác trong đó phải kể đến bệnh (vào nhà thủông hai phen mà khi ra vẫn lâm râm đau), nên cuối cùng tôi bỏ ý định dạy học, hãy đi ra

hưu cái đã. Nếu sau sức khỏe cho phép thì sẽ làm văn hóa lai rai. Thành ra một khóa trình dẫn nhập vào triết Đông mới viết được dăm chương tôi cũng bỏ luôn , còn đối với một số bạn hữu Mỹ đã chú ý đòi cho đủ v.v... thì xin khất.

VHNT: Xin giáo sư cho biết về những dự định hoạt động trước tác trong tương lai gần đây.

Gs KD: Tôi còn hoạt động chi đâu, hưu mà ! Chỉ còn viết lách qua loa với mục đích gây một ĐIỂM TỤ để cụ thể hóa tinh thần văn hóa Việt nam làm mục tiêu thống nhất. Hiện nay tôi rất cảm kích về sự hăng say của đồng bào hải ngoại trong việc yêu nước, muốn duy trì văn hóa dân tộc, vượt xa hẳn các nhóm di cư khác vào đầy trước. Chỉ với số người nhỏ bé mà có đến hơn trăm rưỡi hội, còn báo thì phải kể tới trên trăm tờ, nhưng về đoàn kết và thống nhất thì còn thiếu, cần được lưu tâm hiện thực. Theo tôi thì một trong những việc có thể làm là gây một điểm tụ bằng thiết định một BỘ SÁCH DÂN TỘC gồm đủ loại Kinh, Triết, Sử , Văn . Văn đây hiểu là những áng văn cổ điển như Truyện Kiều (classic),Sử là một bản kết đúc sử bằng thơ dễ học thuộc lòng cho mọi người : nhất là trẻ. Triết hiểu là những sách Triết viết theo lối mới có phân tích, hệ thống, đối chiếu. Kinh (canonic) là những lời xưa như truyện tích, ca dao, tục ngữ. Tôi nghĩ tới 5 Kinh : là Kinh Hùng, Kinh Cơ (dịch), Kinh ngũ (tục ngữ) , Kinh nghĩa (lễ) Kinh lạc (nhạc) . Công việc ở tại thu thập, chọn lựa, chú giải theo hệ thống sẽ thiết định trong triết rồi "bầu ra" và xin đồng bào "phê chuẩn ". Từ đấy kể là được vào sổ bộ và được trở nên sợi dây thống nhất (như chúng tôi đã trình bày trong quyển "Quê hương bỏ túi ", sẽ xuất bản).Người Việt bất kỳ ở đâu cũng đọc và học qua. Trẻ thơ cũng sẽ được mẹ cho nghe cùng một số băng nhạc, nghe cùng một khung lịch sử thì dù ở cách xa nhau cả từng châu cũng sẽ có "mối tình giáo khoa thư " để cụ thể cho tình tự dân tộc. Vài ba thế hệ sau con cháu muốn tra cứu về văn hóa dân tộc thì biết KHỞI ĐẦU tủ sách nào. Khi số sách đó có ít (mười lăm quyển) thì có thể nằm trong sức đọc của mọi người (còn người đọc được nhiều thì tất nhiên sẽ xông pha vào rừng sách. Mới có ba năm mà tiểu thuyết cũng ra tới số hàng trăm rồi, nên không lo thiếu sách mà lo "đa thư loạn tâm". Tôi muốn coi đó cũng là một tác động "phục quốc " Văn Lang. Vì thế tôi đang thảo chương trình để lúc nào thuận tiện thì đem ra trình làng, mời đồng bào khắp năm châu chung sức thiết định một "Quê hương bỏ túi " bằng đủ cách: tự thiết lập một kinh, cho tới góp tài liệu, ý kiến...

Để lời mời được cụ thể và chi tiết đủ để người đọc có một ý niệm đích xác về bộ sách ra sao thì ngoài tập nhỏ "Quê hương bỏ túi " tôi đang soạn quyển KINH HÙNG, quyển kinh đầu nói về Hùng vương và nước Văn Lang trên giai tầng triết lý. Và xin đóng góp quyển triết đầu tiên là "Sứ diệp trống đồng ". Quyển này sẽ căn cứ trên khảo cổ, dân tộc học, xã hội học, uyên tâm và cơ cấu để nhận diện triết Việt là chi, dân tộc tính với bốn ngàn năm văn hiến ra sao, liên hệ với Nho trong 2 ngàn năm qua , và những khả năng đối với thế giới đang đi tới. Đấy là việc của tương lai gần đây. Nhưng vì khó khăn tài liệu, tài chánh,sức khỏe nên chưa hiểu nó gần bằng nào.

☆

Đó không chỉ là thơ, đó là tiếng thét dậy trời của những tâm hồn lưu lạc – Bạn không từng yêu thơ, bạn vẫn nên đọc để yêu thơ , để gặp gỡ tiếng thơ gây kinh ngạc chấn động cho cả những văn thi sĩ:

"... Thơ CAO TẦN được tán thưởng ngay. Nó gây chấn động. Nó thành một biến cố trong sinh hoạt văn nghệ tha hương..." (nhà văn VÕ PHIẾN)

"... Tôi sẽ đọc to những đoạn thơ chấn động của CAO TẦN..." (Thi sĩ NGUYÊN SA)

"...Giọng thơ có cái gan lì chai đá của một Lý Bạch vung kiếm chém mãi vào mặt nước để thấy rằng nước vẫn chảy (thuỷ cánh lưu) ... mà vẫn cứ chém, nó có cái cảm khái của quốc sĩ Dương Bá Trạc nghiêng chén gọi người tri kỷ về " cạn một hồ trường", nó có cái tiết liệt của Nguyễn Biểu, người để lại cho hậu thế tiếng gươm thép san sát cọ trên mặt đá dưới ánh trăng"(Thi sĩ TRÚC CHI)

THƠ CAO TẦN

Người Việt xuất bản – Giá 2$50

Bưu chi phiếu xin gửi về: LÊ SANG NGHIỆP

P.O. Box 19555

San Diego , Ca. 92119

làm văn học nghệ thuật

TRONG HOÀN CẢNH TỊ NẠN

MẶC ĐỖ

Albert Camus trong bài đọc tại Thụy Điển khi dự lễ trao giải thưởng Nobel văn chương năm 1957 có đưa ra một nhận định và một đề nghị. Nhận định rằng thuở nay nhân loại gồm số nhỏ người LÀM lịch sử và đông đảo những người KHỔ VÌ lịch sử, những người phải gánh chịu những hậu quả do những biến cố lịch sử. Đề nghị cho rằng vị trí thích đáng của những người làm văn học nghệ thuật là đứng về phía những người khổ vì lịch sử. Nhận định và đề nghị rất đúng. Lấy nhận định và đề nghị đó làm chuẩn, chúng ta thử tìm hiểu hoàn cảnh lịch sử của Đất Nước thời hậu Thế Chiến II và tình trạng văn học nghệ thuật Việt Nam trong hoàn cảnh đó. Suy ngẫm trên những dữ kiện tìm thấy, chúng ta sẽ có thể nhìn ra đâu là chỗ đứng của những người làm văn học nghệ thuật giữa thời thế bọn chiếm nước không dung phải đem nhau đi tị nạn.

Ảnh hưởng mãnh liệt nhất của Thế Chiến II trên thế giới là sự lay động tận gốc rễ những quyền lực bấy lâu đang có vị thế vững và lớn, ngoại trừ hai quyền lực thời đó chưa ưu việt nhưng từ lâu trước sử gia Tocqueville đã nhìn thấy đang chờ cơ hội vươn lên thế chia đôi thiên hạ. Những biến thiên mà người Việt chúng ta phải gánh đều liên quan đến hai mưu toan vươn lên đó. Biến cố đáng kể thứ nhất là vụ quân Nhật tiến chiếm toàn cõi Đông Dương, gạt phăng chủ quyền của thực dân Pháp. Làm lịch sử trong vụ này không phải là người Việt. Một số nhỏ đầu não trong tổ chức quân phiệt Nhật đã lấy một quyết định ảnh hưởng khách quan lớn lao đến dân tộc ta. Thế chiến đến hồi tàn, chỉ có hai người Việt Nam đã làm lịch sử. Người thứ nhất là Hồ chí Minh, với quyết tâm biến thuộc địa Đông Dương thành quốc gia độc lập trong tinh thần Đệ Tam

Quốc Tế. Quốc gia Việt Nam độc lập trong con mắt Hồ chí Minh ngay từ phút đầu đã hoàn toàn không giống mẫu số chung của tối đại đa số người Việt. Theo đuổi mục tiêu độc lập quốc gia, Hồ chí Minh đồng thời cũng theo đuổi âm mưu loại trừ hết mọi phần tử không cùng ý hướng chính trị. Chiếu bài quốc gia chỉ là cái cớ để tiến tới thực hiện chủ nghĩa cọng sản trên lãnh thổ quốc gia. Người Việt Nam thứ hai đã làm lịch sử nhưng mắc mưu Hồ chí Minh là Bảo Đại. Nếu hồi đó Bảo Đại không trao ấn tín cho đại diện Việt Minh để được nói một lời lịch sử, "Thà làm dân một nước tự do...', thì sự thế có thể đã đổi khác. Sau đó, chẳng bao giờ Bảo Đại làm lịch sử nữa, trong khi Hồ chí Minh tiếp tục, với khổ công bắt tay kẻ thù Pháp để đàn em rảnh tay tiêu diệt những phần tử quốc gia, với chủ trương tiến chiếm miền Nam bằng bất kỳ giá nào, bất kể mọi điều linh của quốc dân. Hết thảy mọi biến cố khác liên quan đến Việt Nam, hết thảy mọi nhân vật khác được đề cập tới qua những biến cố từ 1945 đến 1975 liên quan đến Việt Nam, hết thảy đều ở hàng thứ yếu so với những hành động của hai người làm lịch sử kia. Trên bình diện thế giới, những việc và những người đó đã bị cuốn hút theo cuộc đua tranh giữa hai siêu quyền lực Mỹ và Nga; trên bình diện Việt Nam, những việc và những người đó đều là hậu quả của quyết tâm do một người muốn nhập cảng chủ nghĩa cọng sản vào Việt Nam là Hồ chí Minh.

Mặc dù những sử gia ở Hànội đang ra sức diễn giải quá trình sinh trưởng của dân tộc Việt Nam qua lăng kính cọng sản chủ nghĩa, không ai có thể chối cãi một sự thật là con người Việt Nam đời đời vẫn bấy nhiêu tốt xấu, xã hội Việt Nam đời đời vẫn một tình tự dân tộc cấu kết nên. Đem ý muốn nhất thời của một số người hòng sửa đổi những thực tế muôn đời của cả dân tộc thì cố gắng đến đâu sự thật vẫn là sự thật. Sự thật nhìn nhận rằng từ hồi còn mồ ma thực dân Pháp đã có những người Việt Nam mê say chủ nghĩa cọng sản. Những người đó đã có những cơ hội đốc thúc từng nhóm dân chúng nổi dậy, nhưng động cơ nổi dậy là những gì khác chớ không phải lý tưởng cộng sản. Cũng như dài theo cuộc chiến diệt chủng vừa qua tinh thần quốc gia đã là động lực để hàng triệu thanh niên chịu hi sinh chớ không phải lý tưởng cọng sản. Đồng bào chúng ta từ Bắc tới Nam bấy giờ có giác ngộ là giác ngộ về những thảm hại của đường lối cọng sản trong công cuộc độc quyền quản lý đất nước của Đảng Cọng sản VN, chớ không phải giác ngộ rằng đó là con đường thật sự giải phóng dân tộc. Ngót năm mươi triệu người Việt đã là nạn nhân phải chịu đựng những biến cố lịch sử do một người làm lịch sử là Hồ chí Minh, với dưới tay độ vài ngàn cán bộ nòng cốt. Còn lại hết thảy là bọn a dua hay những nạn nhân.

Đúng như Camus nhận định, những người làm văn học nghệ thuật đã chẳng thể làm lịch sử, suốt những năm đau thương đã qua văn học nghệ thuật trên toàn cõi Việt Nam chỉ có thể là phản ảnh của thời thế. Ở miền Bắc, biển khảo cũng như mọi ngành sáng tác đều qua cái khuôn đường lối của Đảng Cọng Sản. Làm văn học nghệ thuật không hèn họa chăng có những người vì nổi dậy đã bị Đảng bịt miệng, trói tay, hoặc những người đã giấu tài nghệ đành cầm niu lao động chân tay. Văn học

nghệ thuật công khai miền Bắc không phát biểu đúng tâm sự của con người ở miền Bắc. Ở miền Nam, ít nhất những người làm văn học nghệ thuật cũng có tự do nói lên những gì muốn nói, phát biểu tâm sự của con người ở miền Nam. Có mưu toan bịt miệng, trói tay, của mọi chế độ liên tiếp cầm quyền, tự do không được vận dụng đến tuyệt đối, nhưng vẫn có tự do. Chưa hề có chế độ nào ở miền Nam đã tự hào được toàn bộ giới văn học nghệ thuật phục vụ tới cỡ so sánh được với trình độ toàn bộ phục vụ ở miền Bắc. Cũng phải gánh chịu lịch sử, những người làm văn học nghệ thuật ở miền Bắc dù muốn dù không đã đưa lưng ra phục vụ một người làm lịch sử là Hồ chí Minh, và chế độ do người đó dựng lên. Cũng phải gánh chịu lịch sử, những người làm văn học nghệ thuật ở miền Nam trước sau vẫn chỉ là những người phải khổ vì lịch sử, như đồng đảo mọi người khác.

Sau ngày thống nhất đất nước, việc đầu tiên chính quyền cọng sản đã làm ở miền Nam trên bình diện văn học nghệ thuật là kiểm điểm hết sách vở lưu trữ tại Thư viện Quốc gia, những gì bất lợi cho chế độ mới là tiêu hủy hết. Độc quyền tư tưởng ở miền Bắc nay được thi hành thêm ở miền nam. Chính sách văn hóa đó rập khuôn chính sách đã áp dụng tại Nga, Hoa lục và tại những nước cọng sản khác. Chính sách đúng hay sai khỏi cần xét đoán, chỉ cần biết rằng ở Nga lịch sử cứ phải viết lại hoài tùy theo những thăng trầm của các lãnh tụ, tiểu sử của Stalin bây giờ nghe đâu đã teo lại còn chừng một trang trong bộ tự điển bách khoa chính thức. Ở Hoa lục, Giang Thanh bị hạ bệ thì lập tức bị bôi mất hình dạng ở bên Mao trạch Đông trên những hình ảnh lịch sử. Việc tàn sát văn hóa nhắc nhở việc tàn sát chính trị. Bây giờ ở Việt Nam chỉ còn một đường lối văn hóa cũng như chỉ còn một đường lối chính trị. Trong khi tư tưởng và tâm hồn của con người Việt Nam không có cái khuôn nào đúc gọn lại được.

Những người làm văn học nghệ thuật ở miền Nam Việt Nam phải bỏ chạy đi, chấp nhận đời sống tị nạn, tách biệt với đất nước, vì tin rằng chỉ có cách duy nhất đó là giữ được cái quyền thiêng liêng nói lên tiếng nói của con người Việt Nam không bị chính trị kiểm chế, nói lên tâm sự của đất nước chỉ có thể bộc lộ trong tự do. Ngày nào mà văn học nghệ thuật ở trong nước chỉ là một khúc đại tấu chuyển một mặt ca tụng chế độ, ngày đó đất nước còn cần có những người làm văn học nghệ thuật ở ngoài những khuôn thuốc áp đặt. Những người đó không phải là thần thánh, họ chỉ là những con người với những xấu tốt thường tình. Nhưng họ cố giữ là những con người như vậy. Để nghe được tiếng nói, biết được tâm sự của đồng đảo những con người khổ vì lịch sử.

■ MẶC ĐỖ

N.B.— Trong bài này danh từ 'xã hội chủ nghĩa' (socialism) đã được cố ý không dùng đến vì trên thực tế không có một quốc gia nào trên thế giới đã thể hiện đúng xã hội chủ nghĩa, mặc dù nhiều quốc gia cọng sản vẫn lấy xã hội chủ nghĩa làm chiêu bài. Nhà văn Pháp J.F. Revel đã phân biệt rõ khi viết: "Một xã hội có thể chuyển từ tư bản chủ nghĩa sang xã hội chủ nghĩa, chớ không bao giờ từ Cọng sản chủ nghĩa sang xã hội chủ nghĩa".

cuối mắt đầu mày

● VÕ PHIẾN

Bạn hiền,

Lần này bạn hơi táy máy đấy nhé. Cái cách thức người ta yêu đương nhau, bạn biết được bao nhiêu mà dám chê khen chứ hả ? Lẽ ra tôi càng không nên xía vào đó, nhưng rốt cuộc vẫn bị bạn cám dỗ. Thôi thì liều vậy: chúng ta rủ nhau cùng tấn công vào tình yêu kiểu Mỹ. Nếu hỏng, cả hai cùng hỏng.

Bạn có cảm tưởng ái tình Hoa Kỳ hời ợn. Tôi cũng xiêu theo ý bạn. Người Mỹ cứ hễ khoái cô nào thì xông tới làm quen, rồi tán riết, vì thế mà đâm ồn. Ở ta ít ra trong giai đoạn đầu, tình yêu có những biểu lộ im lặng hơn. Hãy xem chàng Từ Hải, con người cao lớn nghênh ngang, ăn nói toàn đao to búa lớn như thế mà khi đến với Kiều thì:

"Thiếp danh đưa tới lầu hồng
Hai bên cùng liếc hai lòng cùng ưa."

"Liếc" là một hình thức trong sinh hoạt ái tình Việt nam. Một hình thức quan trọng đa ! Hoàng ngọc Tuấn chuyên kể

Loạt bài tìm hiểu các đặc tính dân tộc Việt và Mỹ này là những bài mới nhất tiếp theo loạt bài cùng chủ đề đã đăng trên bán nguyệt san Hồn Việt (Hoa Kỳ) và bán nguyệt san Quê Mẹ (Pháp) , dưới một tựa đề chung " LẠI THƯ GỬI BẠN ".

chuyện yêu đương; trong cuốn HỌC TRÒ là những chuyện yêu đương thời thơ dại. Trong đó chúng ta đọc thấy: *" Lâu nay mỗi lần gặp nhau, anh chàng lúc nào cũng cố "biểu diễn " đôi mắt nhìn cô với hết vẻ chân tình thắm mật ". (1)*

Thơ dại như học trò còn thế huống hồ một nghệ sĩ hào hoa. Cho nên khi Vũ hoàng Chương yêu thì mất người thật khiếp. Ngót bốn mươi năm sau người con gái đã đón nhận tia mắt ấy còn xôn xang :*" Lạ lùng ở chỗ anh nhìn tôi cho đến bây giờ tôi còn nhớ cặp mắt đó, đôi mắt sắc và đa tình ! và như soi bói như...làm sao "* và*" tuy đứng nói chuyện với anh Chu mà con mắt anh vẫn liếc ngang ghê gớm lắm !" (2)*

Những liếc ngang ghê gớm ấy, có lẽ là cái chính họ Vũ để cập trong một câu thơ mà tôi nhớ loáng thoáng:

"Cuối mắt đầu mi tình chứa chan"

Chúng ta vừa nói đến một đấng giang hồ hào kiệt, một cậu học trò, một nhà thi sĩ : đại khái lớn cũng như bé, văn cũng như võ, ở ta ai nấy đều biết "biểu diễn " đôi mắt. Những biểu diễn lặng lẽ mà chứa chan tình cảm ngây ngất tâm tình. Trò ấy, lạ thay, ít gặp ở xã hội Mỹ.

Thật vậy, ngoài đời bạn cũng như tôi cùng ít trông thấy người Mỹ liếc nhau. Tại chỗ công cộng, phần nhiều trông họ nghiêm chỉnh, thẳng thắn: không nhìn ngang nhìn dọc, chỉ khi chào hỏi hay nói năng với ai mới ngó thẳng vào người ấy.

Trong sách , cuốn " Love Story " của Eric Segal chẳng hạn ngay từ đầu cô với cậu đã đấu hót leo lẻo, và cứ thế tưng bừng cho đến giai đoạn chót của cuộc tình. Còn như trong "Valley of the dolls " của Jacqueline Susann,cặp nọ cặp kia cùng biểu diễn thật nhiều trò, trừ phi trò liếc mắt. Ngây thơ trong trắng như cô Anne từ tỉnh lẻ lên Nữu Ước, cô ta cũng không buồn tỏ tình bằng mắt: lúc chịu nhau là nói toạc bằng lời minh bạch. Chàng nghe ra, chụp lấy bàn tay, thế là xong.

Cảm tưởng này của chúng ta thật chủ quan, căn cứ vào chút kiến thức thật hẹp hòi. Chúng ta mới vừa đến xứ này một thời gian ngắn, quen biết chẳng được mấy, chưa có điều kiện để đi sâu vào cuộc sống; còn đối với sách vở, ôi chẳng qua là mới lướt qua mấy cuốn thời danh ! Rất có thể khắp đầy đó ngoài tầm nghe thấy, đọc thấy của bạn và tôi, đang có một khối người Mỹ "thầm lặng " vẫn liếc nhau đều đều. Có thể chăng ?

Có vậy, chúng ta hố nặng. Nhưng nếu phải chờ thì chờ đến bao giờ mới được xem là người có hiểu biết xứng đáng, có thẩm quyền để phát biểu về vấn đề chém liếc của Mỹ ? Đành

nói đại, nói bừa lên thứ cảm tưởng sơ khởi về những điều mà một cái nhìn bộp chộp của người ngoại cuộc dễ bắt gặp nhất tại Mỹ. Chẳng hạn về vấn đề hiếp dâm.

Ở đâu cũng có chuyện ấy, nhưng ở Mỹ nó là chuyện trầm trọng: báo chí, truyền thanh, truyền hình loan báo nhiều về nó; xã hội không ngớt kêu gọi và tổ chức để phòng nó; con số thống kê có những tiết lộ dáng ngại về nó. Người Mỹ phái nam cưỡng bức người Mỹ phái nữ quá lắm: có những kẻ hành động như chuyên nghiệp, một mình lập đôi ba chục thành tích. Ở đây, lắm lúc tưởng chừng người nam bị một sức thu hút quá mạnh về phía người nữ, mạnh mẽ và gấp rút đến nỗi không kịp có một thu xếp phải chăng.

Sức thu hút ấy, chúng ta không thấy một dấu hiệu nào ! Ác thế.

Ngoài đường phố, ở công viên, trong sở, trong xưởng, chúng ta hiếm khi bắt gặp những người đàn ông Mỹ hoặc liếc gái, hoặc trố mắt nhìn gái một cách thèm muốn. Hiếm đến nỗi tưởng chừng ông Carter phải là một tay quán quân đa tình.

Bạn hãy nhớ lại những buổi chiều chúng ta ngồi ở Kim Sơn, ở quán Cái Chùa, ở những bàn nhậu bên lề đường Tự Do, vừa nhấm nhi vừa... rửa mắt. Chúng ta quấy nhiều, nhảm nhiều chứ. Và những khi hoặc bát phố Lê Lợi hoặc có dịp lượn vào chợ, chen vô rạp hát, vào những nơi có lắm bóng hồng: bấy giờ ngay đến những đấng trượng phu tuổi tác, mấy ai tránh khỏi mất la mày lém, thì thầm khúc khích với nhau ?

So với những hoạt động nghịch ngợm ấy của chúng ta, người Mỹ xem có vẻ tỉnh bơ bên cạnh đàn bà con gái. Như không buồn để ý đến. Cho đến khi, thoắt cái, thuyền quyên bị đề ra ứ hự. Và báo chí tha hồ loan báo, và xã hội lo ngại, và thống kê tha hồ ghi nhận v.v...

Tóm lại, giữa nam nữ, khi yêu nhau, ta liếc mắt đưa tình thì Mỹ mở lời tán tỉnh; khi thèm muốn ta nhìn ngó trầm trồ thì Mỹ hành động.

Ta liếc, họ nói; ta nhìn, họ làm : như thế chỉ có nghĩa là họ tiến nhanh, vội vàng đi trước chúng ta một bước, bước ấy rồi ta cũng không bỏ qua ? — Không phải thế : ở đây không hẳn là chuyện kẻ nhanh người chậm. Cái khác nhau thiết tưởng có chỗ còn quan trọng hơn thế nhiều.

Tôi nhớ có lần chúng ta đã bàn với nhau về chuyện người Việt nam thường cãi cọ, chửi bới om xòm, mà ít đánh đấm; trong khi ở Mỹ ít xảy ra cảnh chửi mắng huyên náo ngoài

đường, mà chỉ thường có các vụ thanh toán nhau thật gọn, mà tỉ số tội ác lại cao (3). Chuyện cưỡng hiếp cũng thế chăng?

Ở một xã hội mà người người không phải tốn trọng phép lịch sự quá đáng, mà cuộc sống thường nhật khá xuề xòa cởi mở, ở nơi mà ai nấy thỉnh thoảng cơ dịp khẩu dâm và nhãn dâm thỏa thuê, thì cảnh bạo động về tình dục có cỏ tránh bớt chăng?

Bỏ tội ác xã hội chúng ta hãy trở về với ái tình. Vừa rồi tôi bảo ánh mắt liếc nhau là một "biểu lộ" im lặng của tình yêu trong "giai đoạn đầu" ở xứ ta. Xin bạn hãy đọc một cách thật rộng lượng, vì tất cả chỉ đúng rất đại khái.

Trong bài "Tình già", khi cặp nhân ngãi của ông Phan Khôi đã sống một mối tình đến gần trắng trọn mái đầu mà gặp nhau con mắt vẫn còn "có đuôi" đấy. Dẫu sao thường thường thời kỳ bất thành văn cũng xảy ra trước thời kỳ thành văn của ái tình. Nếu đem ví tình yêu như một giòng nước, thì ở ta trước khi phơi bày công khai ra ánh sáng thành con suối, giòng nước ấy đã chảy ngầm, làm rạo rực cả lòng đất. Tôi chủ trương cái rạo rực ấy là đáng giá, và lấy làm tiếc khi người Mỹ rút ngắn giòng tình.

Mặt khác, xét ra cái liếc không hẳn chỉ để "biểu lộ" tình yêu, chỉ là một phương cách tỏ tình; nó cũng là một cách sống ái tình đấy bạn ạ.

Này, bạn thử nhớ lại những lúc bạn liếc và bắt gặp khóe mắt kín đáo của người yêu xem: dám bủn rủn cả người lắm. Liếc như vậy đâu phải chỉ là phát ra một tín hiệu để liên lạc nhau, để thông báo tình yêu? Nó chính thị là tình yêu, là một phương diện của yêu đương đấy. Khi liếc nhau chúng ta không nhằm thông báo nhau cái gì cả; mà chúng ta chính đang hưởng một khoái thích đê mê. Liếc nhau cũng như vuốt ve nhau, hôn hít nhau: vuốt, hôn bằng thị giác.

Kim Trọng với Thúy Kiều, chính sau khi đã đang đêm vượt tường tìm đến nhau, mang quà cho nhau xơi, đàn địch cho nhau nghe, khi mà chuyện âu yếm đã ngả sang lả lơi, tình ý đã không còn gì để thông báo cho nhau nữa, chính khi ấy ánh mắt chém liếc mới mạnh dạn hoành hành dữ dội đa:

Hoa hương càng tỏ thức hồng
Đầu mày cuối mắt càng nồng tấm yêu."

Những trao đổi "đầu mày cuối mắt" ấy nó gây cảm xúc

say sưa, mê mẩn, nó làm cho đôi bên đứng ngồi không yên, nó khiến cho cả cặp chới với suýt ngã xuống tội lỗi.

Nói về cường độ cảm xúc, tôi không dám chắc giữa liếc, vối vuốt ve hôn hít bên nào đem đến những cảm xúc mạnh hơn đấy nhé. Một người đàn bà đã nhớ mãi một cái liếc ngang đến bốn mươi năm ; nếu trời cho bà còn sức khỏe, không có gì ngăn cản bà tiếp tục nhớ nó thêm mười năm, mười lăm năm nữa. Liệu mấy ai nhớ một cái hôn đến nửa thế kỷ ?

Chuyện ái tình đem ba hoa tại Mỹ quốc thật lấy làm ngượng. Thiết tưởng trên thế gian không còn nơi nào hởn nơi này, ái tình tìm được mảnh đất tự do lý tưởng để tung hoành, phát triển đến tận cùng khả năng. Đây là đất lành của di dân tứ xứ, cũng là đất lành của ái tình. Ai nấy tha hồ tìm hiểu khảo sát , thí nghiệm , nghiên cứu đến nơi đến chốn, không gặp phải một cấm kỵ nào. Sách báo phim ảnh, giáo dục cũng chiếu cố ái tình thật kỹ. Chúng ta đến đấy tưởng không còn gì để nói thêm vào đề tài này nữa.

Thế nhưng đến đây chẳng bao lâu lại tấy máy muốn nêu lên câu chuyện cái liếc. Thiếu cái ấy là cả một thiệt thòi đấy , người bạn Hoa kỳ ạ.

Người Hoa kỳ sống ở một xứ sở cực kỳ văn minh, có nền kỹ thuật cực kỳ tiến bộ. Chúng ta đề nghị: Sau khi đạt đến chỗ tột đỉnh văn minh tiến bộ, nắm trong tay đủ mọi kết quả nghiên cứu, thống kê tinh vi chính xác, sau khi chinh phục vũ trụ càn khôn xong, bấy giờ những người Mỹ nam và nữ hãy dành thì giờ ngồi mà tập luyện một bộ môn hạnh phúc: liếc nhau.

Bấy lâu loanh quanh trong nước với nhau chẳng để ý làm chi, nay có dịp sống lẫn lộn giữa xã hội Mỹ bỗng chốc thấy mình không giống ai. Bèn tự hỏi ::"Tại sao vậy ? Tại sao chúng ta lại chuyên lối yêu ngầm ?"

Không biết bạn thế nào, riêng phần tôi thì cái ý tưởng xuất hiện đầu tiên trong trí là một ý tưởng thật khốn kiếp: Tôi đoán có lẽ vì Mỹ tự do còn ta bị (lễ giáo) ức chế chăng ? (ngầm ý cho rằng ta không bằng người).

Quen đời phóng túng tự do, người Mỹ có gì mạnh dạn nói ra ngay, không hay e ấp ngại ngùng, nửa úp nửa mở. Còn ở xã hội ta ngày trước, tình yêu nam nữ không được phô bày lộ liễu; dầu là vợ chồng đi nữa cũng không có thói âu yếm nắm tay nắm chân nhau trước mặt mọi người, trai gái dù quan hệ thân

thuộc thế nào cũng không được tiếp xúc gần gũi, cũng thụ thụ bất thần v.v... Trong hoàn cảnh ấy nói oang oang không tiện, đành chờn vờn chém liếc vậy. Riết rồi thành thói quen, trau dồi mãi thành nghệ thuật. Dần dần liếc không còn chỉ vì nhu cầu kín đáo, mà lại thành một khoái thích. Chẳng hạn trong trường hợp Từ Hải: Bấy giờ Kiều đã dãi dầu ở lầu xanh, muốn gì chẳng được, hà tất liếc nhau ? Vậy mà lòng ưa thì mắt cứ liếc.

(Bạn đừng lấy làm lạ khi tôi cứ nhất định xem Từ Hải như một đồng bào ta: nguồn gốc ông ta thế nào mặc, Từ đã là một nhân vật trong văn phẩm Việt nam thì lời ăn tiếng nói, cử chỉ, tác phong của ông ta thuộc về văn hóa Việt nam).

Bạn nghiệm giùm tôi coi quả thực có tội bất công đối với dân tộc không ? Tôi bảo ở ta thiếu tự do ? Nhưng ở Âu Mỹ có phải từ hồi nào tới giờ quan hệ nam nữ cũng được như ngày nay đâu ? Ở Âu châu thời Trung cổ, phận gái cũng e ấp lắm, phòng the cũng bị khóa kỹ lắm chứ (không những phụ nữ chỉ bị khóa cửa phòng mà còn bị khóa cả lồi... cửa riêng của mình nữa cơ) . Và lớp người Mỹ tiền phong thoạt đến xứ này chắc chắn cũng chưa vội bỏ nếp sống cũ từ Âu châu đâu. Bấy giờ lối liếc mắt đưa tình có thịnh hành trong giới các đấng thám hiểm khai quốc chăng ? Tôi biết tìm hỏi vị sử gia uyên bác nào đây ? ngành sử học nào chuyên trị về cái liếc nhỉ?

Thế rồi nếu bảo tự do giết chết cái liếc, vậy liệu chừng hiến pháp ban hành được bao lâu thì người Mỹ bớt liếc ? Tuyên ngôn nhân quyền ra đời được mấy chục năm thì người Pháp bat đầu thôi liếc nhau ? Có chuyện như vậy xảy ra chăng ?

Tóm lại,đem cái liếc liên hệ với một chế độ xã hội rồi nêu thành định tắc như thế gây ra rắc rối. Lắm khi là rắc rối nguy hiểm nữa Nếu có ai chịu khó tìm đến những bộ lạc , những dân tộc trong đó nam nữ sống với nhau khá buông tuồng mà ánh mắt vẫn chém liếc nhau loạn cả lên thì có phải khổ thân tôi không ?

---

(1) HOÀNG NGỌC TUẤN – HỌC TRÒ . Văng Son xuất bản 1973 (trang 84)

(2) ANH NƯỚNG – NHỮNG NĂM BA MƯƠI CỦA VŨ HOÀNG CHƯƠNG – Tạp chí Đuốc Tuệ số 6, trang 18.

(3) VÕ PHIẾN – BẠO ĐỘNG – Tạp chí Hồn Việt năm 1977.

Vì thế rốt cuộc tôi đề nghị với bạn: Trong khi chờ đợi sự giải đáp, hãy tạm chọn một tin tưởng dễ dãi: đặc tính dân tộc. Tin rằng ánh mắt long lanh chan chứa nọ là của Trời cho ta.

Vâng, tôi hiểu sự dè dặt của bạn, tôi không bảo trời cho ta là cho cả. Người Mỹ chắc chắn cũng có liếc chứ! Ai dám bảo họ không liếc chút ít? Kẻ ít người nhiều, thế cũng đủ làm nên dân tộc tính khác nhau rồi đấy.

VÕ PHIẾN

☆

● Tạp chí VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

SỐ 1 : **Phạm Duy phân tích các vấn đề của nhạc Việt trên đất Mỹ** : *Tình hình âm nhạc Mỹ hiện nay ra sao ? Nhạc Pop nhạc Country thế nào ? Dân ca Việt nam liệu có thể ảnh hưởng vào nhạc Mỹ như dân ca Âu châu chăng ? Âm nhạc hiện nay ở Sài gòn có gì thay đổi ?v.v...* ''

*** VÕ PHIẾN đọc thơ CAO TẦN**

* Ba thiên truyện ngắn chọn lọc của MẶC ĐỖ, LÊ TẤT ĐIỀU, HOÀNG DUNG ... Một bài thơ lạ lùng của họa sĩ PHẠM TĂNG, Một cuốn truyện dài của PEARL BUCK v.v...

MÀU ÁO CŨ

● TRÚC CHI

Hồi 195..., vừa mới ra trường, chàng lên đóng ở Ban-mê-thuột . Tỉnh nhỏ mà người Việt lại ít. Chung quanh một cái chợ mà không ai buồn nghĩ tới chuyện sửa sang tu bổ sau những ngày binh lửa từ những năm 45, 46 , lèo tèo vài hiệu tạp hóa, quán mì, hủ tiếu. Những nhu yếu phẩm khác lọt cả vào một hai cái tiệm các chú. Nhưng cũng có được một hiệu sách không tên, bên ngoài trên vỉa hè có một cái bảng gỗ hình chữ nhật sòn xanh, lòng thòng một hàng chữ đỏ: *" Ở đây bán và cho thuê truyện và báo chí "*. Bên dưới có hai chữ *" librairie française "* mà có lẽ người ta thêm vào sau, bởi hai chữ đó viết theo một kiểu khác, màu khác. Mà vị trí của nó cũng bất lợi. Nó bị hàng chữ Việt lấn hết đất, cho nên đến chữ "e" cuối cùng trong chữ française thì nó chỉ còn là một chấm son tròn tròn, không giống chữ nào trong mẫu tự La-tinh cả.

Gọi là hiệu sách tiếng Pháp cho oai vậy chứ thật ra chỉ lơ thơ mấy tờ tuần báo Paris Match , Ciné-Revue, một vài quyển sách giáo khoa cũ đổi chủ không biết bao lần mới lọt vào sau cái tủ kính mà người ta đã ra công lau chùi nhưng cũng không đẩy lui được lớp bụi đỏ mà gió rừng già cao nguyên cứ tới tấp gửi về, ngày lại ngày.. Vậy mà buôn bán cũng có vẻ nhì nhằng.

Những người chinh phu trong đoàn lính Lê Dương của Pháp, khi rũ lớp bụi trường chinh trong cái thành phố thuộc quê hương của đất đỏ đó, cũng tạt vào đây, mân mê một quyển trinh thám thuộc "série noire", một tờ Paris Match, một vở kịch của Molière.

Sách Việt tương đối nhiều hơn. Bên cạnh báo Ánh sáng, Thần chung từ Sài gòn "bay" lên mỗi tuần hai lần, rải rác tiểu thuyết của Thẩm thệ Hà, Vũ anh Khanh, cùng sách của một vài tác giả trong Tự Lực Văn Đoàn tái bản lụp chụp không biết đến lần thứ mấy. Thêm vào đấy là mấy quyển Việt nam Sử lược của Trần trọng Kim, Việt nam văn hóa sử cương của Đào duy Anh, Việt nam thi văn hợp tuyển của Dương quảng Hàm. Nhưng mà bán chạy nhất vẫn là những tiểu thuyết Tàu dịch ra tiếng Việt: Tam quốc chí diễn nghĩa, Phong thần, Ngũ hổ bình cả tứ xứ. Kỳ dư là Bạch viên Tôn giả, Tống chân Cúc hoa, Phạm công Cúc Hoa thuộc... bổn cũ soạn lại.

Và cũng trong cái khung cảnh rất ư là "văn hóa" đó mà chàng đã gặp Vân. Một buổi chiều tạnh mưa, đất dẻo cao nguyên đóng dày cộm dưới đôi giày đinh, sau khi gửi một cái ngân phiếu cho người dì để thêm vào chỗ tốn kém nuôi bảy em, chàng tạt vào hiệu sách đó để mua một xấp giấy viết thư. Nhìn quanh quất không thấy thứ giấy mỏng đầu cả, chàng cất tiếng hỏi bà chủ đang loay hoay mở mấy kiện hàng:

— Thưa đây có giấy pelure không ạ ?

Bà chủ đưa cánh tay gạt mấy giọt mồ hôi lăn tăn trên trán:

— Dạ thưa có. May quá. Máy bay mới lên hồi nãy mà chưa kịp mở. Vân ơi, tháo thùng giấy ra lấy cho má một xấp bờ- lua con. Ông làm ơn chờ một chút xíu. Lẹ đi con.

Người con gái cầm xấp giấy viết thư ra cho chàng có nước da ngăm ngăm đen. Ánh nắng chiều gay gắt sau cơn mưa do vũng nước trước cửa phản chiếu vào trong hiệu sách, khiến đôi mắt đen và to của Vân sáng hẳn lên. Mớ tóc óng ánh có lẽ được kẹp với vàng để ra gặp người lạ, nên vẫn còn một vài sợi lòa xòa rũ xuống gương mặt hiền hậu. Đôi môi đầy đặn hơi mím lại vì e thẹn bỗng hé mở ra dáng ngạc nhiên. Tiếp theo đó là một tiếng "ũa" rất nhỏ mà người nghe chỉ đoán được qua cử động của vành môi. Nhưng Vân trấn tĩnh ngay. Vẻ ngạc nhiên biến hẳn trên gương mặt xinh xắn đó, để nhường chỗ cho một nụ cười xã giao lễ phép. Đàn bà thường tinh tế hơn đàn ông trong cách nhận xét tình cảm và các bà mẹ có con gái lớn lại càng tinh tế hơn nữa, nên thoáng thấy sự thay đổi sắc diện của con gái, bà chủ đưa mắt nhìn Vân xong lại nhìn ông khách nhà binh. Bằng một giọng ôn tồn nhưng không kém

phần nghiêm nghị, bà hỏi:

— Con có quen ông... thiếu úy hả ?

Trước khi nói hai chữ "thiếu úy " bà do dự mất một giây để liếc mắt nhìn cái lon độc nhất trên vai áo Kaki của chàng. Chàng đang lúng túng, chưa biết đối xử ra sao, thì Vân nhẹ nhàng đáp:

— Dạ, trước thầy có dạy trường con dưới Nha Trang. Bởi con không học lớp thầy dạy nên chắc thầy không biết con. Thầy có dạy lớp con Huệ đó mà... Dạ thưa thầy...

Mấy chữ sau cùng, Vân vừa nói vừa trao cho chàng xấp giấy viết thư.

— Cảm ơn cô... xin lỗi cô... hồi đó học trò đông quá nên tôi cũng không nhớ hết được.

Ở những người thuộc thế hệ mẹ của Vân, "thầy giáo " vẫn còn tiêu biểu cho mẫu người mô phạm đạo đức, gánh cả trách nhiệm về trí duc và đức dục đối với học trò, nên khi biết

rằng trước chàng đã từng làm cái nghề khả kính đó, bà vồn vã:

— Dạ, cháu nó học dưới Nha Trang, mới lên nghỉ hè... Vô rót nước mời thầy đi con... Dạ mời ông ngồi...

Tách nước chè cao nguuyên, đối với một chàng trai thiếu cái chăm chút âu yếm của một người mẹ, chỉ quen với cái nhạt phèo của những ly trà đá loãng pha đường, hôm đó sao mà chàng thấy nó đậm đà đến thế!

Hình như có một lần Vân và chàng đã nghỉ đến chuyện "bách niên giai lão", tính đến chuyện lấy nhau. Từ buổi sơ giao trong hiệu sách vào một buổi chiều tạnh mưa nắng gắt cho đến khi hai người thân nhau, chàng cũng không nhớ rõ chàng có ước hẹn gì với Vân hay không. Chỉ biết hai người quyến luyến nhau như một đôi bướm giữa vườn nhiều hoa. Những khi "việc quan rỗi rãi" theo lời nói của anh em bạn đồng ngũ — hồi đó những tiếng thiếu úy, trung úy và đại uý chưa được thông dụng như bây giờ, người ta gọi sĩ quan cấp uý cũng như tá bằng những cái tên nôm na rất thân mật: quan một... quan tư — những khi việc quan rỗi rãi, chàng hay nghĩ đến Vân, ôn lại những phút giây vui buồn mà hai người cùng chia xẻ.

Một lần, câu lạc bộ sĩ quan Pháp chiếu phim Le Carnet de Bal do kịch sĩ trứ danh Louis Jouvet thủ vai chính. Chàng đến xin phép bà ký Lương, mẹ Vân, đưa Vân đi xem. Lúc ra về hai người tìm không ra được một nơi vắng vẻ nào khác, đành rủ nhau đi ăn mì. Cái quán không được ấm cúng lắm. Mấy chiếc bàn con vắng khách trông càng trở trễn dưới ánh đèn măng-sông trắng xanh. Gió rừng cao nguyên, một đêm cuối tháng chín nghe đã lành lạnh. Trên cái xe mì để trước quán, hơi nước dùng thơm ngon tỏa nhanh rồi tan biến theo từng đợt gió. Cạnh chồ để bát đũa trên xe, hơi nước đóng làm mờ hẳn một ông Mã Siêu đang giục ngựa xuống ải đuổi theo một ông Tào Tháo không râu và không cả hồng bào. Lạc khoản là một hàng chữ đỏ viền vàng: Mã Manh khởi hùng bịnh tuyết hận.

— Anh biết tích đó hả?

— Biết chứ, anh đọc Tam quốc nhiều lần rồi.

— Vân cũng thử đọc nhiều lần mà thấy chán quá. Nhiều tên quá Vân nhớ không nổi. Đọc không hết nổi một hồi thứ nhất.

— Ồ, thì những chỗ hay, mình thích. Đọc đi đọc lại hoài thành ra nhớ tên các nhân vật.

— À, anh nè., tại sao mấy người Pháp trong "xec"họ kêu anh bằng "mon lieutenant". Lieutenant thì Vân hiểu. Nhưng tại sao lại "mon"?

Chàng đùa:

— Cái lối nói của người Pháp như vậy, anh cũng không biết do đâu mà có. Chỉ biết "mon lieutenant " có nghĩa là "thiếu uý của tôi " . Nếu Vân là người chào anh như vậy thì hai chữ đó có nghĩa "ông thiếu uý của Vân ."

— Tiếng Tây kỳ cục quá.

Vân vừa nói vừa bẻn lẻn cúi xuống vờ rũng mình kéo hai vạt áo len màu nâu lại với nhau cho đỡ lạnh, nhưng thật ra là để tránh cái nhìn nghịch ngợm của chàng.

Tỉnh nhỏ, mọi sinh hoạt hầu như ngưng hẳn vào lúc tám chín giờ. Lúc chiếc xe jeep mà chàng mượn của một sĩ quan người Pháp đỗ trước cửa hiệu sách thì cả dãy phố đã tắt đèn. Chỉ còn ánh sáng yếu ớt của một ngọn điện từ trên căn phố ngay bên trên hiệu sách bắt xuống đường đất đỏ: bà Ký Lưởng vẫn còn thức chờ con. Nghe tiếng xe, bà biết Vân đã về. Có tiếng đôi guốc lốc cốc khua nhẹ trên sàn gỗ, rồi tiếng bà Ký Lưởng nói vọng xuống:

— Vân về đó con ? Đi đâu khuya vậy , mai có máy bay lên sớm.

Biết tính mẹ tuy hiền nhưng nghiêm, Vân ngẩng đầu nói chỗ lên bức màn vải màu lục đậm:"Dạ con lên bây giờ ".

Vân vừa nói vừa nhanh nhẹn tụt xuống xe rồi hạ giọng:

— Thôi Vân lên nghe... mon lieutenant.

Trong ánh sáng lờ mờ, Vân nhoẻn miệng cười để lộ một cái răng hơi nhô ra ở mép bên trái, gần chỗ đồng tiền lúm xuống trên má căng mịn khiến nét duyên dáng tự nhiên của nàng lại càng thêm đậm đà. Sau này, khi chàng đổi ra Huế, có một lần trong một bức thư, Vân bắt đầu bằng mấy chữ "ông thiếu uý của Vân " Trong thư trả lời chàng viết "Nếu cứ mãi mãi làm thiếu uý của Vân thì tương lai không đảm bảo chút nào cả, bởi lương thiếu uý chưa đủ nuôi miệng nuôi em thì tiền đâu mà lấy vợ ". Như vậy là hình như chàng và Vân cũng gần bó lắm rồi. Vậy mà hai người không lấy nhau. Tại sao nhỉ? Bà ký Lưởng quí chàng lắm. Người dì của chàng cũng đã lo thu xếp tiến nong để tính chuyện vợ con cho đứa cháu mồ côi ("Kệ, để dì lo cho nó trọn tình chị em đối với mẹ cháu ", bà dì vừa nói vừa rút chiếc khăn tay quẹt nước trầu bên mép và cũng để lau luôn mấy giọt nước mắt bắt đầu chạy quanh).Khi một chuyện tình không đi về đâu cả, khi nó không kết thúc bằng hôn nhân, hoặc bằng cái chết của một trong hai người, viết cho xong cái chương cuối để cho chuyện kết thúc một cách ổn thỏa thật cũng có khó. Ai đi đâu mà biết được đoạn kết như thế nào ? Chàng chỉ nhớ lờ mờ rằng sau khi đổi ra Huế, cứ

luôn có lệnh thuyên chuyển chàng từ tỉnh này sang tỉnh khác. Có lẽ chàng không có dịp trở lại Ban-mê-thuột? Hay tại một người con gái khác trong đời chàng ? Hay một người con trai khác trong cuộc sống của Vân. Mãi về sau này, có người quen ở Ban-mê-thuột kể lại cho chàng rằng hồi đó "cả tỉnh cứ xì xào về chuyện hai anh chị đã đưa nhau đi ciné rồi mà không lấy nhau, vậy mới lạ ". Còn bà Ký Lương mấy năm sau đó bán hiệu sách về làm ăn ở Sàigòn. Vân đậu tú tài xong, đi học dược, lấy chồng ở Cần thơ, nghe đâu chồng lã một bác sĩ quân y.

Mãi về sau này, hồi tình hình chiến sự ở Cao nguyên Trung phần sôi bỏng, trong một chuyến công tác ở Ban-mê-thuột, chàng mới nhận chân được sự mất mát đó.

Trước khi rời Biên Hòa, chàng đã điện thoại cho Phương — người bạn có thói quen hấm cà-phê bằng nước lạnh bây giờ đóng ở Ban-mê-thuột — nên khi chiếc máy bay nhà binh vừa đáp xuống phi trường Phụng Dực thì Phương đã đứng chờ sẵn bên cạnh phi đạo.

Vạm vỡ tr ong bộ quân phục tác chiến, nước da đen mạnh khỏe, Phương nghiêng đầu nheo mắt ngắm chàng rồi vỗ vai chàng đánh bốp một cái:

— Thiếu tá thủ sinh lãm việc văn phòng máy lạnh dạo này hỏi trắng đấy nhá.

— Còn toa trông cũng không bớt ba mươi lăm chút nào cả. Rầu với ria ! Đưa giấy phép để rầu coi.

Phương giục:

— Thôi, vô phố kiếm cái gì nhậu đi. Còn ba tiếng nữa xếp mới về, đủ thì giờ chán. D'accord chứ. Chú Thông, đi thẳng ra quán B.D. nghe.

Hai người trèo lên xe jeep. Phương ngồi trước, chàng ngồi sau. Người trung sĩ lái xe là một thanh niên có đôi mắt sáng, nước da lổ chổ sẹo mụn, đôi môi mỏng rất lém. Chàng lim dim đôi mắt, tựa mình vào chiếc va-li con, suy nghĩ mông lung. Quá khứ chập chờn trộn lẫn với hiện tại. Con đường dốc thoai thoải này hồi trước chưa có. Đồn điền cao-su xanh um vẫn còn đấy mà hình như đám cà-phê này mới được trồng thêm. Chỉ có người đàn bà Rhadé khép nép đứng bên đường tránh xe là dáng điệu trông vẫn sợ sệt như cũ. Xe chạy ngang nhà cũ của Vân không bớt tốc độ mà chàng có cảm tưởng như nó chạy chậm lại. Dãy phố gỗ ngày trước đã biến mất, nhường chỗ cho một dãy lầu gạch khang trang hơn, sạch sẽ hơn. Con đường đất đỏ đã được tráng nhựa. Chỉ còn có gốc phượng là vẫn xum

xuê hông hoa đỏ thắm trong nắng chiếu cao nguyên vàng rực. Một cái áo len màu nâu treo lủng lẳng trước một cửa hiệu tạp hóa. Chàng bỗng giật mình mở to đôi mắt quay đầu nhìn về chiếc áo len trong khi chiếc xe jeep xóc mạnh trên con đường nhựa nhiều ổ gà. Đúng rồi, hôm đi xem phim trong câu lạc bộ sĩ quan Pháp, Vân cũng mặc một cái áo len cũng màu, tuy đan kiểu khác.

Cùng một lúc nét cười duyên dáng, nước da ngăm ngăm đen, mấy sợi tóc lòa xòa bay trước trán, cái răng hơi nhô bên má lúm đồng tiền của Vân hiện rõ trước mắt chàng. Chàng có cảm tưởng như hình ảnh của Vân đã nằm sẵn trong một tấm phim ảnh trong đầu mà trước đó, bởi không có đèn chiếu phía sau, nên chàng không làm sao thấy được. Cái mà chàng cứ loay hoay tìm mãi đó chính là nét cười của Vân dưới ánh sáng lờ mờ của một ngọn đèn yếu ớt. Nụ cười kéo về theo với nó nhiều kỷ niệm rạt rào như sóng cuốn liên miên trên bãi cát phẳng lì ở những giờ triều lên: ngập ngừng, hy vọng, chờ mong, bồn chồn, khắc khoải. Chàng tỉnh hẳn người, ngồi thẳng lên, đưa tay vào túi tìm cái tẩu thuốc lá.

Thoáng thấy cử động của chàng, Phương quay lại hỏi:

— Ngủ đã chưa ?

— Moa đâu có ngủ.

— Không biết toa ra sao, chứ moa nhắm mắt là ngủ. Nãy giờ moa thấy toa lim dim nên để cho ngủ để lấy sức chuẩn bị tinh thần và thể xác mà hoàn thành một cái công tác hơi... khó.

— Khỏi lo, moa chai rồi. À, thằng Xuân chết ra sao vậy ?

— Mĩn. Tan mẹ nó xác. Nhờ có cái kính gọng vàng còn trong túi áo nó moa mới... gom góp được. Moa hẹn lỗ với thằng em nó là nội ngày mai thế nào xác anh nó cũng được chở về Biên hòa.

Toa gắng lo dùm moa một chút.

— Được , nó có vợ con gì không ?

— Ba vợ tám con.

Câu trả lời của Phương khiến người trung sĩ lái xe mỉm cười. Một nụ cười hóm hỉnh mà anh ta không giấu nổi, không nén nổi tuy biết hoàn cảnh không cho phép. Chàng khom người về phía trước, vỗ nhẹ vào vai người trung sĩ:

— Chú có vợ chưa ?

Bị hỏi bất thần, người thanh niên đưa mắt liếc vào cái kính chiếu hậu để lén quan sát nét mặt chàng. Khi thấy cái nhìn hiền lành của chàng, anh bình tĩnh đáp nhanh:

— Dạ thưa thiếu tá chưa.

Phương bộ bô:

— Vợ thì chưa có nhưng mà bồ bịch thì lung tung phải không?

— Dạ đâu có. Em đâu có bồ.

— Vậy làm sao mà chú chữa hết cái bệnh mụn trứng cá của chú?

Người thanh niên tỉnh bơ:

— Dạ thuốc ba Tàu gửi mua dưới Chợ lớn.

Đến lượt chính chàng phải bật cười vì cái láu cá nhanh mồm nhanh miệng của người quân nhân trẻ tuổi. Hoàn cảnh cũng óai oăm. Trên đường lãnh xác một thằng bạn nhiều vợ về trao cho thân nhân, đi ngang một con đường không còn một mảy may kỷ niệm của một mối tình đã xa lắc xa lơ ngẫu nhiên tìm lại được một nét cười trong quá khứ, nghe một chàng trẻ bị bắt nọn mà vẫn cố giấu kín một cuộc đời tình cảm mà chàng đoán là ồn ào lắm. " Giữa cuộc trần ai khóc lộn cười ". Câu thơ của Nguyễn công Trứ chàng thấy thấm thía quá. Món chân dê rừng um sừa trong bữa rượu xế chiều hôm đó thơm ngon khác thường, chai Rémy-Martin, nếu không có Phương "thắng bớt" và nhắc cho chàng là sắp sửa đến giờ đi trình diện, chàng dám uống cạn lắm. Cuộc đời hồi đó có những phút hào hứng quá, chú đâu có như bây giờ...

TRỨC CHI

chiếc võng

● VÕ ĐÌNH

Chưa bao giờ trong lịch sử nhân loại, con người di chuyển liên tục và xa xôi như trong thời gian từ Thế chiến thứ Hai đến nay. Tự ý di chuyển cũng lắm, mà bị bắt buộc di chuyển, vì có này hay cớ khác, cũng nhiều. Ai là kẻ trong chúng ta sinh ra, lớn lên, suốt đời sống tại một nơi đến ngày tóc bạc, đến ngày về với cha ông ?

Cách biệt thì nhớ thương, mà nhớ thương thì lý tưởng hóa cái mình nhớ thương; câu "chốn quê hướng là đẹp hơn cả " chắc nhiều người chưa quen. Chúng ta nhớ về quê hướng, nói về quê hướng, viết về quê hướng, mộng mị, ao ước về quê hướng. Nhưng không phải ai cũng nghĩ về quê hướng một cách như nhau. Thương nhớ có nhiều khuôn mặt, nhớ thương có nhiều độ nông sâu. Tuy vậy mọi người cũng chia xẻ một cái đau chung, đó là ý thức, hoặc còn mịt mù hoặc đã sáng tỏ, của một nỗi hoang vu khôn tả ẩn náu chui rúc trong hang cùng ngõ hẻm của tâm thần mọi người.

Không gian rạn nứt, vụn vặt, thay vì đều đặn, tròn đầy. Thời gian thiếu hụt , vá viú, thay vì uyển chuyển, luân lưu. Chúng ta đau cái đau thời- không- gian què quặt đó mà lắm lúc lại không ngờ, cứ tưởng rằng chỉ là cái đau tình tự, cái nợ máu mủ. Thực chẳng khác gì mắc bệnh ung thư mà cứ tưởng rằng chỉ bị chứng ho gà, hay ăn không tiêu ! Trong lịch sử bệnh ung thư có những trường hợp rất hiếm hoi, chẳng thuốc men gì mà bệnh bỗng nhiên tiêu tán đầu mất. Cái đau thời- không - gian nó không thế; nó phá phách liên miên, có khi thực dữ dội, có khi thực lơ là. Bệnh nhân suốt đời khổ sở vì nó. Khổ sở vì không nguôi ngoai với hai cái ý thức "bên kia– bên này " (không gian) và "trước kia – bây giờ) (thời gian).

Nếu không gian là thực tại bên ngoài, thì thời gian là thực tại bên trong. Nhưng "trong" và "ngoài" chỉ là một cách nói cho tiện, vì ai đâu biết thực có trong có ngoài. Cũng như làm gì có bên kia, bên này hay trước kia bây giờ. Chỉ lúc nào chúng ta nhìn thấy sự thực đó và hoàn toàn chấp nhận nó, lúc ấy chúng ta mới hòng hết bệnh. Lúc đó đau thương vẫn còn, vì chưng ta vẫn còn tình yêu và trách nhiệm.. Những đổi nạnng gồ của một thứ thời- không gian đui điếc, chúng ta có can đảm vất bỏ chúng đi để đứng lên nhìn rõ mặt thực tại toàn diện hiển hiện sáng lòa. Tôi càng thấm thía điều đó mỗi khi nghĩ đến ông Th., một người bạn.

oOo

Ông Th. năm nay chưa tới ngũ tuần, quê quán, sinh trưởng ở Thừa thiên. Mới mười mấy tuổi, vì hoàn cảnh chung cũng như riêng, ông phải xa xứ sang Âu châu. Một thời gian ông vừa đi học vừa đi làm. Có dạo ông ông nuôi mộng trở thành một kiến trúc sư. Rồi loay hoay thế nào ông lại lấy vợ sinh con; bỏ chuyện vẽ họa đồ, ông xoay ra dịch thuật lăng nhăng vì ông khá ngoại ngữ, Hoa, Anh, Pháp. Ngày tôi gặp ông lần thứ nhất, ông giữ chân đọc duyệt bản in cho một nhà xuất bản nhỏ ở Michigan. Ở Mỹ, một vợ, bốn con mà làm Proofreader, ông không đến nỗi đói lạnh tuy thường tứng thiếu. "Vong bản lạc đạo, anh!". Tôi bắt đầu thực thực mến ông từ cái câu nói nửa đùa nửa thực mà có ý tự trào đó.

Năm 1974, ngót một phần tư thế kỷ trôi qua từ ngày ông Th. rời quê hương, đã vợ con một đoàn, đã "lê bước lưu lạc" nhiều nơi khắp thế giới ông mới có cơ hội và phương tiện về thăm nhà. Nhưng ông chỉ được về thăm một thời gian ngắn, rồi lại phải ra đi. Một năm sau ngày ông Th. xuất ngoại lần thứ hai, miền Nam thay ngôi đổi chủ. Và hiện nay, ông cũng như tôi, cũng như số lớn Việt kiều, đành cam phận sống một cõi tạm, ăn gửi nằm nhờ đất khách. Chỉ có điều là trường hợp ông Th. rất khác với nhiều người hiện nay: ông đã đi xa, đi lâu, thực lâu, nhưng ông cũng đã quay về, rồi ông cũng đã đi lại. Tuy vậy nhưng chuyến đi trong không gian của ông quả chẳng có gì đáng kể lắm. Chính những chuyến đi của ông trong thời gian mới thực là hãn hữu. Ở xa nhau hàng ngàn cây số chúng tôi thường có thư từ đi lại. Lá thư nào của ông Th. cũng có điểm một vài tình tiết, nhận xét khác thường. Chúng khêu gợi, đùa giỡn với óc tò mò của tôi. Tôi biết đó là một mánh lới hữu hiệu của ông Th. cốt để rủ rê tôi lên chơi thăm bạn và gia đình bạn.

Cuối năm 1977, có việc lên miền Bắc, tôi lặn lội về một vùng ngoại ô châu thành Detroit thăm ông. Lá vàng mùa thu đã rụng hết, mà tuyết băng mùa đông chưa về, trời đất trông tiêu điều, cằn cỗi, vô cùng lạnh lẽo. Tay nâng niu chén trà bốc khói, ông nói: "Nhớ những năm đầu thập niên sáu mươi, dừng chân ở San Francisco. Trong thời gian hơn hai năm

trời lưu lại đó, tôi bị ám ảnh ngày đêm bởi một chiếc vòng ! Như một chiếc vòng đàn bà đeo tay. Khổ nỗi nó không tròn trịa, nó có một khe hở một khoảng cách chưa được hàn lại, nối lại. Chiều chiều tôi ra đứng ở bờ biển, nhìn Thái bình Dương, nhìn về quê nhà mịt mù bên kia sóng khói...

Quê nhà xa lắc xa lơ đó
Trông lại tha hồ mây trắng bay *

anh còn nhớ không ? Và tôi nghĩ chỉ có ngày nào tôi được về nước, về lại thành phố cũ, về lại vườn nhà cũ, chiếc vòng đó mới trọn vẹn lành lặn. Một thực tại nào đó mới tràn đầy, no nê. Phải chăng vì tôi ra đi từ lối Ấn độ Dương, qua Địa Trung hải, sang Âu châu. Rồi từ đó nhẩn nha đi nhiều nơi khác để rồi vượt Đại tây Dương, sang Hoa Kỳ, rồi lần mò từ miền Nữu Ước sang miền cực Tây. Chiếc vòng ám ảnh tôi là hình ảnh rộng lớn, trấn áp của vòng tròn trái đất chăng ? Và Thái bình dương là cái khoảng cách còn lại, chưa được hàn gắn ? Cái khoảng cách vĩ đại đó trong tâm thần tôi, đã thu nhỏ lại thành một khoảng cách tí ti, còn chia lìa chiếc vòng tròn; ngày đêm nó ép bức tôi, nó kèn cựa tôi, làm cho tôi vất vả, nóng ruột nóng gan. Khi mơ cũng như khi tỉnh, có lúc tôi tưởng mình có thể dang tay kéo hai điểm cách nhau đó lại gần nhau, gần nhau, để chúng dính lại với nhau... Bao nhiêu sinh lực của tôi như cứ ứ đọng vào cái khe hở của chiếc vòng mà rỉ ra thấm ra ngoài. Chẳng khác gì một vết thương xoàng không hề hấn gì mà máu trắng cứ đều đặn ứa ra không có cách nào cầm lại được.

Không trừ khử được chiếc vòng ma quái đó, tôi đã phải rời bỏ miền Tây – vốn là nơi khí hậu ấm áp dễ chịu – về lại miền Đông. Nhưng chiếc vòng nó đâu tha tôi một cách dễ dàng như vậy ! Có phải cứ chạy trốn nó là nó quên mình đi đâu ! Trong mười năm trời nó tiếp tục theo đuổi phá phách tôi và tôi đã mệt mỏi vì nó không ít. Nhưng rồi cái việc phải xảy ra đã xảy ra; tôi có cơ hội về nước, tôi thu xếp về ngay.

Tôi về. Tôi về từ giờ phút phi cơ sắp vào không phận Việt nam. Cúi đầu nhìn xuống dưới xa, tôi không khỏi lẩm bẩm cái câu trong Quốc văn giáo khoa thư "... hình cong như chữ S... trên Bắc kỳ và dưới Nam kỳ thì phình rộng ra, ở giữa Trung kỳ thì thu hẹp lại..." Tối 29 Tết, sau một phần tư thế kỷ, tôi lại ngủ tại Sài gòn, ở nhà anh bạn, một xóm lao động. Sau một thời gian đằng đẵng như thế tôi lại được nghe tiếng chó sủa giữa khuya – chó sủa ban đêm giữa một đô thị lớn nhất nước ! tiếng gà gáy mờ sáng, tiếng cụ già hàng xóm húng hắng ho... Trời chưa sáng tôi đã dậy đứng ở cửa sổ. Anh bạn cũng dậy theo, và hai chúng tôi im lặng đứng nhìn mấy lá dừa lắt lay bên kia bức tường nát, có tiếng xích-lô máy nổ xa xa... Bỗng nhiên tôi khẽ cười. Chiếc vòng ma quỉ đó đâu có cần phải liền! Vì đâu có chuyện vòng với nhẫn, chia với lìa. Tôi nhiủ mày nghĩ đến chiếc vòng tròn, cố tưởng tượng ra nó, xem thử cái khoảng cách đó có còn hay không. Nhưng tôi không thấy nó nữa, bức tường nát, ngọn dừa

lắt lay, tiếng khạc đờm lúc mờ sáng của cụ già chưa bao giờ gặp mặt... Bấy nhiêu thứ đó quả thực là quê hương, trần trề quê hương, và ở quê hương, chiếc vòng ma quái đã tan biến như một cơn ác mộng khi ta tỉnh giấc, sờ chắn chiếu thấy vẫn còn ấm áp trong tay. Tôi biết là chiếc vòng sẽ không bao giờ trở lại phá phách tôi nữa. Nhưng tôi đã lầm to. Tôi ngây thơ quá."

Ông Th. vừa nói vừa xoa chân, xoa xoa rồi vỗ vỗ, đùi hởi rung rung. Trời khá lạnh nhưng chẳng những ông không đi giầy trong nhà, ông cũng không mang tất. Ông ngồi để hai chân lên ghế, xếp bằng lối bán-kiết-già, xoa xoa vỗ vỗ lòng bàn chân trái để ngửa ngay ngắn trên đùi bên phải. Tôi không khỏi mỉm cười nhớ đến lối ngồi của ông bác tôi trên tấm ngựa lim, ở nhà thờ trên làng. Tối bất chợt cúi xuống, gần như ngượng ngùng là mình đang mang đôi giày da bóng loáng, bó chặt hai chân. Tôi hỏi ông " Anh nói anh lầm. Làm thế nào ? Sao lại ngấy thơ?"

Ông nhìn tôi một lúc lâu, mắt hơi xa xôi như thể không trông thấy tôi. Rồi ông khẽ lắc đầu, cười như tự chế nhạo, tia mắt gần gũi hơn:

" Ấy, lầm to đấy chứ anh ! Để tôi nói anh nghe.Sáng hôm sau, tôi bay ra Huế nơi tôi sinh trưởng, nơi tôi đã nhỏ thương suốt hai mươi mấy năm trường. Đoàn tụ với đại gia đình, với hàng xóm láng giềng... với cây mai trước sân, với bụi chanh sau nhà... Trời, đến nay đã bốn năm qua mà tôi còn bàng hoàng, đê mê sung sướng về những buổi đoàn tụ ấy. Tôi đã đi xa Huế và tôi đã về với Huế. Hai mươi bốn năm sau, gần một phần tư thế kỷ ! Tôi đã quay lại trong không gian cũ. Nhưng tôi không ngờ một việc vô cùng kỳ quặc lại xảy ra cùng một lúc: Tôi đã quay lại trong thời gian. Ấy, xin anh để tôi. Nghe có vẻ cải lương quá nhỉ!".

Ông Th. khoác tay:" Không phải như anh tưởng đâu ! Chúng ta thường nói " đi ngược dòng thời gian ". Đó chỉ là một cách nói. Từ ngữ đó chỉ có nghĩa , hãn anh đồng ý, là thả trí nhớ đi về quá khứ, mặc cho nó lang thang đi về đâu thì đi, hoặc chỉ thị cho nó phải đi về đúng một đoạn đường nào đó. Đến lúc không muốn đi nữa thì gọi nó về hiện tại. Không, tôi không muốn nói chuyện đi ngược đi xuôi lối đó. Tôi cũng không muốn nói chuyện đi ngược thời gian kiểu "khoa học giả tưởng ", kiểu science- fiction !

Chính tôi, một chúa mê truyện, tôi cũng chẳng thích đọc những tiểu thuyết loại này mặc dầu có những nhà văn rất tiếng tăm chuyên viết trong địa hạt đó. Sự thực là ngày tôi quay về chốn cũ, những sợi râu sợi tóc đã bạc của tôi chúng vẫn cứ bạc chứ không xanh lại hay biến mất ! Lưu Nguyễn nhập và xuất Thiên thai cũng là một thứ science-fiction đó, anh đồng ý chứ ? Không có chuyện đó với tôi, không. Tôi về nhà đúng 30 Tết, một sự trùng hợp ngộ nghĩnh anh ạ. Hai mươi bốn năm về trước, tôi cũng đã về nhà sau một thời gian dài vắng mặt, đúng vào tối 30 Tết. Xin anh cho phép tôi gác qua một bên những lý do làm sao, năm ấy

tối, một thiếu niên dưới 20 , lại vắng nhà cho tới tối 30 Tết mới về. Những lý do đó là thứ yếu. Điều quan trọng là tôi đã về nhà hai lần, cùng đúng vào tối 30 Tết, 24 năm về trước, rồi 24 năm về sau. Thời gian , anh hiểu cho, thời gian đăng đẳng giữa 24 năm đó, tôi đi xa, không những xa Huế, mà xa cả quê hương.

Tối đó, tối 30 Tết khi tôi về nhà lần thứ hai đó, tôi ra cúng ngoài trời với thầy mẹ tôi. Anh quê ở Thừa thiên hẳn anh còn nhớ kỹ những đêm thiết bàn trải khăn, bày lư đèn hoa quả, để cúng ngoài trời. Hương trầm ngào ngạt, bay từ vườn nhà này sang vườn nhà kia ! Trong khung cảnh trang nghiêm u huyền, trời gần đất, đất gần người đó, tôi mặc chiếc áo đen dài sờn tay của thầy tôi, chỉnh tề đứng lạy trước bàn thờ lộ thiên. Bỗng nhiên tôi òa ra khóc. Trời ! Bây giờ tôi ước ao cứ năm mười năm tôi lại được khóc một trận, một trận như thế. Tôi khóc như mưa ! Thời buổi này, một gã đàn ông trên 40, lưu lạc đất lâu, về tới nhà cũ, tìm lại được cha mẹ già, tìm lại được cây chanh, cây mít trong vườn, được một diễm phúc to lớn hiếm hoi, tuyệt diệu như vậy , mà hắn ta khóc um lên ! Nhưng nước mắt tôi cứ tuôn ra như suối. Không có gì diễn tả nổi trận khóc của tôi đêm đó bằng cái từ ngữ tầm thường đã bị lạm dụng quá nhiều: nước mắt tuôn ra như suối ! Tôi khóc đến nỗi nghẹn thở. Tôi khóc đến nỗi ngã khịu xuống chiếu thờ. Thầy mẹ tôi lật đật dìu tôi dậy. Thầy tôi đã ngoài bảy mươi, tóc bạc như cước nhưng còn rất quắc thước, ôm lấy tôi, vỗ về, không nói. Tôi khóc ướt đầm cả vai áo người. Mẹ tôi cầm tay tôi. Tôi nghe tiếng mẹ nói như gió thoảng :"Chắc con hắn mấy chục năm ni có khi mô mà khóc được rứa ! Ông cứ để con hắn khóc cho thỏa... Mấy khi..." Rốt cuộc tôi hết khóc, có mỉm cười , mà nước mắt thì ràn rụa. Mẹ tôi nói tiếp:" Đó, ông thấy chưa, con hắn khóc no rồi đó, cái thằng ni thiệt a..." Rồi người quay về phía nhà dưới, gọi đứa cháu: "Bưng cậu chén nước , lẹ con !" Mẹ tôi !

Cái trận mưa nước mắt của tôi thực bất ngờ, làm cho buổi lễ có phần ngỡ ngàng. Thầy tôi thắp thêm hương, lẩm nhẩm khấn, cúi lưng vái dài, rồi cùng mẹ con tôi quay vào nhà. Khuya đó, đêm 30, sau khi mọi người đã đi nghỉ tới năm không ngủ. Cả con người tôi bồn chồn như nóng nồn, như chờ đợi. Tôi biết có sự bất thường sắp xảy ra, và tôi nghe ngóng từng giây phút bước đi mỗi lúc mỗi rõ rệt của nó. Như khi một trận bão lớn sắp đến, ta lắng tai nghe tiếng gió rầm rộ ào ào từ xa xa, mỗi lúc mỗi lại gần. Tiếng chuông treo tường điểm ba giờ sáng (cũng cái chuông ấy tôi đã từng nghe ngày nghe đêm 24 năm về trước) sự bất thường đó đã xảy ra: bỗng nhiên tôi thấy ớn lạnh. Và tôi nhận thức rõ ràng, trong một khoảng khắc, tôi đang vượt qua ranh giới của một thực tại nào đó: về lại đúng vị trí cũ trong không gian, TÔI ĐANG ĐI NGƯỢC CHIỀU THỜI GIAN. Tôi thấy rõ ràng hai cái thực tại cũ, mối của tôi xích lại gần nhau, như khi chụp ảnh ta vặn cái nút điều chỉnh khoảng cách giữa đối tượng

và ta, với kết quả là hai hình ảnh so le, mập mờ trong mắt kính từ từ nhập lại với nhau thành một hình ảnh độc nhất, rõ ràng, sắc sảo. Nỗi kinh hoàng tràn ngập trong tôi. Tôi ý thức rõ rệt là trận khóc như mưa ban tối trước bàn thờ trời đất đã xối rửa, quét sạch tâm thần tôi, và bây giờ toàn diện con người tôi trống huếch, trống hoác như căn nhà vô chủ, chờ đợi một giòng thác lũ khác ào đến làm tràn đầy mọi cứ điểm nhận thức.

Việc đó xảy ra trong giây phút: tôi là tôi, mà tôi không còn là tôi nữa. Râu tóc tôi đã có nhiều sợi bạc. Những con người toàn diện của tôi khi đó lại là của một thời gian đáng lẽ đã qua rồi và không bao giờ trở lại. Sự kiện cha mẹ tôi bây giờ đã già yếu, tóc hai người đã bạc phơ chứ không đen xanh như ngày tôi ra đi; sự kiện em gái tôi, một nữ sinh tóc xõa ngang vai, nay đã trở thành một người đàn bà đứng tuổi với nét mặt lo buồn; sự kiện ngày tôi ra đi cành mai nhỏ mới gầy trước sân, nay đã sum suê hoa lá một gốc mai già..., những sự kiện đó, tôi công nhận , hoàn toàn có một thực tại trong thực tại lúc đó. Nhưng chúng chỉ là những thực tại tách lìa, từng mảnh, không gây một trở ngại gì cho tôi cả trong nhận thức toàn diện của tôi. Nói cách khác, cái tôi của 24 năm về trước đã thấy cha mẹ, chị em, cây mai vàng v.v... của 24 năm sau, và cái tôi của của bây giờ, 24 năm sau, lại "đang " thấy cha mẹ, chị em, cây mai vàng v v.... của 24 năm trước !

Xin anh hiểu cho: tôi không muốn nói tới cơ CẢM TƯỞNG mình lại trở thành đứa thiếu niên của ngày tháng xa xưa. Tôi muốn nói rằng tôi lại trở thành đứa thiếu niên đó. MẶC DẦU râu tôi vẫn còn đó, với nhiều sợi đã bạc . MẶC DẦU tôi vẫn còn nhớ rõ rệt chuyến đi về, giờ phút tái ngộ, buổi lễ ngoài trời đầy hương trầm và nước mắt... Mặc dầu tất cả, tôi đã lại trở thành đứa thiếu niên 24 năm về trước. Như thế một phần tư thế kỷ đó không có, không bao giờ trôi qua. Không phải là tôi quên mất hẳn quá khứ đó, như trường hợp đặc biệt của một số người, vì một xúc động quá lớn lao hay sống sót sau một tai nạn quá kinh khủng, bỗng nhiên quên mất quá khứ, đến nỗi không còn nhớ mình là ai, tên gì, ở đâu v.v... Không,không phải vậy. Tôi còn nhớ kỹ tất cả những thay đổi trong thời gian. Điều tôi quên đi chính là thời gian của những thay đổi ấy. Tôi có cảm tưởng rõ rệt là cuộc đời của tôi có một khoảng trống lớn: đó là 24 năm tôi đã sống ở hải ngoại. Hình ảnh một giòng sông đến ngay với tôi: phát xuất từ nguồn, giòng sông tuần tự chảy về đồng bằng, bỗng nhiên dừng lại ! Hết sông ! Thay vì nước sông cạn dần, rồi rỉ rả trở thành suối, thành hồ, thành ao. Rồi hết. Đàng này không, nước sông bỗng nhiên dừng lại, dựng đứng như một bức thành, phẳng lì từ mặt sông xuống đáy sông. Nước đã quay lui. Nước đã trở về nguồn ...!

Để tôi quay lại chuyện tối 30. Giường tôi kê ở nhà trên, chênh chếch bên chái hữu, cách bàn thờ chừng năm sáu bước. Ánh sáng yếu ớt của

ngọn đèn bóng trên án đủ cho tôi thấy lờ mờ cột nhà và những đóm xà cừ lấp lánh của cặp liễn khảm mấy câu thơ Trường Kế, Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên, Giang phong ngư hỏa đối sầu miên v.v... Một phần tư thế kỷ ! Mà trong căn nhà cũ thực đã không có gì xê dịch, đổi tahy. Ngày tôi ra đi, mẹ tôi mới may chính tay người kim chỉ may tay lấy, một cặp màn lớn màu vàng mơ, treo lên "rầm thượng" , rũ xuống tận nền nhà. Trên hai mươi năm trôi qua, hai chiếc màn ấy thế nào cũng đã cũ bạc, rách nát. Mỗi khi chiều mẹ tôi nói mấy tháng trước mẹ dành dụm mua được hàng may hai chiếc màn mới để thay hai chiếc màn cũ đã tả tới quá rồi. Nhưng thầy tôi bảo " thời buổi ni lụi xụi rắng cũng được , bà thì cứ hay bày đặt ! " nên mẹ tôi trao màn nát lên lại, nói để tết nhất lê lạc gì mới treo màn mới lên. Và khi nhận được điện tín của tôi bảo sắp về đến nơi, màn mới lại được treo lên để đón con về. Cũng gần một thứ hàng đó, cùng một màu vàng của trái mơ chín đỏ. Hai mươi bốn năm về trước, đêm cưới cùng ngủ ở nhà trước khi vào Sài gòn lên đường sang Âu, tôi cũng nằm chính ở chiếc giường đó, góc nhà đó, cạnh chiếc liễn " nguyệt lạc ô đề " đó. Trong trí nhớ của những năm lưu lạc, tấm màn vàng mơ mới tinh khôi luôn luôn linh động ám ảnh, tô phả cho cái nhìn của tôi. Và bây giờ, hai mươi bốn năm sau, tôi cũng lại nằm ở chiếc giường đó, nhìn thấy tấm màn màu vàng mới tinh đó. Trong ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn bóng trên bàn thờ, những chấm xà cừ của mấy câu thơ hầu như ai cũng biết, cũng thuộc, lại lấp lánh như những vì sao xa.

Tim tôi đập mạnh như muốn phá vỡ lồng ngực. Vốn thích hoạt động chân tay, và thường tự hào là có tim phổi mạnh, tôi choáng váng ngạc nhiên tưởng mình sắp đứng tim. Trong giây khắc thời gian tan biến hoàn toàn, tôi như không còn bấu víu vào đâu được, như rơi hun hút vào một cõi âm u. Tôi đưa tay lên sờ mặt , sờ tóc. Tôi véo má tôi, véo thực mạnh, thực đau, đau điếng. Tôi hoàn toàn tỉnh táo, không mơ mà cũng không điên ! Lúc đó tôi như người khách của một xứ chậm tiến kỹ thuật cả đời chưa bao giờ thấy cái thang máy, nay bước vào một tiệm lớn ở Âu Mỹ, lớ quớ thế nào lại bước nhầm thang. Muốn đi lên lầu tôi lại bước nhầm vào thang xuống. Để giữ vững thăng bằng tôi bước lên một bước thì thang lại kéo tôi xuống một bước. Rốt cuộc thang cứ tuần tự đi, mà tôi thì đứng yên ở một vị trí trong không gian ! "

Nói ngang đây , ông Th. ngừng lại. Ông nhìn tôi thăm dò, lưỡng lự, có vẻ không quyết tiếp tục hay ngừng hẳn. Tôi vội vã kiếm cớ, nói liều " Ờ, ờ thế sao anh lại không nhảy ra rồi bước sang cái thang kia, cái thang lên, chỉ vài bước thôi mà ! " Ông Th. chép miệng cười. Tôi nhận thấy trong cái cười của ông có một niềm chế riễu. Ông biết rằng tôi nói đùa nói ẩu, nhưng ông vẫn trả lời tôi :"Khổ nỗi, anh ơi, không có thang lên chỉ có thang xuống ! Nếu lúc đó tôi không cố bước lên đều đặn, bấu víu lấy thời gian, thì tôi sẽ đi thụt lui mãi mãi trên chiếc thang vô tận đó,

lùi dần , lùi dần vào quá khứ, quay lại những ngày còn thơ ấu, những ngày sơ sinh, những ngày CHƯA sinh, còn nằm trong bụng mẹ, những ngày của một tiền kiếp xa xôi mịt mù... Nhưng cơn kinh hoàng bỗng chốc đến rồi cũng bỗng chốc đi, tàn bạo như một trận giớ dữ. Tim tôi đập chậm lại, tứ chi tôi ấm dần, tôi thiếp đi. Và tôi thức giấc trong mùi trầm hương ngào ngạt cùng tiếng tụng kinh thánh thót của mẹ tôi — Người vẫn thường dậy sớm "công phu" sáng sớm. Tôi rửa mặt, thay áo đến ngồi sau lưng mẹ cho đến khi một vài tia sáng tinh sương bắt đầu rụt rè len lỏi vào song cửa nhỏ.

Từ giờ phút đó trở đi, suốt cả thời gian tôi ở lại quê nhà, tôi sống trong CẢ HIỆN TẠI LẪN QUÁ KHỨ, CÙNG MỘT LÚC. Như tôi đã nói, đây không phải trường hợp của một người của hiện tại hiện hữu trong một bối cảnh hiện tại nhưng nặng màu sắc quá khứ. Vì bốn năm đã trôi qua từ ngày tôi ra đi lần thứ hai, mà tôi vẫn còn cứ nhận thức rõ rệt là toàn diện con người tôi , cái "being" của tôi lúc đó, một mà là hai, hai mà là một; hiện tại không đứng đấy nhìn lui về quá khứ, hiện tại LÀ quá khứ, quá khứ LÀ hiện tại, và cả hiện tại lẫn quá khứ cùng là một thực tại linh động, kỳ diệu, sáng lòa.

Trong thời gian đó, thời gian ngay sau tết năm đó, tôi tận hưởng cuộc đoàn tụ với đại - gia - đình , với hàng xóm láng giềng, tôi tìm lại được một số bạn bè của trên hai mươi năm về trước. Tôi lên núi thăm mộ những người đã khuất, tôi về làng thắp hương trên bàn thờ tông gia. Nhưng tôi vẫn để ý dò xét, nghe ngóng, rắp tâm bắt cho được một dấu hiệu, một khe hở nào đó trong linh cảm, hầu giúp tôi thấy được cái lối đi nẻo về của tâm thức. Có hôm đã khuya tôi nằm không ngủ, mang máng nhớ lại quãng đời hai mươi bốn năm lưu lạc ở nước người. Cuộc sống đó mới chấm dứt, hay nói đúng hơn mới đóng cái dấu ngoặc, chỉ mới tuần qua, nhưng trí nhớ đã như rời bỏ tôi và hình ảnh mới thấy trong mắt rất gần đây đã trở thành xa xưa mịt mù, như trong một cơn mộng một nhớ mười quên. Tôi nghĩ đến vợ con tôi còn ở nước ngoài, bồi hồi thương nhớ. Nhưng tôi không hình dung được ngôi nhà mà tiểu gia đình tôi đã nương náu gần mười năm qua và tôi mới xa rời chưa tới tuần lễ! Tôi tưởng tượng tôi thong thả đi bộ lên đồi, trên đường về ngôi nhà đó, những chân bước vẫn nhịp nhàng mà mặt tôi thì mờ dần, lòa dần, để rồi tất cả chỉ còn lại một vùng sương mù bao phủ...

Một hôm tôi sang thăm trường đại học. Trò chuyện một lúc lâu với các bạn mới cũ hiện đang dạy ở đó. Bỗng có một người ngoại quốc còn khá trẻ, bước đến. Nghe thoang thoáng biết là một giáo sư Hoa Kỳ. Anh em người Việt cười cười, nhìn tôi tỏ ý đấy là lúc để "Th. cho anh em nghe tiếng Mỹ đi ! " Và tôi làm anh em vui lòng: tôi chào hỏi, "nói chuyện" với chàng đó. Trời ! tôi không thể nào ngờ một chuyện như vậy có thể xảy ra được ! Tôi không nói tiếng Anh được ! Tôi, một người đã

trú ngụ tại Mỹ trên mười năm trời, có vợ giòng dõi Anh cát Lợi chính thống, tôi, một người đã viết báo bằng tiếng Anh, thuyết trình bằng tiếng Anh, đã dịch một số thơ văn Việt Nam ra Anh văn...! Tối cũng lười, ú ớ, ngọng nghẹo, nói không ra lời. Tôi quên mất nhiều từ hết sức thông thường. Tôi nói tiếng Anh như một học sinh Trung học cực dốt Anh văn. Tôi nói tiếng Anh như tôi nói tiếng Anh hai mươi năm về trước. Chuyện xảy ra thực vô lý. Thực khôi hài và thực kinh hoàng : tôi đứng đó như cây trồng, chịu trận, để cho vô thức hiển hiện. Không biết hôm ấy, vị giáo sư Mỹ trẻ tuổi đã nghĩ gì, nhưng tôi chắc một điều là các bạn bè Việt nam đều cho tôi là một gã hề, khôi hài kỳ cục ! Trên đường về nhà ,tôi giải thích qua loa cho S., và C... hai anh bạn cùng đi. Nhưng hai anh chỉ cười,tin rằng tôi vẫn còn đùa, đùa giai.

Chúng tôi vượt cầu Tràng tiền, qua đường Trần hưng Đạo (nay không không còn hai hàng phượng vĩ nữa) , về cửa Thượng tứ. Cửa thành đã mất thượng lầu trong vụ Mậu thân, và người ta đã xây thế vào một thứ lô-cốt tròn, ngắn, một cái pháo đài thấp lè tè. Cửa thành cổ kính, rêu phong loang lổ, sừng sững trong nắng trưa như một người khổng lồ phong hủi dầy mình; đầu đã bị chặt cụt, chỉ còn cái cổ ngắn trên hai vai ngang. Xúc động, tôi vội cúi xuống. Và tôi đứng lặng người. Dưới cạnh chân tôi là một vũng nước nhỏ (sáng ấy có mưa) đường kính không quá hai gang tay. Mặt nước phản chiếu một tí trời, một tí mây. Nhưng vũng nước ấy cũng là vũng nước tôi đã nhìn xuống bao nhiêu lần trên hai mươi năm về trước mỗi khi đi học ngang qua đấy. Góc đường quen thuộc ấy, đường lề lở lói, gốc cây cằn cỗi ấy. Tôi đi xa một phần tư thế kỷ mới về, mà vũng nước mưa nhỏ bé ấy vẫn còn nằm nguyên đó, không bốc hơi biến mất, không xê dịch, không lớn hơn hay nhỏ hơn. Lý trí đối với tôi lúc ấy hoàn toàn vô giá trị: vũng nước ấy chính là vũng nước của ngày tháng xa xưa, và tôi LẠI NHÌN THẤY NÓ ! Nó không thay đổi mà tôi cũng không đổi thay. Tôi nhìn vũng nước nhỏ bên lề đường, rưng rưng nước mắt. Bao nhiêu vật đổi sao dời mà hôm đó vũng nước vẫn buồn và tôi nhìn nhau như thể chưa bao giờ xa nhau, như triều mến, như thân thương.

Từ hôm đó trở đi cho đến ngày tôi rời Huế, tôi bàng hoàng, với một nỗi niềm dào dạt. Không những tâm linh tôi bao la hun hút, mà cả thân xác tôi cũng giao động khác thường. Trong chuyện cổ tích thường có những nhân vật nghe tiếng chim tiếng súc mà hiểu được ngôn ngữ của thiên nhiên. Bây giờ tôi mới tin rằng những chuyện ấy không phải hoàn toàn bịa đặt. Một hôm thầy tôi nắm vai tôi kéo ra vườn, khoe với tôi các thứ cây cỏ mà người đã gây trong những năm còn trai ở nơi xa xôi. Khi chúng tôi đứng lại ngắm bụi tre càng cua – một thứ trúc nhỏ rất đặc biệt của xứ Huế, có thân cây giống hệt chân cua – tôi giật mình "nghe" được âm thanh trò chuyện của từng cành từng nhánh. Cái tôi của "quá khứ" của em bé, của đứa thiếu niên ắt đã từng nghe những âm thanh đó rồi

nhưng không ngờ, không biết, nghe mà cũng như không nghe, phải đợi đến ngày cái tôi cua
đến ngày cái tôi của " hiện tại " với hai màu tóc râu, trở về hòa hợp, chung sức với nhau mà lắng tai nghe, lúc ấy mới " nghe thấy " mà biết rằng mình có nghe. Tôi không dằn được khẽ hỏi:"Thầy, thầy có nghe chi không ?" Thầy tôi giật mình trợn mắt :"Nghe cái chi, cái chi rứa ? À tụi con nít hắn rỡn đó mà !" Quả thực, xa xa trong xóm, có tiếng trẻ đùa chơi la ó. Tôi mừng là cha già tai còn thính, mắt còn sáng. Nhưng thầy tôi đã không nghe tiếng nói của bụi tre càng cua mà người yêu thương, vun tưới hết lòng. Thậm chí những đau nhức lặt vặt của thân xác, những đau nhức thường ai ai với cái tuổi ngoài bốn mươi đều bắt đầu có ít hay nhiều, cũng bỗng nhiên tan biến đâu mất. Cả thân xác tôi như quay trở lại thành thân xác của một thiếu niên ! Ăn không biết no, ngủ ít không biết mệt, tôi đi bộ hàng giờ dưới nắng chang chang mà vẫn tươi tỉnh tự nhiên. Có hồi ở ngoại quốc tập võ Nhật, tôi bị "rách" gần háng. Bác sĩ bảo chưa rách đến độ cần mổ, nhưng phải cẩn thận tránh việc cúi xuống khi khuân vác vật gì quá nặng. Và phải kiên nhẫn chịu đựng, vì cái đau đó sẽ âm ỉ lại rai suốt đời. Mười mấy năm trời, tôi chịu đựng cái đau âm ỉ ấy.

Nhưng trong thời gian về nước, bỗng một hôm đang tắm tôi đưa tay sờ gần háng, ngạc nhiên không biết cái đau đã đi về đâu. Tôi cúi xuống, tôi đứng lên, tôi ngờ vực cái đau còn đó nhưng tôi quên nó đi, tôi cố tình nhớ lại cái đau quen thuộc, tôi cố tưởng tượng như đang còn đau, nhưng thực tình nó đã biến mất: nơi đó da thịt tôi gân cốt phẳng lì, cứng mạnh, mát mẻ, không đau, không một chút khó chịu, dầu chỉ là vô cùng phớt nhẹ...

Trước ngày tôi lên đường rời Huế, có anh bạn tên C. đến rủ tôi đi chơi một vòng sau bữa cơm tối. Từ nhà trong thành nội, chúng tôi men theo đường kiệt sát chân tường hồ Tịnh Tâm, lên ngả Tàng thơ cũ, rồi quay về hồ Mưng. Ban đêm ở Huế đèn đuốc ít oi, những khu vắng vẻ trong thành đường xá hoàn toàn tối om. Chúng tôi đứng lặng lúc lâu trên bờ hồ Mưng đặc sệt rau muống, nhìn cái miếu nhỏ với ánh đèn thờ leo lét chiếu xuống mặt nước đen ngòm. Và tôi nói cho C. biết : chỉ mười phút trước, lúc ven theo hồ Tịnh Tâm, tôi đã "chạm " phải vô số người đi đêm. Đã đành, từ khi bước chân ra khỏi nhà, cả hai chúng tôi không gặp một người nào trên đường cả, làm sao có chuyện va với chạm phải ai. Nhưng thực tình là là TÔI đã len lỏi rảo bộ giữa đám đông trong đêm tối mịt mùng. Những "kẻ" vô hình, những sự có mặt mà chỉ khi nào linh cảm tràn đầy, bén nhạy, ĐÚNG MỘT MỨC NÀO ĐÓ, như một sợi dây đàn căng đúng độ, ta mới nhận ra thấy được, va "chạm " phải. Hiện tại và quá khứ chập chùng lung linh trong tôi đã cho tôi cái đặc ân ấy chăng ? Tôi không biết ! Thực tôi không biết ! Mà làm sao tôi biết được ?!...»

Ông Th. ngồi yên lúc lâu, ống điếu cầm trong tay tắt ngấm. Tôi cũng

yên lặng chờ đợi. Một lúc sau, ông nói tiếp: "Đêm đó khi mọi người đã đi ngủ, tôi dậy, mặc áo, thắp hương trên bàn thờ, thầm thía biết ơn những người đã khuất, và cúi lạy giã từ các người. Sáng hôm sau tôi lên đường, không nói anh cũng biết, lần ra đi thứ hai đó đau đớn biết bao nhiêu. Như xé da, rứt thịt mà đi ! Nhưng tôi không muốn dông dài; điều tôi muốn nói với anh là cùng với cái đau ấy, tôi ngạc nhiên nhận thấy trong tôi có một sự bình tĩnh vô biên, một sức mạnh phi thường. Tôi đã về, tôi đã trở lại; qua chuyến viễn du trong thời gian, tôi đã tìm lại được xác thân cùng tâm thần của tôi hiện hiện toàn vẹn. Và tôi đã "thấy" . Và tôi tin, một khi ta đã "thấy" thì ta có đủ sức chịu đựng, chấp nhận tất cả, phong ba bão tố gì cũng không thể làm cho ta nao nuúng. Tôi tưởng tôi là một thanh kiếm đã tung ngang dọc tung hoành, ngày nay lại được đem về núi cũ rửa sạch máu me, luyện lại trong lò rèn của chốn cao sơn..."

Ông Th. nói ngang đây thì đứa con gái lớn ra thưa bố mẹ nói bố mời bác vào sởi cơm. Cơm xoàng – Ông Th. bảo là "cơm nhà quê" : cá nục chuối kho khô, thịt heo luộc thái lát, dưa củ cải cây, rau "spinach" (bà Th. gọi là rau dền) luộc chấm "nước tòm kho đánh", một bữa cơm "già quê" do tay một bà Mỹ dâu Việt nam nấu lấy, tiếp tay bởi đứa con gái lớn có hai giòng máu trong người. Cơm xong , cả nhà ngồi xỉa răng uống nước, nói chuyện trên trời dưới đất một lúc lâu đến khi bà Th. và các con xin lỗi lên gác đi nghỉ. Còn lại ông Th. và tôi bên cạnh chiếc lò sưởi, củi cháy tí tách, thấy ông Th. trầm ngâm quá lâu, tôi gợi chuyện đùa ông: "Thế là thanh kiếm được đem về núi luyện lại nhỉ? Anh thực là một người tốt số, mấy ai mà được cái diễm phúc đó. Hạ sơn chuyến này chắc tráng sĩ còn coi ai trong thiên hạ là tay đối thủ nữa". Nhưng ông Th. vẫn yên lặng, và câu nói bỡn của tôi có một âm vang thực là vô duyên. Càng vô duyên hơn khi tôi thấy ánh sáng lửa lò vàng rực chiếu lên, phất phơ trên khuôn mặt có nét thoáng buồn của ông. Nếu chúng tôi không gần gũi nhau như thế, chắc rằng tôi đã ngượng ngùng vô cùng. Ông Th. với tay lấy bao thuốc, châm rải cho thuốc vào ống điếu, rồi quạt lửa châm hút. Ông mới phì phà mấy cái căn phòng khách đã trắng xóa với khói thuốc thơm ngát. Ông nói: "Ha! thanh kiếm hạ sơn ! Vâng , tôi tưởng rằng tôi đã "thấy" và vì đã "thấy" tôi sẵn sàng đón nhận tất cả, chịu đựng tất cả. "Thấy" rồi mà anh ! Sợ chi nữa ! Nhưng tôi đã lầm ghê gớm, lầm kinh khủng , anh ạ. Chung qui cũng chỉ vì mình không bao giờ đoán trước được cái đường đi ngoắc ngoéo quanh co của tiềm thức, cái kiến trúc li ti hiểm trở của tâm thần. Vâng, tôi rời Huế sáng hôm sau, ở lại Sàigòn một thời gian ngắn, rồi đáp phi cơ bay về Hoa Kỳ, qua ngã Thái bình dương. Tôi nôn nao về đến ngôi nhà cũ, nơi tiểu gia đình tôi đang chờ đợi trong thương nhớ và lo âu. Thật lạ ! Tôi xa Huế ngót một phần tư thế kỷ, mà khi trở lại Huế tôi tưởng như tôi đã không bao giờ bước chân ra đi. Đêm ba mươi Tết cúng ngoài trời, cơn khóc như suối đổ, đêm

nắm nhìn những đóm xà cừ lấp lánh trên cặp liễn nguệt lạc ô đề... đã làm tiêu tan thời gian đăng đẳng đó, và đưa tôi vào một cõi kỳ diệu không có trước mà cũng chẳng có sau. Thế mà xa ngôi nhà ở Mỹ chưa đầy ba tháng khi trở về tôi lại tưởng như tôi đã chết đi, đầu thai lại bao nhiêu lần, và nay, ở kiếp này, đang đưa chân vào một thế giới lạ lùng cách biệt. Tôi ôm vợ con trong vòng tay nghẹn ngào. Tôi biết đó là vợ , là con , nhưng tôi tưởng như tôi thấy vợ và các con là những người tôi mới gặp lần đầu tiên trong đời. Anh biết không ? bây giờ bốn năm đã qua, mà nhớ lại tôi vẫn còn lạnh xương sống. Tôi đã đánh mất thời gian giữa ngày rời Huế LẦN THỨ NHẤT cho đến ngày quay về Huế trên hai mươi năm sau. Thay vào đó là cái tôi của ngày rời Huế LẦN THỨ HAI., với những nhận thức linh dị, ngoài lề, quá khác biệt với những nhận thức của một người bình thường hiện hữu trong một khối không gian cố định, một chiều thời gian đều đặn ngăn nắp. Tôi quay về với vợ con, với công việc, với giấy bút, với cỏ cây. Cuộc sống lại tiếp tục. Nhưng tôi biết là có chuyện không ổn.

Thì ra bây giờ tôi nhận thức thế giới bên ngoài một cách hoàn toàn khác biệt với cách tôi nhận thức chỉ mới ba tháng trước khi tôi hồi hương. Giòng nhận thức trong tôi hiện vẫn còn xuôi đúng mức như ngày tôi rời Huế lần thứ hai. Như thể, ngày tôi về Huế, một thứ nhiên liệu nào đó đã bốc cháy, thắp sáng trong tôi, và đến nay vẫn còn hừng hực. Nhưng có vài dấu hiệu bất thường khiến cho tôi linh cảm là sớm hay muộn sẽ có chuyện không ổn. Nhiên liệu đang sáng phần phật đó bỗng nhiên tàn lụi dần, nguội lạnh dần, chỉ còn âm ỉ cháy. Tôi vô cùng lo âu, vì tôi biết chẳng bao lâu nữa nó sẽ phụt tắt ngấm, như một cây đèn hoàn toàn cạn dầu. Chưa đầy một tuần lễ sau ngày tôi trở về ngồi nhà cũ ở đất khách, THỰC TẠI BỖNG BỎ RƠI TÔI một đêm nọ khi tôi ra đứng ngoài vườn. Từ nhiều năm tôi vẫn có thói quen những đêm trăng sáng, nửa khuya, một giờ sáng lững thững ra vườn nhìn cây cỏ một lúc. Cái cây "locust" mới vài ngày trước tôi còn thấy linh động như vậy, mới vài ngày trước còn chuyện trò với tôi như vậy, bỗng nhiên nó đi THỤT LÙI, nó xa tôi dần. Tôi nhìn quanh, thế giới thực tại, tất cả ra xa tôi dần, thụt lùi dần, mờ mịt lại, thâu nhỏ lại, âm u , xa lắc xa lơ. Một cơn kinh hoàng tê tái ôm trùm lấy tôi. Tôi vụt chạy vào nhà thắp một nén hương, ngồi yên cho đến khi bình tĩnh lại, cho đến khi từ từ, từ từ , thế giới bên ngoài QUAY TRỞ LẠI ! Bắt đầu từ đêm ấy, tôi sống với nỗi kinh dị đó. Tuy cố gắng để cho cuộc sống hàng ngày được phần nào bình thường, yên ổn, tôi phải liên tục đương đầu với một sự ra đi quái gỡ của thực tại. Lẽ cố nhiên vợ tôi rất lo sợ vì không thể nào bà ấy không nhận thấy những triệu chứng bất thường nơi tôi. Lòng can đảm và đức tận tụy của vợ đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong sự tìm kiếm lại thăng bằng. Nhưng thay vì là vợ tôi, dầu cha tôi hay mẹ tôi, có mặt đi nữa, cũng không thể hiểu thấu được cái hiện tượng quái gỡ đó trong tôi. Vì cha mẹ tôi, vợ tôi, con tôi, bạn bè tôi, không ai là tôi cả, và không ai từng đi qua cái đoạn trường thời-không-

gian đó.

Anh thừa biết, một người mới đến đất khách lần đầu tiên, lẽ cố nhiên phải thấy thiếu thốn lạnh lẽo, bỡ ngỡ, bàng hoàng. Đó là một hiện tượng tự nhiên. Và cũng một cách tự nhiên thời gian trôi qua, không gian chỉnh đốn lại, tất cả trở thành đều đặn mạch lạc hơn, và người mới đến sớm hay chầy sẽ hòa mình vào khung cảnh đó, vào lối sống mới đó. Không, tôi không muốn nói đến cái cuộc gọi là "hội nhập" thông thường đó như làm quen với ngôn ngữ, tìm kế sinh nhai, chấp nhận một lối xã giao mới v.v... Cần thiết, nhưng không phải là điều tôi nói đến. Tôi muốn nói về tư thức con người, đưa vào một môi trường khác biệt, một không gian khác biệt, dầu muốn dầu không phải từ từ thay hình đổi dạng vì bản năng tự tồn, bản năng tự tồn không những cho miếng ăn nhà ở, mà cho cả tâm thần, cho cả một phương thức hiện hữu song suốt vẹn tròn. Tôi biết rất rõ điều đó vì chính bản thân tôi đã sống qua giai đoạn đó. Sau hai mươi bốn năm, về lại quê nhà , đêm đầu tiên ấy những đóm xa cừ lấp lánh trên cặp liễn, màu vàng mơ của chiếc màn treo cạnh bàn thờ đã giúp tôi trút bỏ cái tướng mạo mà tôi tưởng là chính tôi trong suốt một phần tư thế kỷ. Và lúc quay lại đất khách, tiềm thức tôi đã chối từ thực tại, và để trả thù, thực tại đã chối từ tôi. Có lúc ngồi ở bàn viết, tôi nhìn lên vách trắng. Bỗng nhiên bức tường mờ dần, thụt lùi dần, lùi xa ra chuếnh choáng như mặt biển nhìn từ boong tàu. Có lúc đang bước trong nhà, thình lình sàn nhà hạ xuống, rút xuống, làm tôi hỏng chân, ngã chúi về trước. Nhìn lại thì sàn nhà vẫn còn đó và chân tôi đặt vững vàng trên thảm len, nhưng cả người tôi nghiêng xuống như sắp rỏi vào vực thẳm. Và tôi biết nếu tôi rỏi vào hố sâu đó, tôi sẽ không bao giờ trèo lên mà thoát ra được. Nó sẽ nuốt chửng tôi như con cá nuốt chửng một hạt cơm.

Tôi vẫn cố gắng sống một cuộc sống bình thường nhưng tôi biết là tôi không thể để cho tình trạng này kéo dài lâu hơn nữa, vì đến một lúc nào đó, con đường ngoắc ngoéo tranh tối tranh sáng mà tôi đang đi sẽ đưa tôi đến một nơi không có lối về. Đó là chưa nói đến chuyện tôi không còn dám lái xe nữa, mà phải lấy "buýt" đi làm , hoặc có đêm gia đình đi đâu thì vợ tôi phải làm tài xế ! Một năm gần qua kể từ ngày tôi trở lại với tiểu gia đình nơi đất khách mà tâm thần tôi vẫn run rẩy, lệch lạc. Tôi cố hết sức bắt cho được hiện tại để nối liền với quá khứ, cái quá khứ còn rất gần gũi của ba tháng về quê, nhưng vô hiệu quả. Tôi trở vở chơi vơi trong chốn âm u giữa một thực tại đã qua và một thực tại chưa đến. Tôi cố vặn cái nút điều chỉnh khoảng cách trong cái máy ảnh tưởng tượng tôi dùng quan sát hai cái thực tại đó, nhưng hai hình ảnh vẫn so le, lờ mờ, không hòa nhập với nhau, không đồng nhất. Người mới đến đất khách lần đầu tiên, còn rất bỡ ngỡ, nhìn thực tại với đôi mắt ngỡ ngàng, nhưng thực tại vẫn là thực tại, và thời gian là một chuỗi liên tục, có trước có sau, có quá khứ dầu là một quá khứ xa vời, có hiện tại dầu là một hiện tại khác

lạ. Còn tôi, trở về quê nhà, tôi đã vô tình cắt đứt sợi dây liên tục thời gian đó. Và khi quay lại đất khách lần nữa, tôi không bỡ ngỡ bàng hoàng như những người mới đến, nhưng chuyến viễn du trong vô thức đã khiến tôi, nói nôm na, đi trật đường rầy ! Thay vì tuần tự chạy theo đường sắt đã có sẵn, toa xe lửa của tôi chệch sang một bên, đi thẳng vào một nơi chưa bao giờ có vết chân người. Tôi âm thầm với nỗi trở vở cô quạnh đó trong gần một năm trời. Rồi khi gần như tuyệt vọng, bỗng nhiên tôi tìm được lối thoát ! Nhờ một giấc mơ anh ạ ! Nhờ một giấc mơ !

Tối mơ tôi thấy thơ đi trên một bãi cát dài, không một bóng người. Đang một mình thích thú, tôi bỗng đứng lại: cẳng đường tôi là một con vật dị kỳ, cá không ra cá, sức không phải sức. Con vật khá lớn, cỡ bằng một con trâu. Con vật nằm dài, nghiêng một bên trên cát, vi vảy óng ánh. Nhưng tôi vô cùng kinh sợ khi nhận ra phía dưới bụng nó có những gì như thể chân tay, và lông mao màu hung hung , ướt mềm. Con vật há hốc mồm, thoi thóp thở, đúng là mồm cá, nhưng hai hàm răng lại vuông vắn ngắn củn như răng bò răng trâu. Tôi rón rén lại gần, nhìn kỹ hơn, thì con vật cựa quậy, mắt nhìn sững lên tôi. Và trong con ngươi sâu thẳm của nó tôi thấy phản chiếu hình ảnh của chính tôi... Tôi bừng thức giấc, trống ngực đánh liên hồi ! Tôi nằm nghe ngóng một lúc: bên cạnh, vợ tôi vẫn ngủ yên; ánh trăng thượng tuần lạnh lẽo chiếu qua cửa sổ, sáng lòa trên chân. Tôi khẽ ra khỏi giường, mặc thêm áo, xuống nhà dưới. Tôi loay hoay làm vài công việc, cố tình tự trấn an: nhóm lại lò sưởi củi, pha một ấm nước trà, thắp một nén hương. Trong khung cảnh tịch mịch đó, tôi ngồi yên lặng cho đến khi bên ngoài trời mờ sáng. Mùi trầm hương như vô vẻ, như xoa dịu nỗi bồn chồn, kinh dị trong tôi. Có tiếng gà gáy xa xa, trên đồi. Tôi bỗng sực tỉnh. Thì ra con quái vật đó, nó có phải xa lạ gì. Nó có phải là ai đâu. Tôi quen biết với nó đã từ lâu mà.

Anh nghĩ xem, thực là một cuộc tiến hóa ngang ngược, tréo cẳng ngỗng ! Con quái vật đó, vốn giòng thủy tộc, nhưng vì một nhu cầu nào đó không cưỡng được nó đã lần mò lên bờ. Hàng triệu năm đằng đẵng, nó đã từ từ biến thành một giống có chân, có lông mao, có phổi, có máu nóng. Nó đi, nó chạy trên núi cao, thở khí trời, ăn hoa lạ, uống nước mưa. Nhưng trong vô thức sâu thẳm của nó, giọt nước thiêng liêng vẫn lập loè kêu gọi nó trở về với sông hồ, biển cả. Một ngày nọ nó đã trở về ! Nhưng lạ lùng thay, nếu nó cần phải trải qua hàng triệu năm để trở thành một con vật của núi non thì nay nó chỉ nhảy ào xuống nước để lại đổi dạng lần nữa, trở nguyên hình con thủy vật của một tiền kiếp mịt mù. Nó không chết đuối ! Trái lại trong khoảng khắc, máu nóng lại biến thành máu lạnh, bốn chân lại trở thành vi, thành đuôi, buồng phổi lại trở thành đôi mang, và lông mao nó biến thành vảy cá óng ánh ngũ sắc. Nó tung tăng bơi lội, lên xuống dọc ngang trong lòng nước. Nó quên hết những đoạn thời gian và những chiều không gian của những tháng năm, những

thế kỷ trên đất liền. Nhưng rồi một sự trục trặc quái gở nào đó của cuộc tiến hóa lại đem con thuỷ vật của tôi vất bỏ lên bờ ! Có nhà thông thái, nhà khoa học nào biết tại làm sao ? Tôi thì tôi không biết. Tôi chỉ biết rằng thay vì cần đến hàng triệu năm để cuộc tiến hóa thành công, con thuỷ vật của tôi đã lên bờ lần thứ hai một cách vô cùng đột ngột, liều lĩnh. Và tôi đã gặp nó nằm chênh vênh trên bãi cát như một chiếc ghe mắc cạn. Để thở khí trời nó vẫn còn đôi mang chưa kịp trở thành cặp phổi. Để đi chuyển trên cạn nó chỉ có vi, có vảy, vi tử chi chưa đủ hình thù. Để giữ ấm nó chưa có da có lông, và những vảy ngũ sắc của nó đang khô nứt dần trong gió biển. Không hiểu tại sao tôi liền tưởng đến vũng nước mưa vẩn bùn ở chân thành của Thượng Tứ, vũng nước đã thủy chung không biến dạng, đã chờ đợi tôi suốt một phần tư thế kỷ, để hôm ấy rất tình cờ, tôi dừng chân cúi xuống, và vũng nước nhỏ ngước lên chào đón một kẻ qui cố hương. Trời ! Một sự thực đã kiểm chứng sáng rực trong tôi : nếu hàng triệu năm có thể vượt qua như trong giây khắc, thì một giây khắc cũng có thể cấu tạo và thành tựu như hàng triệu năm !

Sáng tinh mơ đó, trong căn nhà nhỏ quyện mùi trầm hương, tôi biết tôi có thể là một con thuỷ vật đi trên bờ, lấy vi làm chân, lấy vảy làm lông, lấy mang mà thở khí trời, lấy máu lạnh mà uốp mùi nước biển. Thuỷ bộ, như âm dương cách biệt đôi đường. Nhưng anh nhớ không, cái đêm cùng C. đi theo ven hồ Tịnh Tâm , tôi đã vô tình bước sang được cõi âm, thì ngày nay há tôi lại ngại ngùng chuyện nước, chuyện cát sao ?!..."

oOo

Ông Th. trú ở miền Bắc Hoa Kỳ, tôi trú ở miền Nam, xa nhau lắm, thăm được nhau thực là hiếm hoi. Từ ngày nghe chuyện ông kể, tôi lắm lúc băn khoăn không biết thực tình hiện nay ông cơ chắc đã trở thành con vật kỳ quái đó không. Một hôm tôi được thơ ông. Sau lời thăm hỏi thường lệ chuyện gia đình, bạn bè, làm ăn, ông viết:

"Này, anh Võ ! Hôm thăm nhau, thực chán, quên nói với anh cái này. Anh cơ nhở tôi đã kể anh nghe về chiếc vòng đã ám ảnh phá phách tôi trong những năm chưa được về nước đó không ? (Nước đây là nước, nhà, chứ không phải nước mặn , nước ngọt đâu nhá!) Rồi khi tôi được về nước chiếc vòng ấy bỗng dưng tan biến mất, và tôi biết nó chỉ là một ảo ảnh ,một con ma. Tôi yên tâm là nếu có ra nước người lại, tôi sẽ không bị nó theo đuổi nữa, vì tôi đã cao tay ấn, trừ khử được nó rồi mà ! Nhưng tôi có nói với anh là tôi đã lâm to , lâm ghê gớm, tôi ngây thơ quá, anh nhớ không ?

Chẳng là sau cái sáng tinh sương ấy, tôi đã tìm lại được "đất liền ". Thực tại lại quay về với tôi. Không ngay cùng một lúc, nhưng từ từ, từ từ khi ít khi nhiều, khi nhanh khi chậm. Tôi có cảm tưởng như tôi đứng

trên bờ biển, nhìn ra chân trời xa hứt một buổi hoàng hôn, và thực tại quay về với tôi như nước thủy triều. Chiều càng nhá nhem thì mực nước càng dâng cao, ban đầu còn nhẩn nha, chậm rải, nhưng mỗi lúc mỗi đầy đặn rạt rào, huyền náo quanh mình.

Tôi mừng thoát nạn ! Nhưng nếu tôi tìm lại được thực tại thì tôi cũng vớ phải cái con ma vòng ! Thì ra nó vẫn lẩn quất đâu đó chờ dịp tốt, rồi nương theo thực tại mà đến với tôi như một con rắn biển độc địa nương theo tôm cá mà trà trộn vào thuyền người dân chài. Đuổi mấy nó cũng không đi. Đành lì với nó, mặc kệ nó, làm bộ không chấp... Rốt cuộc, nó cũng chẳng làm quái gì được tôi..."

....."À, anh Võ, còn chuyện này nữa. Hôm nọ tình cờ thấy lại bài thất ngôn tuyệt cú của Hạ-tri- Chương, tôi thích quá. Sợ anh không nhớ tôi chép anh xem:

Hồi Hương Ngẫu Thư
Thiếu tiểu ly gia, lão đại hồi
Hương âm vô cải, mấn mao thôi
Nhi đồng tương kiến bất tương thức,
Tiếu vấn: "Khách tòng hà xứ lai ?"

Tôi vốn dốt Hán văn, nhưng hứng cứ dịch chơi. Có gì không ổn anh chỉ tôi nhé. (Sự thực, ông Th. khiêm tốn, ông thông Hán văn bằng trăm tôi)

Tình cờ viết chơi khi về làng cũ
Tuổi nhỏ xa nhà, già trở lại
Giọng quê còn đó, tóc mai phai
Trẻ em gặp mặt nhưng không biết
Cười hỏi:"Ông từ mô tới đây ?"

Ông Hạ là một thi bá thời Sơ Đường, sống trước chúng ta gần mười hai thế kỷ rưỡi. Chỉ loay hoay xuôi ngược trong mấy tỉnh nước Tàu, quá lắm là bị biếm ra nơi nào xa xa thành đô một chút, thế mà khi về quê đã có chuyện "ông từ mô tới đây ?" Trước kia tôi vẫn nghĩ cái tình tự của Hạ tiên sinh là thế và chỉ có thế. Nhưng bây giờ tôi mới thấm thía, tôi mới cảm nhận sâu sắc cái điều ông Hạ đã để lại cho đám hậu sinh. Bài thơ thực tài tình: câu hợp, câu cuối đó, là một câu hỏi, nhưng cũng không thực là một câu hỏi, vì nơ đâu cần có một câu trả lời. Hạ Tri Chương đã đi đã về đã thấy, và gặp đứa bé cười hỏi một câu chơi, ông không nói gì vì đang còn ngỡ ngác thấy giọng nói quê hương vẫn còn đó, không thay đổi, mà tóc mình thì đã pha sương. Ông Hạ là người sâu sắc kín đáo. Còn một kẻ hồ đồ như tôi, thì nếu có thằng bé nào dám "tiếu vấn " như vậy, tôi sẽ trả lời ngay :"Hử ! Ông từ mô tới đây ?! Em hỏi cái chi lạ rứa ? Tui là em đây mà. Từ mô với từ tê chi em ! "

VÕ ĐÌNH
Đầu Xuân năm Mậu Ngọ

nô tiên sinh

● XUAN HIEN

Dị nhân này thật quái đản, được kẻ hèn này suy tôn là Nô tiên sinh cũng thuộc loại di tản thứ thiệt, sau khi ăn dầm nằm dề ở mấy trại định cư, cho đến lúc cái cọc cuối cùng của bà Hồ xuân Hương (theo lời đương sự) được nhổ lên, các trại bị dẹp tiệm, thì đương sự vẫn còn đủng đỉnh chưa chịu rời. Nhìn mấy đấng phụ trách di tản khóc lên khóc xuống vì bị mất zdớp Nô tiên sinh cười ba tiếng khóc ba tiếng, buông ra một câu gọn gãng: "Đời !".

Nô tiên sinh có một đặc tính là không bao giờ dùng tới hai chữ trong một câu đối thoại. Thí dụ: hỏi tiên sinh khi ngài đến thăm kẻ hèn này vào bữa ăn là có ăn không, thì Nô tiên sinh chỉ trả lời gọn: "Có !" Ít khi mời tiên sinh ăn mà được nghe trả lời không.

Chữ "không" nay chỉ được Nô tiên sinh dùng trả lời khi văn phòng Tìm việc hỏi: Có dóp cọ nhà cầu lương 3.30 khởi đầu, làm không? Tiên sinh sẽ đáp hiên ngang "Không"

Các quí vị ở phòng tìm việc đã chịu thua Nô tiên sinh, vì theo đương sự, đương sự chỉ van xin các đấng đương hết lòng phục vụ xã hội (nhiều vị đã hy sinh vì nghề nghiệp để phải làm việc những hai tiếng đồng hồ một ngày) và lãnh tạm chín trăm đồn một tháng, cứu vớt hàn vì hàn tha thiết với nghề nghiệp của bổn đổi truyền tử lưu tôn mà bây giờ nếu không được "hành" thì hắn sẽ nổi điên lên mà giết hết các "đấng".

Nhưng làm sao để tiên sinh hành nghề ruột ở trên đất nước này vì đó là nghề lắm hãng... mã.

Ngoài nghề lắm hãng mã gia truyền Nô tiên sinh cũng là dòng dõi ngành địa Lý, xẩy mồ định hướng v...v...

Hồi mới đến đây, khi khai lý lịch về cha thông dịch viên Anh văn cũng kênh càng nên dịch thuật thế nào mà sở tìm việc bắt liên lạc rất trịnh trọng với Nô tiên sinh là: trưởng College tại tỉnh đường cần người phụ giáo về... địa chất học.

Ra họ nhầm lã Nô tiến sinh chuyên tham khảo... Sử Địa. Cái nghề "ông thầy Địa Lý" thì chỉ có cụ Tả Ao sống lại mới có thể dịch thoát cho Mỹ hiểu, chứ Anh văn của thông dịch viên đâu có thể diễn xuất được

Tôi được biết Nô tiên sinh trong một trường hợp đặc biệt: chúng tôi theo học lớp ceta anh ngữ căn bản nghĩa là vỡ lòng, hay nói theo ngành giáo dục là quyển... một.

Lớp đủ hạng từ chiếng giang hồ tử ông giáo Việt văn, bã bán bún riêu ở Ngã Ba ông Tạ, họa sĩ cũng có một ông, vã lính tráng, dân trốn cầm súng, ký điệu đủ cả. Nhan sắc thì cũng đủ cung bậc. Có bã đã 12 lần sản xuất nhi đồng, đứa cuối cũng còn bú sữa, gửi người trông nom có chi ngân cẩn thận, bà ta vừa uốn lưỡi vừa lo, "không hiểu ở nhà nó có cho thằng nhỏ bú không ?" nên giọng trầm giọng bổng của bã đọc lên na ná Ấn độ, Chà Và nói tiếng Việt. Có em trông cũng xinh, mặt hoa da phấn, thông minh ra phết lúc em cất giọng ngâm nga thì cả bã phụ trách giảng viên lẫn "sinh viên ngoại ngữ 2" đều phải cố bấm bụng lấy gần cho khỏi xả ga cười.

Trong một buổi học, cả lớp đương chăm chú nhao nhao đọc theo lối bã giáo thì bỗng ngừng "cập tốc" vì có tiếng cười hì hì, hích hích rồi chuyển sang giai âm khó thường là hã hã, tiếng cười càng ngày càng rõn tan, sảng khoái Tôi quay lại thì thấy Nô tiên sinh biến mất. Nô tiên sinh đã chui tụt xuống gầm bàn để... cười cho thỏa chí tang bồng.

Bã giảng viên vội đi xuống tận chỗ để xem xét tình hình. Tới nơi bã lôi Nô tiên sinh từ gầm bàn trú ẩn lên, mặt còn đỏ gay, môm vẫn dấp dính toan cười. Bã giảng viên gạn hỏi "Tại sao u cười".

Tiên sinh vội lập nghiêm, nhưng nhìn vẻ mặt thì cũng biết là tiên sinh còn rắp tâm muốn cười vung vít nữa. Hỏi lý do thì tiên sinh xin trình bầy. Loạt Anh văn của tiên sinh còn ở cấp ăn lẻ, còn tối thuộc loại ăn đong. Nghĩa là tôi đi đong được mười lít thôi cơm, còn Nô tiên sinh đến muộn lẻ một lon về nấu cháo đó. Tôi bèn được vinh hạnh đứng ra làm "thông dịch viên"

Đại khái người trình bầy là "Kỹ thầy mô" bằng nầy tuổi đầu mà còn học Dít i ê bob, dét i ê che; chưa kể Nô tiên sinh đã sản xuất 14 nhi đồng đủ cả thành phần đực cái mà còn phải hết ấm lên "Dít i ê boi, dét i ê gơn" bộ người chưa biết phân biệt trai gái hay sao mà còn phải chỉ dẫn ? Lại nữa khi học tới nghề nghiệp hết tôi là Kỹ sư, kỹ nghệ gia, thương mại gia, họa sĩ, ông đít to (Editor) bã Cư Lách (clerk)lăm sao mà nhịn cười cho nổi, trong khi mình chỉ là thằng di tản.

Tiên sinh giảng xong thì cả lớp nhảo lên cười vì họ cũng dự tính cười từ lâu nhưng chưa gặp dịp. Hai bã giảng viên cũng cười luôn cho tiện việc giáo huấn , nhất là bã cũng vui với cái giớp bất ngờ này: tụi rỉ phiu gi đã mang tới cho bã 3$ tới 5 $ một giờ chứ ít sao.

Trong hai bã có một bã không dám cười to vì giản dị là bà ta bị cái sơ hở chiến lược: thiếu bốn chiếc răng cửa mã theo bã ta tâm sự là đã 18 năm "mưa gió tới bồi" bã chưa đủ tiền để mã trồng. Cái giống Mỹ ở xa ngắm tới thì cho là giàu lắm đến khi tới gần thì mới biết là rách và nó địa nhất trần gian.

Tôi cam đoan với quí vị là từ khi

"Ngài cười" ở dưới gầm bàn gần ba năm về trước cho tôi nay cái bó chữ của Nô tiên sinh vẫn trông trơn ã, nghiã lã Người vẫn phải dưng Anh văn băng tay, vã khi nồi nóng, băng cả chân. Người nói lã chữ nghiã gì mã kỹ thầy mô, lúc nói cuống họng phải lãm việc kinh khủng nên "hại cho giọng Thiên phú " của người.

Muốn biết vê cái giọng của Nô tiên sinh ra sao, trước hết tôi phải tả thêm gia thê của Nô tiên sinh cũng sở trường sở đoản của Người.

Vôn xuất thân trong một giống họ vã tại một lang nổi tiếng về lãm hãng mã, kem thêm các nghề: Thầy Địa Lý, xây cất đình hương mồ mả, đề hường nhã, lập am, lập điện, ông giã của Nô tiên sinh còn kiêm thêm ngãnh tử vi tướng sờ, yểm bùa trần trạch vã đặc biệt lã hầu bóng ta gọi nôm lã lên đông.

Tử thủa nhỏ Nô tiên sinh đã sống trong không khi sặc mùi nhang đến trầm ngát, dầu đậu phọng.. Tai người nghe tiếng Tiu Cảnh đãn sáo thay tiếng mẹ ru, nên lúc nào người cũng nhủ lâng lâng thoát ra khỏi chốn trần ai tục lụy. Người phụ tá ông thân sinh trông nom một cái điện lớn.

Người cao một thước bảy, mặt vuông chữ điền miệng rộng, nước da trắng xanh, tướng coi nhãn nhã ung dung. Nếu chỉ có vậy thì chả có gì đáng nói, điểm đặc biệt của ngãi lã đôi Mắt, vãng Đôi mắt... Đôi mắt của Nô tiên sinh theo quân mắt dạy đặt tên lã đôi mắt cập bã lời nghiã lã đôi mắt đang đề cho mấy ông nhấn khoa Mỹ ti mi phân tích

Tử khi mới lên sáu lên bảy Nô tiên sinh đã phụ tá ông thân sinh trong nghiệp nhang đến nên đôi mắt ngãi đã trở nên lờ mờ, đùng đục. Hai mi mắt hum húp lúc nào cũng phải nheo lại trước bó trầm nhang đường bốc khói, đã tạo cho cặp mắt một vị thê mã người đời đặt hốn danh lã "ti hi mắt luòn".

Vì ám nhang khói nhiều nên cặp mi cũng bỏ quê hường tổ quốc mà di tản mất dạng, cho nên bờ mi của Nô tướng quân nó trụi thũi lụi lúc nào cũng đỏ hoe vã ở đó những dòng lệ bi ai rủ nhau thường xuyên tức trực.

Các bác sĩ nhấn khoa đã hong phơi, hấp ủi điện, mã đôi mắt vẫn thi gan cũng tuê nguyệt nhất định giữ vóc dang bề môn tỏa cang, khong cần ngầm chiếc áo the dãi, cái khăn xếp đến, cái túi tay đầy (tay nải) người vắt toòng teeng trên vai, mã chỉ nhìn vào đôi mắt người ta cũng đoán chẻ hoe Nô tiên sinh là một anh thầy cúng tài hoa.

Người có 14 con dắt díu được đầy đủ sang đây, khi gia đình Nô tiên sinh khai giấy tổ Mỹ lớn Mỹ con đều khóc thét vã đến khi nhìn tới diện mạo của Nô phu nhân, bã phụ trách giấy tổ đã trộn mắt há miệng ngạc nhiên như quân lính Nã phá Luân ngắm chiếc Kim tự Tháp trên đường hãnh quân. Vì Nô phu nhân người chỉ nhỏ nhắn như cái kim khâu, một cái công xưởng sản xuất bé tí xíu mà đã lao động vượt mức. Con người đó đã sinh thành ra 14 Nô con, đúá nào mắt cũng giống bô nghiã lã, quân vũ phu đều cáng đã gọi gọn thon lớn lã gia đình nhã "cá rô ria ".

Nô tiên sinh tâm sự cũng tôi lã người rất buồn vì nhớ mùi nhang khói. Cung đãn châu văn cũng lãm cho người tha thiết nhớ. Theo Nô tiên sinh thì không có ban hòa tấu não mã lại thanh thót mê li như ban châu văn , ở đó "nghệ sĩ" đã diu dắt con công đệ tử đi vào thê giới

huyền diệu của âm hưởng đã làm cho con người ngây ngất với khung cảnh thần tiên, người tục và tiên lẫn lộn, tựa lênh đênh trên đỉnh núi thượng giới.

Một hôm Nô tiên sinh đã lâm tôi thật điên bát đảo ở một chợ Mark it—Food . Hôm đó nắng hanh thật đẹp, gió hây hây như mùa thu quê hương nhà. Tôi và Nô tiên sinh vào chợ. Người mặc một cái áo gấm lam chít khăn, vì người vừa đi đặt một hương nhà (!) cho bà con. Vào chợ Nô tiên sinh lửng thửng tách riêng ra chỗ bán đồ sắt, nhôm, chậu thau v...v...

Tôi đương mải mua vài món đồ bỗng thấy chợ nhốn nháo, có tiếng hát veo von ở góc phía cuối. Bộ y phục của Nô tiên sinh đã lâm cho mọi người chú ý xúm lại coi, lâm Nô tiên sinh thêm nổi hứng bất ngờ, nhớ nghề nghiệp cũ, cất lên một bản chầu văn, tay gõ chiếc chậu nhôm bằng chiếc bút chì do chợ phát để ghi giá trên đồ.

Veo von tiếng hát trầm bổng, rất trong lại đúng lúc xuất thần, Nô tiên sinh đã lam cho sở thính giả thêm đồng đảo. Giọng hát lanh lảnh không cần micro đã vang bốn phía.

Tôi cũng là thằng chúa liều mà cũng phải "tê tái " cả người, chân tay bủn rủn trước một sự nổi hứng bất ngờ như thế.'

Nô tiên sinh cứ rống lên tha thiết Người lại cõn bịt mũi giả lâm tiếng đàn chầu, nghe thật giống và...tuyệt Người hát:

Ới a bà ở trên ngàn
Tầu lạy bà bà ở trên ngàn...
Hở...Hở Hỡ Hở...
Thương con công đệ tử (chứ ới a)
Trần gian, trần gian bà về.
Hử hự hử hự...phứng phứng phứng phứng
Ới a trần gian bà về
Bà xá lâm xá lối xá lú xá mê
Hở hỡ hở hở...hử hử hử hự
Trần gian ới a mà bà về
Phứng ...phứng...phứng ...phứng
Bát Nhã thuyền huệ
Bà chèo...Bát Nhã thuyền huệ
Ới a... con công đệ tử chứ ngồi kề hai bên
Hở hộ hở hở...
Tầu lạy bà...Bà đẹp chín nghìn
Trăng cõn lã cõn thua sáng, ới a
Hoa nhìn (mà) kém tươi.
Phứng...phứng phứng phứng...

Không một chút e ngại, giữa chợ Huê Kỳ, Nô tiên sinh đứng đờn ca tỉnh rụi như thế...

☆

XUÂN HIẾN

VHNT vừa nhận được của LOVINA INC.
ở P.O.Box 7235 Ft.Lauderdale,FL 33338
cuốn HỒ XUÂN HƯƠNG thi tập
Xin cảm ơn LOVINA INC. và trân trọng
giới thiệu cuốn sách trên cùng độc giả

trúc chi

KỆ !

Lênh đênh nửa kiếp phù trầm
Tài hoa nặng gánh áo cơm chật vòng
Ai rằng hưng phế tồn vong
Ta rằng phóng bút chửa xong một vần

LÀM THƠ

Vần thơ gieo giữa vô thường
Bể dâu thế ấy đoạn trường thế kia
Vách trên rêu đá xanh rì
Dăm hàng lục bát thuở về sau xưa

HÁI THUỐC

Nghiệp duyên vướng một đường tơ
Nghìn sau e vấn túi thơ rượu bầu
Suối đào buộc chiếc thuyền câu
Non cao hái thuốc chữa sầu thiên thu

SÔNG HƯƠNG

Bến xưa đêm trở thuyền chài
Một vò rượu ấm nửa hồi chuông xa
Giọt sương rụng ánh trăng ngà
Mang mang sông trải nghĩ tà áo em

TRÚC CHI

KHU VƯỜN TUỔI NGỌC

✡ XUÂN HIẾN

"Những số nhà chớp mắt đã tang thường"
(CAO TẦN)

Khi trở lại khu vườn thơ ấu cũ
Ta nhìn nhau cỏ mọc đã đầy hồn
Phấn thông vàng còn chìm say giấc ngủ
Cây Thần Tiên trơ lại một cành đơn

○

Bướm giữ cửa nhìn đôi ta ngơ ngẩn
Mây ngừng bay ngắm bạn cũ quay về
Mắt xích sắt khẽ rên niềm uất hận
Ta nhẹ nhàng nâng cánh tuổi thơ xưa

○

Hãy động khẽ đủ cho nai thức giấc
Đừng xôn xao làm bướm nhỏ giật mình
Em có thấy rõ ràng thềm từng bậc
Rêu mòn in lên những bước chân xinh

○

Em hãy khóc để lệ trào rửa sạch
Những bụi đời vương trên má thở xưa
Anh quỳ xuống hôn lên từng thớ gạch
Chợt thấy hình in trên lớp rêu mờ

○

Áo sương đó, em khoác cho anh nhé
Anh cũng đem hoa lá phủ lên thơ
Cọng cỏ mảnh mai bật run rất khẽ
Nghẹn ngào nhìn hai bạn-nhỏ-đơn-sơ

○

Suối thuỷ tinh vẫn long lanh dòng cũ
Uống đi em, nước mắt của Thiên đường
Cành hoa dại leo trên bờ dậu đổ
Chào ta về từ cát bụi thê lương

○

Ta giẫm chân dòng suối xưa quen thuộc
Hai đứa cười nhìn chân nhỏ như xưa
Đôi hài cũ giấu trong lòng cỏ mượt
Còn vừa in sau năm tháng giao mùa

○

Em bỗng nói bỗng cười và chợt khóc
Để chim xua run cánh vội bay lên
Cành hoa trắng tả tới quanh mái tóc
Anh cúi gần nhấm cọng-cỏ-không-tên

○

Vườn thoắt đến thoắt đi và chợt mất
Anh bàng hoàng tỉnh dậy với trăng sao
Ngay dĩ vãng cũng chứa nhiều nước mắt
Trong vườn thơ hiển hiện giữa chiêm bao

☆ XUÂN HIẾN

lê xuân giáo

TỰ TRÁCH

Muốn dặm trùng dương một chiếc xuồng
Ngậm ngùi thân thế cảnh tà dương
Sao dời vật đổi từng suy gẫm
Nước hẹn , non thề chỉ nói xuông
Trời rộng hỏi đâu buồn đất hẹp
Đổi trôn riêng nhưng trách mình vuông
Ai về nhắn với đàn thê tử:
«Mưa gió trở trở kẻ lão cuồng »

● LÊ XUÂN GIÁO

KONTINENT
tờ báo của trí thức nga

MỖI KỲ 1.500 SỐ BÁO TRỞ VỀ NGA

Nói về báo chí của dân di cư trên thế giới ngày nay, hách nhất có lẽ là tờ Kontinent của người Nga.

Đây là một tờ tạp chí mỗi tam cá nguyệt xuất bản một kỳ, in mỗi kỳ 4.500 bản bằng tiếng Nga. Ngoài ra tờ Kontinent còn có tám ấn bản bằng tám thứ tiếng khác nhau: Anh, Pháp Đức v.v... Cho đến nay, tạp chí này đã phát hành được 15 số.

Thế lực của tờ Kontinent không phải chỉ ở chỗ nó phổ biến rộng rãi, ảnh hưởng đến quần chúng độc giả ở nhiều nước Âu Mỹ mà còn ở chỗ nó lọt được qua bức màn sắt, đi ngược vào quần chúng Nga sô, gây sự bất an cho chế độ độc tài cộng sản. Thật vậy, trung bình cứ mỗi kỳ, trong số 4500 bản bằng Nga ngữ, người ta ước tính có chừng 1500 bản được mang về Nga xô. Chính vì mục đích ấy tờ Kontinent in khổ nhỏ, có thể giấu trong một chiếc xắc tay phụ nữ.

Tờ báo in tám chín thứ tiếng: ấy đã là một điểm đặc biệt. Ngoài ra, tờ Kontinent lại có mấy nét ngộ nghĩnh nữa: mặc dù người Nga tị nạn đông nhất ở Hoa Kỳ nhưng báo quán Kontinent lại chọn ở Pháp, tại đường Lauriston (Ba Lê) ; và tuy tờ báo đặt ở Pháp, hậu thuẫn về tài chính của nó lại ở bên Tây Đức, bởi vì chính cơ sở và báo chí xuất bản không lồ Axel Spinger đã tài trợ cho nó lâu nay.

Thành phần cộng tác với tờ Kontinent cũng lại khá ly kỳ: bài vở của nó một phần là do các văn nghệ sĩ lưu vong viết, một phần nữa do chính những văn nghệ sĩ và trí thức viết từ trong nước Nga gửi ra. Dĩ nhiên nhà cầm quyền Nga xô đã tìm mọi cách để ngăn chặn, nhưng đường dây bí mật chuyển bản thảo qua khỏi bức màn sắt vẫn luôn luôn hoạt động đều đặn, hoạt động mỗi ngày mỗi mạnh hơn. Thậm chí, gần đây, nhà văn Maximov, chủ nhiệm tờ Kontinent đã có lần chỉ đống bản thảo nói với một phóng viên : "Ông xem đấy, đó chỉ là số bản thảo nhận được nội trong một ngày thôi ! Chừng ấy thừa đủ cho nửa số báo rồi."

Khó lòng biết rõ về đường giây hoạt động bí mật của người

Nga xuyên qua bức màn sắt, thỉnh thoảng người ta chỉ bắt gặp một đôi sự kiện lý thú mà thôi. Chẳng hạn có lần một người đàn bà từ Nga xô xuất ngoại công khai đã mang đến cho tòa báo một bản thảo đánh máy ngay vào chiếc khăn quàng cổ của bà ta: công an khám xét tại phi trường không ngờ đến cái mẹo nhỏ ấy.

Chủ trương tờ Kontinent là Vladimir Maximov, nhà văn đã rời bỏ nước Nga từ bốn năm nay. Dù là chủ nhiệm một tờ báo xuất bản bằng nhiều thứ tiếng, Maximov vẫn không nói được thứ ngôn ngữ nào ngoài Nga ngữ. Mỗi khi cần phải tiếp những nhân vật nói tiếng Anh tiếng Pháp, ông phải nhờ bà vợ làm thông ngôn.

CŨNG CHIA RẼ CẨN THẬN

Nói đến một tờ báo, một hoạt động văn học nghệ thuật của người Nga lưu vong, ai nấy đều nghĩ ngay đến A. Solzhenitsyn: ông có chân trong tòa soạn không? đóng vai trò như thế nào? có thái độ ra sao đối với tờ Kontinent?

— Không. A. Solzhenitsyn không có vai trò nào trong Kontinent cả. Không phải vì xa xôi cách trở (Solzhenitsyn ở Vermont, Hoa Kỳ, tờ Kontinent ở Pháp) nhưng là vì nhà văn đoạt giải Nobel lại không tán thành đường lối của tờ báo nọ. Theo ông, tờ Kontinent có xu hướng quá tự do. (Trong khi ấy thì nhóm dân chủ xã hội — cũng Nga lưu vong — lại cho là tạp chí này quá ...bảo thủ!)

Như thế đủ rõ tình trạng nội bộ giới văn nghệ và trí thức Nga xô lưu vong ra sao. Họ cũng chia rẽ trầm trọng, không ai chịu ai. Chỉ nguyên một giới văn nghệ đã chia rẽ nhau, ngoài ra lại còn có sự phân ly giữa giới văn nghệ và giới chính trị. Mỗi bên một chủ trương, một đường lối; họ tha hồ chê bai, chỉ trích nhau, hoạt động riêng rẽ nhau. Tuy nhiên mỗi khi chính quyền cộng sản ra tay đàn áp là khối người lưu vong liền nhất tề lên tiếng phản đối bạo quyền, bênh vực nạn nhân ngay.

Vả lại, mặc dù không "chịu" nhau, các nhà văn Nga lưu vong đối với nhau vẫn có thái độ đẹp đẽ. Chẳng hạn giữa Solzhenisyn và Maximov: Mặc dù Solzhenitsyn không tán thành đường lối tờ Kontinent, Maximov vẫn cực lực tán dương Solzhenitsyn: **"Solzhenitsyn không phải chỉ là một nhà văn; ông là hiện thân của một phong trào. Sự nghiệp của ông bảo đảm cho ông một địa vị cao trong lịch sử. Và Solzhenitsyn cũng không phải chỉ là một con người. Ông là nguồn cảm hứng của cả một thế hệ trí thức."**

TỊ NẠN BA ĐỢT

Người di dân Nga mà chia rẽ nhau, cảnh đó cũng dễ hiểu. Bởi vì thành phần họ khá phức tạp, họ ra đi trong những trường hợp khác biệt nhau.

Trước sau, đại khái có ba đợt di dân Nga. Đợt thứ nhất ra đi dưới thời Nga Hoàng Nicolas đệ II, gồm những phần tử chính trị tiến bộ lúc bấy giờ bị đàn áp vì đòi hỏi cải cách. Đợt thứ nhì là đợt lớn nhất, ra đi sau cuộc cách mạng tháng 10 - 1917 để trốn chế độ cộng sản. Đợt sau cũng xảy ra tử 1967, sau cuộc chiến tranh Trung đông, gồm phần lớn là người Nga gốc Do Thái. Hiện thời ở Paris di dân Nga đợt nhất và đợt ba có độ 7.000 người , còn đợt nhì thì 175.000 người. Thành thử khu vực đại bản doanh của tờ Kontinent qui tụ thật nhiều dân Nga, nhiều đến nỗi ông chủ nhiệm Maximov đã có lần gật gù bảo :"Một người di cư giả bảo con đường Lauriston khá đẹp, chỉ đáng tiếc là hơi đông dân... Pháp ! " Lẽ ra, nói đó phải gồm toàn dân Nga thì cụ mới vừa lòng.

Trên đường Lauriston , nhiều lớp người Nga đụng đầu nhau. Có những phu nhân tư tòa đại sứ Nga xô ra , đi uốn tóc tại một tiệm do dân di cư tị nạn chủ trương. Có mặt vụ gián điệp Nga xô la cả rình rập hoạt động chống cộng. Có những cán bộ cao cấp, những văn nhân tài tử con cưng của chính quyền cộng sản vừa tư Mạc tù Khoa sang Ba lê trình diện tòa đại sứ xong là vội vàng tìm tới đường Lauriston để... xem xã hội dân tị nạn Nga v.v... Tại đây, Nga với Nga tha hồ kể cho nhau đủ thứ chuyện cũ có mới có, kín có hở có, tha hồ tiết lộ, bán cải về những tin thật và tin đồn mang từ bên kia bức màn sắt ra.

Chính trong không khí như thế, tờ Kontinent ra đời, để phản ánh tư tưởng và tình cảm của người Nga tự do. Ngay tại báo quán Kontinent cũng nườm nượp Nga kiều tị nạn, đến để đóng góp bài vở, tài liệu, ý kiến v.v...

Những năm gần đây, chính quyền Mạc tư Khoa đuổi văn nghệ sĩ và trí thức Nga ra khỏi nước mỗi ngày mỗi nhiều, hàng ngũ biên tập của Kontinent do đó càng ngày càng thêm hùng hậu, bài vở càng thêm phong phú. Ba tháng một kỳ, thưa thớt quá; không biết người chủ trương có dự định tăng thêm nhịp độ ấn hành chăng.

TRẦN KIẾN HÒA

Một ông cụ trẻ

Joan Miro

Joan Miro mừng sinh nhật thứ 85 của mình bằng một lời tuyên bố :"Tôi tự cảm thấy rất trẻ, trẻ hơn bao giờ hết ".

Nhà đại họa sĩ "trẻ " ấy là một người nhỏ vóc, tóc lưa thưa bạc trắng, dáng bộ quả còn nhanh nhẹn, nhưng khi trèo lên thang lầu của xưởng vẽ thì trông đã có vẻ vất vả.

Joan Miro là một trong những bậc sư cuối cùng còn sót lại của thế hệ tài danh đã quấy động làng họa Paris những năm 1920 và 1930 , gồm những Picasso, Max Ernst v.v.. Bấy giờ phần lớn các bạn đồng thời đã quá vãng , ông cụ trẻ Miro vẫn còn ngày ngày huơ bút vẽ rất hăng. Trong xưởng họa còn ngót trăm bức tranh dở dang : mỗi tuần lễ ông tiếp tục hoàn tất một vài bức, trong khi ấy từ khắp các nơi thiên hạ gửi thư về đặt mua tới tấp: Viện bảo tàng Mỹ thuật quốc gia tại Hoa thịnh Đốn vừa trưởng lên tường một tấm thảm to tướng của Miro dài 36 feet rộng 10 feet , một thánh đường ở vùng Paris vời đến nét họa Miro trên cửa kính, rồi từ Los Angeles Texas v...v... nhiều nơi hỏi mua điêu khắc phẩm của Miro v.v...

Mỗi ngày ông cụ trẻ thức giấc vào lúc bốn giờ sáng, nằm suy nghĩ về những gì mình sẽ vẽ trong ngày. Đến 7 giờ, ông cụ nhắm mắt ngủ lại. Một giờ sau,cụ trẻ thức dậy lần nữa và bắt đầu làm việc: bưng từng lọ màu chạy lăng quăng giữa rừng tranh dở dang giàn ra đầy xưởng họa. Cụ thích gì họa nấy, cứ thế cho đến 1 giờ rưỡi chiều thì dừng lại ăn, rồi đánh một giấc ngủ trưa đúng truyền thống dân tộc Tây ban Nha. Giấc trưa kéo dài chừng vài mươi phút, sau đó cụ thức dậy, vẽ tiếp cho tới tám giờ rưỡi tối.

Lối làm việc của cụ mới xem qua có vẻ bừa bãi, vô tổ chức: bức tranh này vẽ chưa xong, cụ bỏ đó vẽ qua bức khác, lại bỏ qua bức khác nữa, rồi thỉnh thoảng quay về bức trước. Cứ thế có bức tranh cụ vẽ hàng năm mới xong, có bức lâu hơn nữa. Tuy vậy bảo cụ vô tổ chức, cụ phản đối ngay :"Trong cái bề ngoài lộn xộn ấy, vẫn có sự xếp đặt đâu ra đó cả ". Cụ bảo thế.

Tranh Miro vẫn thường được gọi là siêu thực: trên khung vải người ta thấy những bàn chân , bắp chân kỳ cục, những người đàn bà trông thật khiếp, những con mắt khổng lồ, những vành tai xoắn vẹo, những con giun oằn oèo, những con quỉ hung dữ, con mèo con chó gầm gừ v.v... Tuy nhiên những cảnh tượng quái gở không làm ai sợ hãi; trái lại,người xem có cảm tưởng đứng trước những họa phẩm vui tươi, lành mạnh, trong sáng, thường khi nghịch ngợm. Chỉ gần đây, người ta mới để ý thấy nhiều bức tranh Miro có lẩn chút gì bi đát, bất an.

Trong tranh Miro tất cả đàn bà đều xấu xí kỳ quặc, có người hỏi ông cụ trẻ tại sao vậy ? Cụ cười. Cụ bà Miro (đã sống với ông 48 năm) bèn xen vào, nhận xét rằng trong những bức tranh tự họa, cụ ông lại tự vẽ mình khá bảnh trai ! Ông cụ càng cười.

Miro vốn người Tây ban Nha, nhưng nổi danh ở Pháp (Paris) và được phát huy mạnh ở Mỹ: Viện bảo tàng Mỹ thuật Hiện Đại Nữu Ước là nơi đầu tiên đề cao tranh Miro. Ông cụ từ trước tới nay đã viếng thăm Mỹ quốc ba lần (1947, 1959 và 1961) Ông cụ trẻ dự định nội trong vòng năm nay sẽ sang Hoa Kỳ một lần nữa.

Nước Tây ban Nha, dưới chế độ độc tài Franco, rất kỵ Miro. Nhưng từ khi Franco qua đời, chính quyền dân chủ và nhà họa sĩ lừng danh bắt đầu tử tế với nhau.

● THƯ TRUNG

khinh bỉ

ALBERTO MORAVIA

Trong hai năm đầu sau khi cưới nhau, mối tình giữa hai vợ chồng tôi có thể nói là hoàn toàn đẹp đẽ. Thường thường khi sung sướng người ta không hay để ý đến hạnh phúc của mình, cho nên giá hồi ấy có ai bảo vợ chồng tôi sống hạnh phúc có lẽ tôi còn phản đối nữa là khác: sự thực bây bây giờ chúng tôi khá thiếu thốn, bần chật. Hạnh phúc mà thế à ?

Sau hai năm ấy, hoàn cảnh bắt đầu khấm khá nhờ tôi gặp Batlista, một nhà sản xuất phim . Trước tôi phê bình phim trên một tờ báo nhỏ, kiếm chác chẳng được mấy, Battista đem đến cho tôi cái cơ hội viết truyện phim. Nhưng cũng chính vào độ này, giữa vợ chồng tôi xảy ra sự trục trặc. Trục trặc ra sao ? Nguyên do vì đâu ? Cho đến bây giờ tôi vẫn chỉ có một ý niệm rất mơ hồ, vì vậy tôi chỉ biết kể một sự kiện mà tôi đoán là đã đánh dấu bước đầu tai hại. Sự kiện ấy thoạt tiên tôi xem như vô nghĩa, chàng đang chú ý.

Chiều hôm ấy chúng tôi và Basttista ăn cơm tiệm, xong ông ta muốn mời vợ chồng tôi đến nhà nói chuyện. Ông ta có chiếc xe màu đỏ thật sang nhưng hẹp, chỉ có hai chỗ ngồi. Ông ta mở cửa , mời Emilie. Nàng quay nhìn tôi và thoái thác ngay, bảo:

– Xin mời ông đi trước. Chúng tôi sẽ gọi tắc xi...

Battista lố đầu ra nói đùa:

Alberto Moravia chắc chắn là nhà văn danh tiếng nhất của nước Ý hiện nay. Mỗi thiên truyện của ông là một phát giác cực kỳ độc đáo, sâu xa về một khía cạnh của tâm hồn con người.

– Tử tế nhé. Anh chị bỏ dăng này bỏ vỏ nhé !

Tôi liền nói với Emilie:

– Thôi, em đi với ông ấy. Anh đi tắc xi được rồi.

Về mặt nàng lo lắng miễn cưỡng rõ rệt.

Dọc đường, chiếc tắc xi của tôi lại quẹt phải một chiếc xe khác tài xế hai bên đôi co, lăm tôi đến nhà Battista khá trễ. Emilie suốt hai giờ tỏ ra e ngại, không có chút hào hứng nào để tham dự vào câu chuyện của Battista và tôi. Lúc ra về tôi mừng rỡ bảo:

– May quá, nếu không về được cơ hội này tụi mình nó đẩy đầu.

Nàng hỏi:

– Một cái truyện phim họ trả bao nhiêu anh ?

Tôi trả lời xong, quờ nắm tay nàng xiết chặt. Nàng không có phản ứng gì, và cũng không nói một lời nào cho đến khi về tới nhà.

Từ đó mỗi lần Battista mời chúng tôi, nàng đều thoái thác. Tôi không thấy có lý do chính đáng để từ chối nên ép nàng đi. Nàng miễn cưỡng theo tôi. Giữa chúng tôi mọi việc tưởng như vẫn không có gì thay đổi nhưng dần dần tôi cảm thấy nàng hững hờ hơn trước. Trước kia chúng tôi khắng khít lắm, mỗi lần tôi có việc ra khỏi nhà, nàng buồn bã, khắc khoải; sau này tôi kín đáo nhận thấy hình như nàng thản nhiên. Vì vậy mà tôi cũng cố ý đi vắng, kéo dài thì giờ lăm việc ở bên ngoài, như để dò dẫm thử thách nàng.

oOo

Trước khi gặp Battista tôi lâm cảnh quẫn bách không biết thoát ra cách nào. Emilie là một người đàn bà có cái bản năng nội trợ hết sức mạnh mẽ: nàng tha thiết muốn có ngôi nhà của mình để chăm sóc, sắp đặt. Nhưng tôi thì quá nghèo. Lần đầu tiên tôi trông thấy Emilie khóc là khi tôi thú thực với nàng sau lễ đính hôn rằng tôi không có được ngôi nhà mua, mà một ngôi nhà thuê cũng không ! Lấy nhau xong chúng tôi ở trọ một căn phòng xoàng.

Trước sự tha thiết của vợ, sau hai năm tôi đành liều tìm mua một căn nhà trả góp, mặc dù lúc bấy giờ tôi cũng chưa biết sẽ lấy đâu ra tiền để trả. Còn nhớ cái hôm tôi đưa nàng đến xem căn nhà sắp mua, nàng nhủ rục sáng lên. Lúc hai đứa đến bên cạnh một cửa sổ, tôi định mở cánh cửa thì đột nhiên nàng vòng tay ôm tôi, siết chặt, bảo:

– Hôn em đi.

Tôi hôn. Nhưng nàng càng đính chặt cứng lấy tôi. Rồi nàng cởi bật nút áo, và vén váy lên:

– Yêu em !

Nàng kéo tôi ngã xuống nền nhà bụi bặm: chúng tôi hỗn hển yêu nhau. "Một căn nhà của riêng mình " Cái ấy đã kích thích sâu xa mạnh mẽ vào bản năng nội trợ của phụ nữ. Và hôm đó không phải nàng hiến

thân cho chồng, mà là cho kẻ đã ban phát ân huệ lớn lao cho nàng.

Sau vụ mua nhà nàng hờn hở sắm đồ, như không hề biết rằng tôi túng bấn, nợ nần. Dần dần, tôi đâm ra ai oán: Tôi thấy nàng ích kỷ, không nghĩ đến cái khổ tâm của chồng; tôi lại cho rằng xã hội bất công. Rồi tôi gia nhập Đảng cộng sản.

May sao, tôi gặp Battista. Tôi định bụng sẽ viết chừng bốn năm cái truyện phim, trả cho dứt món tiền mua nhà; xong rồi tôi trở lại nghề làm làm báo và nghệ thuật sân khấu là những cái sở trường của mình. Không ngờ chưa gì đã xảy ra chuyện rắc rối !

Gặp Battista thứ hai tuần trước thì đầu tuần sau chúng tôi dọn đến căn nhà mới. Ngay đêm hôm ấy, lúc tôi đang cởi cà vạt trước gương thì Emilie xách gối đi ra về phía phòng khách. Tôi ngạc nhiên:

– Em đi đâu vậy ?

– Anh quen ngủ để trống cửa sổ. Như thế tiếng gà gáy làm em thức giấc quá sớm , cả ngày mệt quá. Có lẽ em nên ngủ ngoài này thì hơn.

Tôi sững sờ: Vợ tôi đòi ngủ riêng ! Tôi đến bên cạnh, cố tìm hiểu lý do thực sự của thái độ ấy. Tôi bằng lòng đóng cửa sổ, nhưng nàng vẫn một mực cứng đầu, viện lẽ không muốn tôi "hi sinh ".

Lúc ấy Emilie mặc chiếc áo ngủ mỏng manh, từng đường nét của người nàng hiện rõ dưới mắt tôi. Từ trước đến nay tôi vẫn xem nhu sự gần gũi thân xác giữa chúng tôi là điều tự nhiên , không thể khác. Thoắt cái, tự dưng cái thân xác đẹp đẽ của người vợ trẻ trước mắt tôi trở thành cách biệt , xa lạ, không còn với tới được. Tôi lặng người, cay đắng.

Một lúc sau, tôi đến bên nàng , cố dỗ dành:

– Em , có gì thay đổi tại sao em không chịu nói thật với anh ?

Nang tỉnh bơ:

– Thay đổi gì đâu ? Anh nói em không hiểu.

– Nếu không thay đổi thì em hãy chứng tỏ anh coi.

Nói xong, tôi ôm hôn. Nàng hất đầu tránh né: tôi ôm siết nàng vùng vằng kêu đau. Và lúc thấy tôi muốn yêu nhau, nàng lạnh lùng cởi đồ nằm tênh hênh trên giường, dửng dưng.

Bỗng nhiên tôi nhìn cái thân xác ấy, thấy nó xa xôi mơ hồ, như không còn phải của vợ mình. Tôi lặng lẽ bổ ra phòng khách, ngủ trên đi văng, bảo nàng cứ tiếp tục ngủ trên giường.

oOo

Công việc của người viết truyện phim là một công việc bạc bẽo: ra sức tìm tòi suy nghĩ để rồi không được ai biết đến. Công chúng chỉ biết có nhà sản xuất, các tài tử và nhà đạo diễn mà thôi, còn người viết truyện hoàn toàn vô danh.

Trước kia tôi bỏ viết báo viết kịch để xông vào truyện phim chỉ vì

cột có cái nhà cho Emilie. Bây giờ nàng không còn yêu tôi nữa, sự hi sinh của tôi thành vô nghĩa, công việc hằng ngày hóa ra nhạt nhẽo, cực hình. Hai tháng sau khi ký giao kèo với Battista tôi đứng trước một tình trạng khổ sở như thế. Emilie không yêu tôi, tôi không yêu công việc; nhưng cuộc sống gia đình cứ kéo dài, công việc cứ tiếp tục. Tôi như một con bệnh trốn thuốc, cứ lẩy lất bỏ qua; được ngày nào hay ngày ấy.

Con người ta thường chủ quan, cố tìm cho mình một hy vọng bất cứ trong hoàn cảnh nào. Thái độ của Emilie trong đêm đầu tiên làm tôi lặng người, nhưng sau đó tôi cũng tìm cách "cắt nghĩa" một cách êm ái, để chịu đựng.

Ngày cuốn phim xong xuôi, người đạo diễn – Pasetti – mời tôi uống ly rượu mừng. Pasetti cỡ tuổi tôi, người rất tầm thường, xoàng xĩnh. Trong lúc tôi đang ngồi ở nhà Pasetti thì Emilie gọi điện thoại tìm tôi. Nàng báo tin về ăn trưa đằng nhà mẹ nàng và bảo tôi chịu khó ăn tiệm một bữa.

Pasetti nghe loáng thoáng, có hảo ý mời tôi dùng bữa trưa với anh ta cho vui. Trong bữa ăn, tôi có dịp chứng kiến tình yêu của chị vợ anh ta đối với chồng: mỗi ánh mắt, mỗi lời nói của chị hướng về anh ta đều chan chứa tình cảm, chăm chút và khâm phục.

Tôi thấy như có một mũi dao đâm vào tim mình: người như Pasetti mà vợ vẫn phục thì có lẽ trên đời này thằng đàn ông nào cũng có thể tìm gặp được một con đàn bà tôn thờ mình, trừ phi... tôi ! Cái gì đã khiến cho Emilie hết yêu tôi ? Tôi phải tìm hiểu cho đến nơi đến chốn mới được .

Tôi uống rượu tí ti, và xong bữa tôi cáo từ ngay như đi trốn.

oOo

Rồi nhà Pasetti ra đường, bước chân vô ý thức lại đưa tôi về hướng nhà mình. Đến chân cầu thang, tôi sực nhớ: Trưa nay tôi có hứa với Battista cho điện thoại tại nhà: ông ta sẽ gọi đến cho biết quyết định về một cái giao kèo mới.

Vấn đề hơi khó xử: tôi chỉ đeo đuổi công việc là vì Emilie. Nếu nàng không yêu tôi nữa thì tôi ký giao kèo mới, viết phim mới làm gì cho khổ thân. Trong trường hợp này có lẽ tôi nên bỏ việc, trả lại nhà, chia tay với Emilie , mỗi đằng lo tìm cuộc sống riêng cho dứt khoát.

Vậy trước hết phải gặp Emilie, hỏi lại cho sáng tỏ: nếu nàng còn yêu tôi, tôi nhận lời Battista ; nếu nàng hết yêu, tôi từ chối ông ta. Nhưng Emilie vắng nhà, mà Battista sắp gọi đến , biết sao bây giờ ?

Sau cùng tôi nghĩ, đã hẹn thì phải chờ Battista, chấp nhận hay không chấp nhận, việc ấy sẽ tính sau.

Tôi lên thang máy, mở cửa vào nhà thì... ở kìa, Emilie đang nằm xem

báo trên đi-văng, chén dĩa còn ngổn ngang trên bàn ăn. Nàng vẫn tỉnh như không có việc gì xảy ra. Tôi hỏi:

— Em bảo hôm nay ăn trưa đằng nhà má ?

— Má vừa điện thoại bảo trưa nay không tiện.

Nàng tiếp tục coi báo. Không khí căng thẳng. Một lúc sau, tôi mạnh bạo vào thẳng vấn đề:

— Anh có việc cần nói với em . Battista sắp mời anh ký giao kèo mới có lẽ anh sẽ từ chối.

Nàng vẫn không rời tờ báo, hỏi hờ hững :

— Thế à ? Sao vậy ?

— Em đã biết anh không thích công việc này . Anh làm chỉ vì em. Nay em hết yêu anh thì anh tiếp tục làm gì ?

Nàng hạ thấp tờ báo xuống:

— Tại sao anh nghĩ em hết yêu ?

— Cách em ăn nói với anh, nhìn anh, mọi việc chứng tỏ rõ ràng .

– Thì lúc nào anh muốn ngủ với em, em có từ chối đâu ?

Trước kia Emilie nói năng tế nhị, kín đáo. Gần đây nàng bỗng trở nên trắng trợn, không còn giữ được chút ngượng ngùng nào của phụ nữ, nàng sử dụng cái ngôn ngữ trắng trợn gần như của bọn điếm. Tôi bảo:

– Em không từ chối. Nhưng cái cách ... của em nó không còn như xưa

– Cái cách thế nào nhỉ ?

Tôi biết đã đến nước này thì biện luận vô ích, chỉ đưa tới cãi vã lôi thôi. Tôi đáp gọn:

– Tóm tắt, anh chỉ biết anh tin chắc là em không còn yêu anh nữa. Thế thôi.

Nàng ngước mắt nhìn tôi, phân vân một lát. Rồi bỗng nàng chồm lên, vòng tay ôm lấy cổ tôi, vít đầu xuống áp vào ngực nàng bảo:

– Richard ! Tại sao anh nói thế ? Em vẫn yêu anh như trước mà .

Kể ra tôi đã hiểu biết vợ tôi khá sâu để nhận thấy cử chỉ của nàng vừa rồi chỉ cốt ngăn cản không cho tôi nhìn thấy nét mặt của nàng, quan sát nàng mà thôi. Dù biết nàng không thực tình yêu dưởng, nhưng một khi áp mặt vào cái ngực mềm mại và nóng hổi ấy tôi cũng không còn cứng rắn được nữa.

Nàng tiếp tục vỗ về, và rốt cuộc khi Battista gọi đến tôi lại nhận lời ký một giao kèo mới.

oOo

Ngày hôm sau, trong lúc chờ đợi trước văn phòng hãng " Triomphe Films " của Battista, tôi lại để trí lan man nghĩ ngợi, trở về câu chuyện Emilie. Nàng hết yêu tôi, điều ấy không còn gì để ngờ vực nữa. Bây giờ vấn đề là tìm hiểu lý do: Tại sao ? Tại tôi đã lầm điều gì sai quấy ? Hay tại nàng, nàng có mới tình nào khác ?

Không, đó là điều không thể xảy ra được. Tôi hiểu rõ Emilie. Nàng hoàn toàn chỉ biết có tôi, chỉ biết loanh quanh vui thú với tôi: bạn bè không có, thân thích cũng chẳng gần ai. Lúc tôi đi làm, nàng nằm nhà coi sách coi báo, nói chuyện điện thoại với mẹ nàng trong khi chờ tôi về. Coi phim coi hát, mỗi thú giải trí bên ngoài nàng đều đi chung với tôi. Mặc dù ngày nay hai đứa đã trục trặc, Emilie vẫn thế, vẫn bám lấy tôi theo thói quen. Không thể ngờ vực nàng ngoại tình...

Tôi đang nghĩ ngợi vẩn vơ thì một cô thư ký đến mời tôi vào gặp Battista.

Tôi bước vào. Trong văn phòng đã có một người đàn ông khác ngồi nói chuyện với Battista: đó là Rheingold , một nhà đạo diễn.

Battista là một con người vạm vỡ, lòng lá, nhưng tôi đã để ý thấy ông ta không hề thô bạo. Trái lại ông ta có một nét tinh quai đáo để trong lời nói. Ít khi ông ta đi thẳng trực tiếp vào vấn đề . Bắt đầu Battista hỏi tôi

có biết Capri không ? Rồi ông ta tán tụng cảnh đẹp ở Capri, rồi khoe ông ta có một biệt thự ở đó mà lâu lâu mới có dịp ghé về, thật phí của. Ông ta bảo con người không phải sinh ra để làm việc bán giấy mà cần sống giữa thiên nhiên, giữa trời bể mênh mông cho khoái. Thế rồi, ông ta đề nghị cuốn phim sắp tới sẽ quay tại Capri. Cả bọn kéo đi Capri sống một thời gian cho vui, tại biệt thự ông ta.

Một ý kiến chợt lóe lên trong trí tôi: Đưa Emilie đi Capri, đổi khung cảnh sinh sống, may ra đó là cơ hội tốt để thay đổi tình trạng giữa vợ chồng tôi, hay ít ra để tôi có thể hiểu nàng hơn ? Tôi nhận lời.

Kế đó Battista ba hoa một hồi về cuốn Odyssee của Homere. Ông ta muốn tôi dựa theo đó phác ra một truyện phim. Rheingold cũng tiếp lời, tán thành. Tôi theo dõi họ bằng lỗ tai lơ đãng vì một câu nói của Rheingold bỗng nhiên làm tôi nhớ đến một câu chuyện cũ.

Hồi ấy chúng tôi còn ở căn nhà trọ cũ. Tôi có cô thư ký đánh máy do hãng phim thuê để giúp việc. Cô bé quái quỉ này lại mê tôi. Thỉnh thoảng cô ta cố tình đánh sai một chữ; tôi cúi xuống chỉ cho thì cô bé cứ nhìn chòng chọc vào mắt tôi. Thấy tôi lúng túng, phản ứng có vẻ "yếu" cô ta vít đầu tôi xuống, hôn một cái. Đến lần thứ hai, cô ta vừa kéo cổ tôi xuống thì Emilie vừa mở cửa bước vào phòng.

Sau đó, tôi đuổi cô thư ký, và Emilie tha thứ tôi. Tuy nhiên, tôi ngờ rằng câu chuyện vẫn còn ám ảnh nàng, mỗi lúc mỗi thâm sâu. Có lẽ đó là lý do khiến nàng hết yêu toi chăng ?

Mãi đến lúc bước ra khỏi văn phòng Battista tôi hãy còn thẩn thờ cả người.

oOo

Tôi nóng lòng về đến nhà để nói với Emilie về câu chuyện cô thư ký đánh máy và về cuộc đi Capri. Nhưng tôi cụt hứng: Lúc tôi bước vào, nhà trống trơn, vắng vẻ; không biết Emilie bỏ đi đâu.

Ngồi chờ đợi một lát, tôi bồn chồn quá, lấy giấy và bàn máy ra làm việc. Nhưng loay hoay trước cái máy đánh chữ hồi lâu, tôi lại suy nghĩ và thấy rõ câu chuyện cô thư ký không phải là lý do khiến nàng xa tôi: thái độ lạnh nhạt của nàng rõ ràng không phải là một hình thức của ghen tương.

Đúng lúc ấy, Emilie về nhà. Tôi túm lấy, hỏi ngay:

— Em. Em phải nói thật với anh. Anh không cách nào chịu nổi: Tại sao em hết yêu anh ?

— Ai bảo em hết yêu ?

— Em đừng nói dối, vô ích. Anh biết rõ: em không còn yêu anh nữa. Điều anh cần lúc này là cái lý do. Thế thôi.

Lần đầu tiên từ lúc tôi tra vấn, nàng tỏ vẻ thành thực. Nàng nhìn ra ngoài cửa sổ, giọng nói mệt mỏi, buồn bã:

— Không biết tại sao anh cứ tìm hiểu hoài. Bỏ qua đi, như thế hay

hơn. Để em yên...

Trong giọng nói của nàng như có tiếng nấc. Nói xong nàng bước đi. Tôi chộp lấy cổ tay nàng, níu giữ lại. Trước kia tôi vẫn thường làm như thế: Tôi ngồi trên đi văng, nàng đi ngang qua, tôi nắm tay kéo lại, rồi vòng tay ôm lấy hai chân, úp mặt vào lòng nàng, rồi kéo nàng xuống, rồi bền dũng dẳng, bền vuốt ve, rốt cuộc chúng tôi yêu nhau trên đi văng...

Nhưng bây giờ thì không còn thế nữa. Tôi nắm tay nàng nài nỉ:

— Anh muốn rõ sự thực, anh van em.

— Như thế chỉ làm cho rắc rối, tệ hại thêm.

— Mặc kệ, anh cần biết sự thực, dù là sự thực đau lòng.

Bỗng nhiên, tôi không giữ được bình tĩnh, tôi bóp mạnh cổ tay nàng hét lên:

— Em phải nói ngay tại đây. Không nói, không đi đâu được cả.

Nàng nhìn tôi, bảo:

— Em không muốn gì hơn là cứ tiếp tục sống như từ cũ. Nhưng anh đã ép buộc thì em nói: Em không yêu anh nữa. Đúng thế.

Tôi đã biết thế từ trước, tuy vậy khi điều ấy được thốt ra từ miệng nàng tôi cũng tê điếng cả người. Tôi không biết lúc bây giờ mình đã phản phản ứng ra sao. Mãi một lúc sau, tôi mới định thần, cố gắng dịu dàng:

— Emilie ! Em ngồi xuống đây nói cho anh nghe : Thế đầu đuôi tại sao lại đến nỗi thế ?

Nàng ngoan ngoãn ngồi xuống nói:

— Em không biết . Em không yêu anh nữa, thế thôi.

— Nhưng tại sao ? Trước kia em yêu anh phải không ?

— Yêu vô cùng. Nhưng bây giờ hết rồi.

— Tại sao vậy ?

— Không biết. Chỉ biết em không yêu nữa.

— Trời, em đừng lặp lại câu đó nữa.

— Thì anh cứ bắt em lặp.

— Anh bao em lặp hồi nào ? Anh chỉ muốn em nói cái lý do...

— Anh thật là kỳ cục. Khởi chuyện đó ra ích lợi gì đâu.

— Ích hay không ích, anh cần biết. Nếu em không nói anh phải tưởng tượng ra những chuyện rất... ghê gớm, tội lỗi.

Nàng nhìn tôi chăm chú, rồi bảo:

— Anh có gì để băn khoăn đâu? Anh không làm điều gì bậy thì lương tâm vẫn yên.

— Dĩ nhiên. Nhưng lương tâm yên ổn chưa đủ.

— Em cho thế là đủ rồi.

Nàng đứng lên, tính bước đi. Thình lình tôi nổi giận, không ghìm giữ được nữa, tôi chồm lên, quát:

— Cô không thể coi thường tôi. Cô phải nói cho ra lẽ.

Tôi chộp lấy nàng, đè xuống, siết cổ. Có lẽ lúc ấy tôi có thể siết cổ

nàng đến chết. Bất thần, nàng co đầu gối, tống vào bụng tôi. Tôi buông tay. Nàng vùng dậy hét to:

— Tôi khinh bỉ anh. Tôi ghê tởm anh. Anh muốn biết lý do thì cho anh biết. Lý do tôi hết yêu anh là vậy đó.

oOo

Sau cơn điên tôi lại hy vọng cứu vãn.

Bữa ăn chiều dọn lên, tôi gạt đi, nghĩ rằng hai đứa không thể nào lại ngồi vào bàn nuốt trôi bữa ăn ngay trong căn phòng vừa xảy ra cuộc xô xác như thế. Tôi bảo nàng thay đồ đi ăn tiệm. Nàng ngạc nhiên, nhưng vẫn làm theo. Tôi lái xe đi Voie Appienne , vào cái tiệm mà ngày trước, lúc mới yêu nhau chúng tôi vẫn quen đưa nhau đến ăn uống.

Tôi gọi món ăn, gọi rượu, tỏ vẻ săn đón, nàng vẫn lặng lẽ, hững hờ. Cuối bữa, tôi hỏi:

— Em không nói gì cả ?

— Em không thấy có gì để nói.

Tôi nghiêm giọng:

— Điều em vừa nói với anh ban chiều có chỗ cần bàn lại cho rõ.

Nàng bảo:

— Bỏ qua đi anh. Cứ xem như em không nói.

Tôi trân tráo hy vọng:

— Chắc lúc đó em giận quá nên nói vậy chứ sự thực không phải vậy chứ gì ?

Nàng không trả lời. Tôi thúc giục:

— Phải thế không em ?

— Không. Em nói thực.

Tôi lặng người. Một lúc, tôi lại mon men hỏi:

— Nhưng em phải bảo anh biết tại sao em khinh bỉ anh mới được chứ.

— Không bao giờ. Cái đó có chết em cũng không nói ra.

Tôi điên tiết, túm lấy cổ tay nàng vặn mạnh. Nàng giằng tay ra, đứng lên đi ra chỗ đậu xe. Lúc tôi trả tiền bữa ăn xong, ra đến nơi thì thấy trời mưa lất phất mà nàng không có chìa khóa, không vào được trong xe. Tôi xin lỗi, nàng thản nhiên bảo: "Không có gì quan trọng. Mưa nhẹ "

Lúc hai đứa ngồi vào trong xe, bên cạnh nhau, tự dưng tôi lại tưởng tượng mọi sự chẳng qua chỉ là một giấc mơ dữ, có thể đánh tan được. Tôi lái xe chạy dọc theo con đường Voie Appienne . Trời mưa mỗi lúc một nặnng, mưa mù mịt bốn bề.

Đến một quãng đường vắng, tôi dừng xe lại. Chỉ có hai chúng tôi. Tôi ngà ngà say. Tự dưng tôi quàng tay qua vai nàng nói:

— Hãy quên tất cả. Tưởng tượng như chúng ta là hai cô cậu sinh viên đi tìm một nơi khuất tịch để tình tự. Anh là Mario , em là Maria...

Tôi siết chặt vòng tay. Ban đầu nàng không nói gì, chỉ lặng lẽ tìm cách gỡ khỏi tay tôi, nhưng về sau nhận thấy tôi nâng cằm nàng lên muốn đặt một chiếc hôn, nàng xô mạnh:

– Anh điên đó hả ?

– Anh không điên, không say. Anh chỉ muốn hôn em. Anh yêu em.

– Nhưng em không yêu anh.

Tôi tưng hửng. Nhưng đã trót rồi không thể dừng lại được nữa, tôi chồm tới định cưỡng bách. Thình lình, nàng mở bật cửa xe, nhảy vọt ra ngoài.

Tôi sững sờ một lúc. Rồi tôi mở cửa bước ra theo.

Mưa đổ như trút. Chân tôi giẫm phải một vũng nước ngập đến mắt cá. Trời tối mịt chẳng trông thấy đâu là đâu. Tôi kêu to:

– Emilie ! Yên chí, anh không dụng tới em nữa đâu.

Từ một nơi nào đó trong bóng đêm có tiếng trả lời:

– Anh còn làm thế, em đi bộ về.

– Lại đây, nhanh lên. Anh hứa rồi mà.

Nàng trở lại xe, nước mưa chảy ròng ròng khắp người. Ngồi vào xe nàng hắt hơi liền mấy cái. Nàng bị cảm.

Tôi lái xe như chạy trong mơ. Một giấc mơ trong đó tôi là Richard, vợ tôi là Emilie, và tôi yêu nàng và nàng thì không còn yêu tôi!

oOo

Sáng hôm sau, lúc tôi chợt thức giấc thì thấy Emilie đã ngồi ở mép đi văng, bên cạnh chỗ tôi nằm. Đêm qua nàng ngủ ở giường trong phòng, tôi nằm ngoài. Bỗng dưng thấy nàng bên mình, một niềm hy vọng lại lóe lên. Tôi hỏi:

– Emilie ! Em vẫn yêu anh chứ ?

Nàng chờ một lúc mới nói:

– Em muốn nói với anh một chuyện...

Tôi giật mình lo lắng:

– Chuyện gì thế ? Còn chuyện gì nữa ? Em hết yêu anh, em khinh bỉ anh, còn gì nữa ?

– Hôm nay em trở về ở với mẹ em. Em muốn nói cho anh biết trước khi điện thoại cho mẹ.

Chuyện như thế thật ra rất hợp lý, rất có thể xảy ra sau những điều xảy ra mấy hôm trước, thế mà tôi không hề nghĩ đến, không hề ngờ tới. Lúc nàng nói ra, tôi bấn lên. Tôi choàng dậy, xông lại cửa sổ, định mở toang ra, rồi tôi đi ngang đi dọc trong phòng như cuồng cuồng. Tôi nói huyên thiên từ chuyện nọ sang chuyện kia, nói những gì bây giờ không còn nhớ, chỉ biết đại khái là cốt bảo với nàng rằng tôi không thể nào chịu đựng nổi cái ý tưởng sống xa nàng, không thể nào sống mà không có

nàng.

Emilie vẫn ngồi ở đi-văng, bình thản như không. Nàng nói:

– Richard , anh nghĩ lại xem: còn có cách nào khác ?

– Anh không muốn. Anh không muốn thế.

– Biết làm cách nào khác được.

Nàng bước vào phòng trong. Còn lại một mình tôi giữa phòng khách, tự nhiên nước mắt trào ra chan hòa.

Lát sau, tôi vào buồng ngủ. Emilie đang nói điện thoại, tôi biết nàng đang nói với mẹ. Tôi đến ngồi bên cạnh , tiếp tục khóc. Tôi nghe mẹ con nàng giằng co về một vấn đề gì đó.

Khi nàng nói xong, đặt ống điện thoại xuống, quay lại phía tôi, bất giác tôi nắm lấy bàn tay nàng:

– Đừng bỏ anh. Anh van em.

Nói xong, tôi lấy làm xấu hổ về sự yếu đuối của mình, đứng lên, bỏ ra phòng ngoài. Một lát, Emilie cũng theo ra, nàng nói:

– Em không đi đâu.... Má em không cho em về. Má đã cho người ta thuê ba căn phòng, nhà chật người rồi, không còn chỗ cho em.

Vả lại, má muốn em suy nghĩ lại vấn đề. Em đành phải ở lại đây với anh.

Đến lượt nàng, nàng che mặt khóc. Tôi xích lại, ôm nàng, hai đứa cùng khóc. Rồi tôi nói dịu dàng:

– Thôi hãy gác chuyện ấy sang một bên. Anh có cái tin này để báo em biết. Anh đã nhận lời viết truyện phim L'Odyssee và Battista muốn quay ở Capri. Chúng ta xuống đó, cả ngày anh đi ra ngoài làm việc với đạo diễn, không quấy rầy em đâu. Em tha hồ tự do. Đi tắm đi bỏi, dạo xem phong cảnh v.v... Em vui chơi và suy nghĩ lại một thời gian. Có lẽ má em quyết định thế mà hay. Vài ba tháng sau, chúng ta sẽ trở lại vấn đề.

Nàng có vẻ chú ý nghe, nàng hỏi:

– Xuống Capri chúng ta ở khách sạn hả ?

– Không. Ở khách sạn chán lắm. Battista có cái biệt thự dưới ấy. Ông ta cho mình sử dụng suốt thời gian làm phim.

Tôi vừa nói xong, đột nhiên Emilie lách ra khỏi vòng tay tôi, ngồi xích ra xa:

– Anh nhận lời rồi hả ?

– Anh nghĩ là em thích thế.

– Vậy anh nhận rồi đó hả ? Còn ông đạo diễn ở đâu ?

– Ở khách sạn.

– Còn ông Battista ?

– Thỉnh thoảng ông ta mới ghé về một đôi ngày thôi.

Nàng nín bặt, rút khăn ra hỉ mũi. Chiếc váy bị vén cao, hé lộ một khúng đùi trắng nõn. Tôi vừa nôn nao vừa cay đắng, vì biết mình không còn có thể gần gũi tấm thân ấy được nữa.

Mãi thật lâu nàng mới nói:

– Được, em đi Capri, nhưng với một điều kiện...

Tự dưng tôi nổi dóa hét lên:

– Không điều kiện gì cả. Đi là đi, thế thôi...

Giọng tôi lúc ấy có lẽ dữ dằn lắm. Nàng đứng lên, rút lui vội vàng.

oOo

Hôm lên đường đi Capri, Battista tỏ ý muốn tự mình đưa chúng tôi ra tới tận ngoài đảo.

Lúc ra đường, đứng trước hai chiếc xe của tôi và của ông ta, Battista nói to:

– Nào, xếp đặt ra sao đây ? Tôi đề nghị bà Molteni (tuc Emilie) cũng đi với tôi. Còn ông Molteni với ông Rheingold , hai ông đi cùng xe với nhau để tha hồ thảo luận về cuốn phim. Hôm nay chúng ta bắt đầu làm việc mà !

Bất chột tôi nhìn Emilie, và lại bắt gặp một nét mặt hoảng hốt bất bình. Nhưng tôi không thấy có gì quan trọng, vả lại ý kiến của Battista có vẻ hợp lý. Emilie bảo:

– Xe ông chạy nhanh, tôi sợ lắm.

Nhưng Battista đã nắm lấy cánh tay nàng:

– Kìa ! Bà sợ gì. Tôi cũng giữ mạng tôi kỹ lắm chứ.

Trong khi bị lôi đi, Emilie quay lại nhìn tôi hoang mang, như cầu cứu. Tôi nghĩ rồi nàng sẽ hết lo ngay, vì tôi biết Battista lái vững lắm. Trước khi lên xe, nàng vẫn còn cố tránh né:

– Tôi muốn đi cùng xe với nhà tôi.

Battista dữa:

– Thì ông nhà ngày nào bà chả gần ? Kìa, tôi sắp giận bây giờ.

Và ông ta mở cửa xe, đẩy nàng lên. Họ vọt đi.

Trên xe của tôi, Rheingold ngồi tán về cuốn Odyssee. Anh chàng là người Đức có khiếu đi sâu vào các vấn đề triết lý. Cốt truyện Odyssee của Homere như thế mà anh ta có thể suy diễn một cách thật tài tình theo quan điểm phân tâm của Freud.

Trong tác phẩm của Homere sau trận chiến tranh thành Troie , thì Ulysse còn mãi đeo đuổi cuộc phiêu lưu suốt mười năm trời chưa về tới nhà, làm cho người vợ là nàng Penelope mỏi mòn chờ đợi. Rheingold có giải thích với tôi rằng câu truyện Odyssee chẳng qua chỉ là một thảm cảnh tâm lý trong đời sống vợ chồng của Ulysse. Trong tiềm thức Ulysse cố tìm cách xa lánh vợ: cuộc chiến tranh thành Troie chỉ là một lý do, rồi chiến tranh kết thúc, những cuộc phiêu lưu định mệnh sau đó cũng chỉ là những lý do để Ulysse trì hoãn ngày về. Bề ngoài người anh hùng ấy tha thiết về mái ấm, quê hương... nhưng trong chỗ vô thức, ông sợ hãi

cuộc trở về. Một thất bại trong hạnh phúc gia đình...

Tôi chịu Rheingold lý luận khá, nhưng không chấp nhận lối suy diễn có tính cách ngụy biện một tác phẩm cổ điển như thế. Cuộc thảo luận trên xe kéo dài cả tiếng đồng hồ, chúng tôi đã ra đến bờ biển. Phong cảnh thật đẹp đẽ, thơ mộng. Tôi dừng xe , rủ Rheingold bước xuống, đi dạo một lát cho đỡ tù túng.

Xe của Battista khỏe hơn xe tôi nhiều, tôi nghĩ là ông ta đã bỏ chúng tôi xa. Không ngờ chúng tôi dạo chơi mãi một lát mới thấy ông ta bắt kịp. Battista bảo ông ta bị chận lại ở hai cổng xe lửa lâm mất thì giờ, và muốn đi vòng để giới thiệu cho vợ tôi xem khu đất ở ngoại ô La Mã, nơi ông ta tính xây thêm một ngôi biệt thự.

Emilie thì không nói gì. Nàng ngồi cách xa chỗ ba chúng tôi, như mãi ngắm mặt biển.

Lúc trở lại lên dường, Emilie nại cớ Battista lái nhanh, đòi đổi sang xe tôi, nhưng ông ta lại gạt đi:

– Thưa bà, tôi sẽ lái như rùa. Tôi xin bà, bà đừng để tôi ngồi cạnh ông Rheingold : ông ấy chỉ biết nói chuyện về mỗi một đề tài là phim ảnh thôi. Tôi thì tôi ngán phim ảnh đến tận cổ...

Tôi mỉm cười tán thành. Ông Battista nắm lấy cánh tay Emilie, chỗ gần sát nách,kéo đi. Nàng quay lại nhìn tôi, nói chậm rãi:

– Anh đã muốn thế thì thế.

Rồi nàng chợt đổi giọng quả quyết:

– Nào đi.

Ngay sau đó, đứng nhìn hai người bước đi bên nhau, Emilie với thân hình tuyệt mỹ, và Battista thấp và kệch, , nhưng có một sức áp đảo đầy nam tính., tôi chợt hối hận, muốn gọi Emilie trở lại, nhưng đã muộn. Họ đã vào xe và nổ máy.

Thoáng một cái, Rheingold dường như bắt gặp một cái gì khác lạ trên nét mặt tôi. Anh ta kéo sụp chiếc mũ xuống che mắt, và dọc đường im lặng không nói gì. Còn tôi mỗi lúc tôi mỗi bực tức:"Có thể Emilie có điều muốn nói riêng với tôi, tại sao tôi từ chối ? Thật là khùng !" Tôi cáu kỉnh,thiểu não.

oOo

Đến Capri, ngay buổi chiều hôm đó, trong khi Rheingold ở đằng khách sạn và Emilie tắm rửa trong phòng riêng, thì Battista nói chuyện với tôi ở phòng khách.

Battista nói thẳng thừng: ông ta biết tôi và Rheingold không thích cái quan niệm của ông ta là muốn một cuốn phim ngoạn mục về cốt truyện Odyssée , chúng tôi cố ý chuyển ra thành một phim tâm lý. Đừng tưởng ông ta ngờ nghệch. Ông ta cảnh cáo: Phải làm đúng theo ý ông ta, vì ông

ta chi tiền. Ông ta nhắn tôi cho cả Rheingold biết nhử thế.

Nói xong, ông ta ra ngoài, đi dạo mát.

Còn lại một mình, tôi nhận thức rõ tình trạng chua chát. Những kẻ trí thức như chúng tôi chỉ là những đứa làm thuê, dưới quyền một tên thô bạo. Hắn ta vừa chứng tỏ quyền hành, và mình đành cúi đầu.

Tôi cũng bước ra vườn, quanh quẩn một lát. Bóng đêm tỏa xuống êm đềm. Tiếng sóng rì rào từ xa vọng lại. Trời không có một tí gió. Phóng tầm mắt ra xa, tôi có thể trông thấy ánh sáng trắng trắng của ngọn hải đăng ở mũi Campanella.

Trước cảnh đêm yên tĩnh, lòng tôi lắng dịu. Tôi buồn buồn nghĩ đến hoàn cảnh nan giải của vợ chồng chúng tôi. Tôi nghĩ đến những cặp Ulysse và Penelope của Homere, cặp Pétrarque và Laure cũng yêu nhau đến già, tôi lẩm nhẩm trong đầu những câu thơ đẹp đẽ của Homere và Petrarque...

Rồi tình cờ tôi quay nhìn về phía phòng khách trong nhà. Đèn đã bật sáng tự lúc nào không hay. Cả Battista và Emilie đang cùng ở đấy. Emilie mặc chiếc áo hở cổ, đứng bên quầy rượu, Battista thì đang lúi húi pha hai ly rượu. Lúc pha xong, ông ta nâng một ly trao cho vợ tôi. Nàng đưa tay ra đón, có một vẻ gì lúng túng ngượng ngập, một vẻ nửa bối rối, nửa bị cám dỗ.

Nàng bưng ly rượu tiến về phía góc phòng đối diện. Battista bước theo, bắt kịp nàng giữa phòng. Ông ta quàng tay ôm lấy người nàng và hướng mặt về phía nàng. Nàng từ chối, với một vẻ yếu ớt, bằng cách đưa cao ly rượu lên, tỏ ý sợ đổ rượu.

Battista lắc đầu cười, bất cần. Và ông ta càng ôm chặt nàng hơn, siết mạnh đến nỗi ly rượu bị chao đổ ra ngoài. Tôi nghĩ ông ta sắp hôn lên môi nàng. Nhưng không, Battista thô bạo hơn tôi tưởng. Ông ta chụp lấy áo của Emilie ở chỗ trên vai, xé toạc một cách tàn bạo, phơi trần một khoảng vai trắng toát của nàng ra, và đặt môi ông ta lên đấy.

Emilie đứng thẳng người im lặng, như chờ ông ta hôn xong. Từ ngoài vườn tôi trông thấy vẻ bối rối trên khuôn mặt nàng. Mắt nàng nhìn về phía cửa sổ, và tôi có cảm tưởng nàng bắt gặp cặp mắt tôi.

Những điều trông thấy làm tôi choáng váng. Nó đảo ngược tình thế một cách kỳ cục. Emilie hết yêu tôi, khinh bỉ tôi, mà không giải thích được lý do: trong khi ấy nàng ngoại tình, làm cái điều khiến tôi có đầy đủ lý do để khinh bỉ nàng. Tôi lảo đảo vào nhà.

Nhưng vừa bước chân lên thềm thì một ý tưởng khác lại vụt đến, làm tôi đau nhói trong tim: Từ trước tới nay Emilie vẫn luôn luôn né tránh Battista; ngay trưa nay nàng vẫn còn khẩn khoản đòi đi xe với tôi. Vậy thì cái hôn vừa rồi không thể là một chuyện ngoại tình đơn giản, là lỗi hoàn toàn ở Emilie. Tôi cần phải tìm hiểu nguyên nhân.

Lẽ ra lúc đó tôi nên đi nhanh vào phòng để chộp tội lỗi tại trận, nhưng thói quen phân tích lý luận làm tôi dềnh dàng. Lúc tôi bước vào thì Emilie đã thay xong chiếc áo rách vai.

Nàng chậm rãi ngước mắt nhìn tôi. Và đón nhận cái nhìn ấy, tôi biết chắc vừa rồi nàng đã trông thấy tôi ngoài vườn, đã biết tôi chứng kiến đầy đủ sự việc.

oOo

Trong bữa ăn tối Emilie tỏ ra rất bình tĩnh. Còn Battista thì ông ta hứng chí lên, tươi cười, hớn hở, uống rượu thật nhiều, nói huênh hoang lếu láo.

Nghe ông ta khoe khoang ba hoa xích đế, tôi thấy buồn cười. Nhưng được một lúc, tôi giật mình vì nhận ra rằng Emilie không cũng cảm tưởng tượng với tôi. Vốn học thức của nàng không có bao nhiêu, nàng là một người giản dị, đầy lương tri. Trước thái độ đầy tự tin của Battista, nàng không đủ kiến thức để thấy những sơ hở của ông ta. Từ một thái độ đố kỵ trước kia đối với Battista , bây giờ nàng đổi ra không hẳn là khâm phục, nhưng ít ra là một thái độ thiện cảm.

Ăn xong, tôi muốn rủ nàng ra vườn, nhưng nàng từ chối ngay trước mặt Battista, bảo rằng nàng mệt, cần về phòng để nghỉ.

Phòng tôi và phòng nàng có cửa thông nhau. Tôi gõ cửa, nàng bảo vào. Nàng đang ngồi trên giường có vẻ suy nghĩ. Sau vài câu trao đổi, chúng tôi đề cập đến câu chuyện viết truyện phim: tôi không thích, chỉ nhận lời vì cần tiền cho nàng, tôi có thể từ chối v...v... Nàng bảo:

– Anh bao giờ cũng nói thế nhưng không bao giờ anh từ chối được.

– Tại sao không ? Ngay bây giờ nếu em không muốn anh tiếp tục, anh vẫn bỏ công việc ngay. Đấy , em quyết định đi.

– Việc của anh, việc gì em lại quyết định ?

– Thì anh giao phó quyết định cho em mà.

– Anh thật là rắc rối, rầy rà.

Tôi nhận ra tất cả sự khinh thị trong giọng nói của nàng.

Tình thế thật lạ lùng. Cả nàng cả tôi đều tránh nói đến cái hôn của Battista, mặc dù cả hai đều chỉ nghĩ đến chuyện ấy. Tôi đau đớn, mỏi mệt đến tận cùng đáy lòng.

Sau cùng tôi tiến lên, nhẹ nhàng cầm lấy bàn tay nàng. Nàng khẽ phản đối nhưng không rút hẳn tay ra. Tôi hỏi:

– Em vẫn không đổi ý nghĩ về anh sao ?

Nàng thụt lui lại bảo:

– Anh nên đi nghỉ đi thì hơn đừng bắt em lặp đi lặp lại hoài câu ấy.

– Nghĩa là em vẫn thế ?

– Trời, anh tra vấn em hoài. Anh tưởng nói ra điều ấy em sung sướng lắm sao ? Em còn đau khổ hơn anh nhiều.

Giọng nàng như muốn vỡ ra. Tôi lại nắm chặt tay nàng:

– Anh thì lúc nào anh cũng nghĩ đến điều hay điều tốt cho em. Dù cho bất cứ chuyện gì đã xảy ra...

Nàng không đáp, nhưng quay mặt tránh đi. Rồi nàng rút bàn tay ra. Tôi trở về phòng mình, đau quặn lại khi nghe tiếng nàng khóa cửa kêu tách một cái.

oOo

Sáng hôm sau, tôi đến khách sạn tìm Rheingold. Anh ta đã ra vườn ngồi, có vẻ hể hả, khoan khoái. Thoạt đầu anh ta rủ tôi kiếm chiếc ghế chèo vòng quanh hồn đảo chơi. Nhưng rồi chúng tôi lại thỏa thuận ngồi nói chuyện tiếp về cái truyện phim.

Rheingold cười bảo:

– Hôm qua tụi mình bàn tới đâu rồi nhỉ ? À, tới chỗ lủng củng trong gia đình Ulysse. Bây giờ ta tiếp tục: vì sao sinh lủng củng ?

Theo tôi lý do là thế này. Người vợ, Pénélope, là một phụ nữ tiêu biểu cho giới quí tộc phong kiến của nền văn hóa cổ Hy Lạp. Nàng nghiêm chỉnh, đức hạnh, cao ngạo, ngoan đạo, tóm lại là một người vợ hiền, một người nội trợ tốt. Còn người chồng, Ulysse , trái lại đại diện cho một bộ mặt khác của xã hội Hy Lạp, văn minh hơn, trí thức hơn: Ulysse có đầu óc triết nhân, không thành kiến , không tín ngưỡng, đầu óc tế nhị, có khiếu luận lý, thông minh v.v...

Lúc ấy xung quanh Pénélope có một đám những chàng trai ngưỡng mộ sắc đẹp của nàng, họ đổ xô tới tán tỉnh, dâng hiến tặng vật v.v... Điển hình cho đám ấy là Antinous. Theo quan điểm của Pénélope , lẽ ra thì Ulysse nên tống cổ Antinous đi để bảo vệ hạnh phúc. Nhưng Ulysse không đơn giản như thế. Ông ta xử sự theo lối trí thức, một cách tinh vi hơn. Ông lý luận:

«Tại sao đuổi ?» Ông tin tưởng ở tiết hạnh của vợ, ông ta không thèm quan tâm đến sự xun xoe của Antinous. Vậy tại sao không đối xử hòa nhã, khôn khéo ? Dĩ nhiên, ông không đến nỗi khuyên vợ chiều ý đám kia, nhưng ông không muốn vợ mình lãm mặt họ. Penelope không hiểu nổi cái tâm lý ấy của chồng. Bà phản kháng. Ulysse coi thường thái độ của vợ. Thế rồi bà vợ xem như ông chồng không đủ bản lãnh, bà ta khinh chồng, hết yêu chồng. Khi Ulysse hiểu ra sự tình thì đã muộn: ông không còn cách gì lấy lại tình yêu của vợ nữa.

Do đó, Ulysse tình nguyện đi chiến đấu bảy năm ở thành Troie, để tránh cái địa ngục gia đình. Chiến tranh chấm dứt, tiềm thức lại xui ông ta tìm lý do để loanh quanh ngoài bể mười năm , tránh mặt vợ. Trong khi

ấy Penelope ở nhà vẫn kiên tâm chờ chồng. Nàng thủ tiết, chống trả mạnh mẽ mọi cám dỗ, đó là vì cái đức hạnh nghiêm khắc truyền thống của phụ nữ Hy Lạp, chứ không phải là vì tình yêu. Tình yêu đã chết ở lòng nàng.

Mãi khi trở về, Ulysse quyết định ra tay tàn sát hết đám tình địch không tiếc thủ đoạn, bấy giờ Penelope mới lại thực sự yêu chồng: bấy giờ là cuộc hôn nhân thứ hai trong đời họ.

Nghe đến đây tôi phản đối Rheingold: Trong Odysée, Ulysse là một nhân vật dũng cảm, trọng danh dự; Rheingold đã mô tả ông có vẻ nhu nhược.

Rheingold phá lên cười:

— Anh đang nhìn Ulysse với cặp mắt của Penelope. Trong xã hội sơ khai có những lệ luật về danh dự mà xã hội văn minh không quan tâm đến. Anh suy nghĩ lại đi, tôi chắc rồi anh sẽ đồng ý về nhận xét của tôi. Chúng ta không theo Odysée của Homere , chúng ta giải thích Odyssee theo tâm lý học mà.

oOo

Trên đường về tôi nẩy ý đi dạo trên những lối đi um tùm rậm rạp quanh mép biển. Đường vắng vẻ, xa xa chỉ có mấy đứa trẻ con đùa giỡn.

Cuối đường tôi dừng chân trước một mỏm đá cao,, nhìn ra mặt bể lấp lánh dưới ánh nắng. Hồi lâu, những điều vừa nghe Rheingold chột thấm thía, làm tôi sửng sờ trước một thực tại: câu chuyện của tôi và Emilie nào có khác gì chuyện vợ chồng Ulysse. Tình thế bỗng sáng tỏ rõ ràng. Bây giờ nếu tôi cứ tiếp tục cộng tác dưới quyền Battista, tôi không có cách gì tranh thủ được hạnh phúc. Ngày xưa ra tay tàn sát tình địch để thu hồi tình yêu. Trong xã hội văn minh ngày nay không thể như thế được. Chỉ có cách là tôi bỏ việc, dẫn vợ trở về. Thế là xong.

Tôi đi tới quyết định dứt khoát. Chiều nay tôi sẽ gặp Rheingold, nói cho anh ta biết; tối về tôi bảo Emilie lãm va.li. Sáng mai chúng tôi ra về, không cần từ biệt Battista: ông ta sẽ hiểu ngay.

Nghĩ đến đó tôi rảo bước về nhà. Giữa đường, ở chỗ một bãi vắng thình lình tôi trông thấy một người đàn bà nằm khỏa thân phơi nắng; một thân hình tuyệt mỹ. Nhìn lại thì hóa ra là Emilie. Nàng chụp một chiếc mũ rộm rộng vành che khuất mặt, nhưng tôi nhận ra chiếc võng đeo tay mà tôi đã tặng nàng.

Emilie không phải là một người to lớn. Tuy nhiên cái cảm tưởng của tôi khi nhìn nàng lúc bấy giờ là thấy nàng có vẻ như vĩ đại: có phải cảnh trời bể cao rộng bao la đã trao cho thân người nàng cái vẻ mênh mông ấy. Ngực nàng, bụng nàng, hai bắp đùi nàng trông nổi lên cả một mãnh lực chưa từng thấy. Ngay lúc ấy, tôi ham muốn đến rạo rực cả người.

Không lẽ cứ đứng lặng ngắm trộm như thế, tôi lên tiếng gọi:"Emilie" Nàng giật mình, vội tấm áo che người lại. Tôi nói ngay "Anh đây, Richard đây mà " Nàng bỏ áo ra. Tôi lại gần , khẽ nói:

– Anh tới đây đã năm phút, vã ... em biết không ? Anh tưởng chừng như mới được trông thấy em lần đầu.

Nàng tỉnh bơ. Thái độ ấy làm tôi đau đớn đến nỗi miệng tôi nhủ khô ráo hẳn. Tôi nhích xê ra ngồi dựa lưng vào một tảng đá. Tôi nhắm mắt lại. Và sự ao ước kích thích sức tưởng tượng mạnh mẽ cho đến nỗi tôi chợp mắt mơ thấy mình cúi xuống hôn lên môi nàng, và nàng đã hé môi ra ngậm lấy môi tôi, đã quờ tay quàng ngang cổ tôi.

Giật mình , tôi mở choàng mắt gọi:

– Emilie !

– Gì thế ?

– Anh vừa mơ thấy anh hôn em...

Nàng lặng thinh không nói gì cả. Tôi hỏi bậy một câu:

– Battista đâu ?

– Không biết.

Trước khi tôi kịp suy nghĩ, một câu nói bỗng nhiên vọt ra:

– Emilie, đêm qua tôi trông thấy Battista hôn em.

– Em biết... Em cũng trông thấy anh lúc đó.

Giọng nàng bình tĩnh như thường. Chính điều ấy làm cho tôi choáng người. Tôi cố gắng nói:

– Chúng ta cần nói với nhau về chuyện ấy.

– Nhưng không phải vào lúc này.

– Chiều nay vậy. ?

– Vâng chiều nay.

Tôi đứng lên, đi về phía ngôi biệt thự.

oOo

Trong bữa ăn trưa, chúng tôi không nói gì với nhau. Trời nắng gắt, ánh sáng chan hòa vào tận trong phòng.

Ăn xong, Emilie về buồng nghỉ. Tôi ngồi thẫn thờ nhìn ra cửa sổ, theo dõi một chiếc thuyền con trên mặt bể. Tôi nghĩ ngợi lan man cho đến lúc thấy buồn ngủ. Nhưng sực nhớ mình phải bắt tay thực hiện ngay bước đầu của dự định: là thông báo ý định thôi việc cho Rheingold biết. Nghĩ đến đó tôi tỉnh cả người.

Sau nửa giờ đi bộ, tôi đến khách sạn, nhờ người mời Rheingold ra. Tôi nói ngay:

– Xin lỗi. Tôi không phá giấc trưa của anh chứ ?

– Không. Tôi không ngủ trưa bao giờ.

Hai chúng tôi kéo nhau đến quầy rượu. Tôi tuyên bố rứt lui. Anh ta

không tỏ vẻ gì ngạc nhiên, nhưng hỏi ly do. Tôi bảo:

– Tôi không chấp nhận lời giải thích Odyssee của anh được. Odysse của Homere cho người ta một cảm tưởng hùng tráng, cao đẹp, còn Odyssee của anh phơi bày những ti tiện trong tiềm thức tối tăm của con người, khiến người ta bi quan , ảm đạm.

Rheingold nói:

– Thế anh khoái quan điểm của Battista ?

– Không. Tôi không chấp nhận quan điểm của anh, thế thôi. Như vậy không có nghĩa là tôi chấp nhận Battista.

Rheingold bị chạm tự ái nổi sùng, nói liền:

– Tôi vừa ăn trưa với Battista. Tôi biết mã. Hai người giống nhau.

– Giống nhau ra sao ?

– Các người không thiết tới nghệ thuật, các người chỉ thiết tiền. Miễn được tiền, với... bất cứ giá nào.

Tôi kêu lên:

– Rheingold ?

Hai bên đối diện nhau, mặt tôi tái nhợt, còn anh ta thì đỏ gắc. Tưởng như sắp choảng nhau đến nơi. Thế nhưng rốt cuộc chúng tôi cũng dịu xuống, chia tay khá hòa nhã. Rheingold hỏi tôi đã báo cho Battista biết chưa. Tôi trả lời:

– Không cần. Nhờ anh nói lại giúp. Nhờ anh nói rõ nhé. Rằng tôi rút lui, nhất định không viết phim Odyssee , dù cộng tác với anh hay với bất cứ đạo diễn nào khác.

Một ánh mắt của Rheingold chứng tỏ rằng anh ta đã hiểu vấn đề. Anh ta bảo:

– Chúng ta không cùng nhau làm việc được, thật đáng tiếc.

– Dịp khác vậy. Tôi cũng rất muốn cộng tác với anh.

– Thế vì đâu ?

– Số mệnh.

Tôi bắt tay anh ta quay ra.

oOo

Rời khách sạn, tôi vội vã xông về biệt thự, nóng lòng nói chuyện với Emilie. Tôi mở cửa buồng, trông thấy áo xống xếp đặt ngăn nắp, cái gạt tàn thuốc , sách báo, thứ nào thứ ấy đâu vào đó, nhưng không thấy nàng. Tôi qua phòng khách, nghe có tiếng nàng dưới bếp. Thì ra nàng đang chỉ dẫn cho người nấu bếp chuẩn bị bữa ăn chiều.

Mới đến đây hôm trước mà hôm sau Emilie đã thoải mái, quen thuộc như thích nghi với cuộc sống lâu dài: lại cái bản năng nội trợ ! Ấy, nàng đang trong tình trạng như thế mà bảo nàng bỏ ra đi ngay...

Chờ cho nàng từ dưới bếp lên, tôi xô khép cửa phòng lại, vã bắt đầu:

– Ngày mai chúng ta trở về La Mã.

Nàng không lộ vẻ ngạc nhiên:

– Lại cái gì nữa đây ?

– Anh đã quyết định bỏ việc. Thế thôi.

– Tại sao vậy ?

– Sau những điều xảy ra tại căn phòng này tối hôm qua, anh không còn cách nào khác.

– Hôm qua, sau khi chứng kiến, anh lại có quyết định khác.

– Hôm qua chính do em quyết định. Bây giờ là anh.

Tụ dửng nàng có câu hỏi bất ngờ:

– Thế anh đã cho Battista biết chưa ?

– Anh đã báo cho Rheingold rồi .

– Bậy. Chúng ta cần tiền để trả góp tiền nhà.

Tôi phát cáu:

– Em không thấy rằng anh không thể tiếp tục nhận tiền của một người đang tìm cách quyến rũ vợ mình sao chớ ? Em còn nhớ không ? Chính em nói rằng em khinh anh. Anh không biết lý do vì sao, nhưng ít ra anh không thể làm một điều đáng khinh bỉ. Quyết định của anh chứng tỏ rằng anh không phải hạng người ấy.

Nàng phản công:

– Anh không chứng tỏ được gì cả.

– Tại sao vậy , hả? Hả ?

Đột nhiên nàng đứng lên, như bị đau đớn bất ngờ:

– Để em yên.

– Những sự khinh bỉ ấy phải có lý do chứ ?

– Thì chính là anh đó. Anh phải biết. Em chỉ biết anh không phải là một con người, anh không hành động như một con người !

– Hả ? Như thế nghĩa là gì ?

– Em không biết.

Nàng bước về phía cửa sổ. Nàng là một người giản dị, ít học. Thái độ tình cảm của nàng minh bạch dứt khoát, nhưng nàng không đủ lý luận để biện giải rành mạch, để phân tích.

Thoáng một cái, tôi chột nhớ lại lập luận của Rheingold về trường hợp Odyssée " Có thể Emilie tưởng rằng từ lâu, từ mấy tháng trước tôi đã biết Battista tán tỉnh nàng, nhưng tôi lỗ đi vì đồng tiền chăng ?" Tôi uất nghẹn.

Cùng lúc ấy, Emilie cất tiếng nói:

– Một con người xứng đáng không có thái độ như anh đêm hôm qua.

– Một con người xứng đáng không có thái độ như anh đêm hôm qua. Sau khi đã chứng kiến việc như thế mà anh còn nhịn nhục đi hỏi ý kiến em. Hôm nay anh đòi bỏ việc, em không tin là do anh đâu, có thể chỉ vì gặp rắc rối sao đó với người đạo diễn. Muộn rồi. Em đã có thái độ tình

cảm dứt khoát đối với anh. Dù anh có làm gì bây giờ cũng không thể ảnh hưởng được. Thôi, anh tiếp tục công việc, và để em yên.

Tôi cố gắng giữ giọng nói thật bình tĩnh, ôn tồn:

— Emilie, em khinh bỉ anh mà không nói ra tại sao. Có thể em không hiểu lòng em cũng nên. Vậy thì em hãy nghe anh phân tích. Nếu anh nói đúng, em phải công nhận.

Dừng lại một lúc rồi tôi chậm rãi:

— Lý do là thế này: Em căn cứ vào những sự kiện bên ngoài để tưởng tượng một cách sai lầm rằng từ lâu anh đã biết hành động của Battista mà anh cố tình nhắm mắt và xua em vào ông ta. Có phải thế không ?

Emilie không trả lời, đứng yên như chăm chú một cái gì bên ngoài cửa sổ. Tôi tiếp tục:

— Không đúng. Em lầm rồi. Mãi cho đến hôm qua anh hoàn toàn không hay biết gì về thái độ của ông ta cả. Dĩ nhiên em có quyền tin hay không tin lời anh, nhưng nếu em không tin lời anh tức là em có ý muốn có thể tiếp tục khinh bỉ anh, bất chấp phải trái, em cố ý nhắm mắt trước sự thực.

Nàng vẫn im lặng. Và tôi cảm thấy mình đã đánh trúng mục tiêu. Có thể tôi chưa thuyết phục được lòng tin của nàng, nhưng tôi ngay tình, và sự ngay tình ấy hẳn đã biểu lộ trong giọng nói mà nàng trực cảm ra.

Trong cơn não nề, tôi bước đến bên nàng, ôm lấy nàng, hỏi:

— Emilie. Tại sao em thù anh tội bậc đó ?

Nàng quay lại, và tôi trông thấy nước mắt chan hòa trên đôi má nàng. Nàng nói nhỏ hết:

— Em không bao giờ có thể tha thứ anh được. Em không thể tha thứ anh cái tội đã phá tan tình yêu của chúng ta... Trước, em yêu anh biết chừng nào... em chỉ biết yêu anh... em sẽ chỉ biết yêu anh, không thể yêu một ai khác. Chính vì tính tình của anh, anh đã phá tan tất cả. Nếu không, chúng ta hạnh phúc bên nhau biết bao. Bây giờ thì không còn gì cứu vãn được nữa...

Tôi thì thào bên tai nàng:

— Nghe lời anh. Sáng mai chúng ta trở về. Về La Mã, mọi sự rồi sẽ êm đẹp.

Nàng vùng ra khỏi tay tôi:

— Em không về. Về La Mã mà làm gì nữa ? Em không thể tiếp tục sống bên anh, mà mẹ em cũng không cho em về với mẹ. Em lại thuê nhà, trở lại cuộc sống cô thủ ký nghèo ngày trước sao chớ ? Thôi anh đi đi. Em ở đây. Battista bảo em muốn ở lại bao lâu cũng được.

Tôi nói dọa:

— Em phải đi. Nếu không anh sẽ phá cho ông ta tống cổ cả hai.

Nàng bỏ tôi vào phòng, khóa cửa lại.

oOo

Sau khi Emilie đi rồi tôi nhận thấy ngay tình thế: Tôi không thể nào ở lại đây được nữa. Tôi đã bỏ việc còn lý do gì ở lại ? Tôi băn khoăn đếm bước trong phòng một lúc, rồi chợt cảm thấy mỏi mệt: Từ sáng tới giờ — 6 giờ chiều — tôi tự biệt thự ra phố, chạy đi chạy về bốn lượt dưới nắng, bảo sao không mệt.

Tôi vào phòng, đóng cửa lại, nằm vật xuống giường, ngủ ngay một giấc mê man. Lúc thức giấc thấy tối mịt. Tôi bước về phía cửa sổ, xem đồng hồ: 9 giờ đêm . Quá bữa ăn tối rồi.

Một câu hỏi hiện lên to tướng trong đầu " Làm gì bây giờ ?" Dù sao

không thể trốn mãi trong phòng. Tôi mở cửa bước ra. Nhà vắng ngắt. Chỉ có bữa cơm một người ăn dọn trên bàn. Người bếp bảo Battista và Emilie đã đi ăn tiệm, nếu tôi muốn thì ra gặp họ tại quán Bella-Vista ; nếu không, đã có món ăn dọn sẵn.

Tôi không thấy ghen tuông, giận thù. Tôi chỉ buồn rầu nhận ra rằng họ đã chọn giải pháp duy nhất có thể chọn: tránh sự chạm mặt nguy hiểm trong lúc này.

Tôi nuốt qua loa mấy miếng rồi ra vườn. Bao nhiêu ý tưởng buồn thảm dồn dập trong đầu. Tôi nghĩ quanh nghĩ quẩn, không tìm ra lối thoát nào. Rốt cuộc tôi vào phòng. Nghe có tiếng hai người trở về, tôi uống mấy viên thuốc ngủ và đánh một giấc thẳng tới sáng.

Thức giấc, tôi cảm thấy một sự im lặng khác thường quanh mình. Cái im lặng của hoang vắng.

Tôi vội vàng nhảy xuống giường, chạy lại cánh cửa thông với phòng Emilie, tôi mở cửa bước vào. Cái đầu tiên đập vào mắt tôi là một lá thư nằm giữa giường. Một lá thư ngắn:

"Anh Richard , vì anh không muốn đi nên em phải đi. Đi một mình có lẽ em không dám ; vì vậy nhân tiện Battista về, em theo. Vả lại em sợ phải ở một mình, dù sao có ông ta cũng hơn là cô đơn. Nhưng về tới La Mã, em sẽ tách ngay ông ta để sống riêng. Mặc dù vậy, nếu anh có được tin em trở thành bồ bịch của ông ta, xin anh đừng ngạc nhiên: em đâu phải gỗ đá, và đó chẳng qua là tại em thiếu can đảm. Vĩnh biệt anh.

Emilie"

Cầm lá thư trong tay tôi ngồi thất thần, lúc nhìn lơ láo ra những ngọn thông bên ngoài khung cửa, lúc lại nhìn cảnh lộn xộn bừa bãi trong một căn phòng trống: tủ mở trống không, hộc bàn trống trơn, không giầy dép không quần áo... Tôi như một thân cây bị nhổ bật rễ, nằm chổng chơ trên mặt đất.

Sau cùng tôi vớ bộ đồ tắm, đi Capri mua tờ báo, đọc vu vơ, rồi ra bãi Piccola Marina. Đến đây tôi nảy ý thuê chiếc thuyền chèo ra khỏi: như thế, tôi có thể thoát khỏi đám đông đang chen chúc trên bãi.

Nắng chang chang đổ xuống mặt nước xanh rờn, đốt cháy đầu và lưng tôi. Tôi cúi đầu bước xuống nước, tiến ra chỗ chiếc thuyền, sắp sửa trèo lên. Ở kia, Emilie, chính nàng đã ngồi sẵn trên thuyền, khép chặt hai chân, mặc bộ đồ tắm hai mảnh màu xanh quen thuộc.

Trước đôi mắt ngỡ ngác của tôi, nàng mỉm cười, như muốn bảo "Vâng chính em đây , đừng nói gì cả. Đừng ngạc nhiên ".

Tôi trèo lên, ngồi bên cạnh nàng, cầm lấy mái chèo, chèo ra một quãng xa. Chèo như thế chừng mười phút, tôi không nói, cũng không ngước mắt nhìn nàng. Trong lúc chèo, bỗng dưng một nỗi buồn lạ lùng lẫn lộn với một niềm vui mỏi mệt làm tôi rơi nước mắt.

Cuối cùng tôi ngước lên. Như chỗ đợi sẵn, nàng mỉm cười và hỏi bằng

một giọng dịu dàng:

— Sao anh khóc ?

— Anh mủng quá.

— Anh mủng đến thế sao ?

— Anh tưởng em đi rồi... không ngờ lại gặp em !

Nàng sụp mắt ngó xuống:

— Em đã định ra đi. Nhưng lúc tới bến tàu, em đổi ý kiến.

Tôi hạ thấp giọng:

— Tại sao em đổi ý ?

— Không biết. Có lẽ vì giọng nói của anh chiều hôm qua, em cảm thấy thành thực.

— Như thế em tin anh, không còn khinh bỉ anh ?

— Không. Em chỉ thấy anh vụng. Thôi đừng nói đến chuyện ấy nữa.

Nàng im lặng, buồn buồn. Tôi mủng rỡn, cuống cả người lên. Tôi chèo về phía hòn Đỏ, nơi có một lối hẹp và sâu, thật kín đáo, thật tối. Đến đó tôi định bụng sẽ dừng thuyền tại bãi vắng vẻ, và vỗ chồng yêu nhau.

Lúc chiếc thuyền len lỏi vào dưới cái vòm tối om om, tôi không trông thấy nàng nữa, vừa chèo vừa kêu bảo nàng né tránh các mỏm đá nhọn nhô ra hai bên. Khi thuyền cập bãi, tôi đưa tay ra bảo nàng nắm lấy để tôi dìu lên bờ thì không nghe tiếng đáp lại. Tôi quờ tay tìm: không hề có nàng . Tôi kêu la "Emilie! Emilie!" Tiếng vang từ các vách đá dội lại. Bốn bề hoang vắng. Mãi một lúc sau, tôi định thần, suy nghĩ, và biết mình vừa trải qua một ảo giác.

Tôi bỏ con thuyền, chạy lên bãi, úp mặt xuống mặt cát ẩm ướt, ngất đi không biết trong bao lâu. Tỉnh dậy, tôi đưa tay xem đồng hồ : lúc đó là hai giờ chiều.

oOo

Tôi lại lên thuyền chèo về. Quả thật tôi vừa gặp ảo giác, cũng như hai hôm trước, tôi có ảo giác hôn môi nàng khi nàng tắm khỏa thân trên bãi.

Nhưng tôi cứ nghĩ ngợi mãi. Ảo giác bắt đầu từ lúc nào ? Từ lúc tôi mới bước xuống thuyền ? Hay là trong lúc tôi ngất xỉu, thiếp đi trên bãi Hòn Đỏ và thấy nàng trong giấc mơ ?

Vào bờ, tôi trả thuyền, mặc đồ, trở về ngôi biệt thự của Battista. Mới vừa bước vào phòng khách tôi đã trông thấy ngay bức điện đề giữa bàn ăn. Tôi cầm lên đọc: Bức điện ký tên Battista , báo tin vợ tôi vừa tử nạn.

Đến đây, tôi tưởng không cần dông dài về những việc đã xảy ra: Lúc hai người đi tới Terracina vợ tôi say nắng thiếp ngủ, Battista đang chạy nhanh gặp một chiếc xe bò, đạp thắng thật mạnh, chửi bởi tên đánh xe mấy tiếng rồi tiếp tục đi . Lát sau, ông ta hỏi mấy câu không nghe Emilie đáp , rồi nàng đổ về phía ông: thì ra cú đạp thắng đột ngột đã làm nàng

gãy đốt xương sống, chết tức khắc.

Tang lễ cử hành dưới bầu trời oi ả. Buổi chiều đưa đám nàng xong, tôi về nhà, đóng cửa, ngồi một mình. Từ nay, không bao giờ tôi còn trông thấy lại Emilie nữa. Thôi, thế là xong phần nàng.

Nhưng cuộc đời còn đó, tôi phải sống. Tôi khóa cửa lại, trao chìa khóa cho người gác, bảo rằng khi nào trở về tôi sẽ tìm chỗ bán nhà. Tôi xách vali trở ra đảo Capri. Tôi lần về các chốn cũ, tìm lại từng dấu cũ. Nhưng tôi không còn gặp nàng một lần nào nữa, hoặc trong mơ, hoặc qua ảo giác.

Một hôm, tôi trở lại chỗ bãi vắng, nơi nàng từng phơi nắng khỏa thân. Tôi nhớ lại câu chuyện giữa Ulysse và Pénélope . Tôi nghĩ bây giờ thì Emilie cũng như những nhân vật nọ của nghìn xưa, phiêu diêu trong cõi bao la miên viễn.

Và tôi quyết định ghi lại tập hồi ký này, với hy vọng có thể giải tỏa tình cảm mình, có thể giải tỏa nàng khỏi những vướng vít tình cảm của tôi, để nàng được yên nghỉ.

TRẦN THẠCH lược thuật

Phép Lạ ở Lourdes

SUỐI THIÊNG ở LOURDES nổi danh nhờ Phép Lạ của
* ĐỨC MẸ ĐỒNG TRINH *
đã cứu khỏi hàng ngàn người mắc bệnh nan y. Sự mầu nhiệm, đến ngày nay, vẫn tiếp tục linh ứng
Quý vị cảm thấy vững tâm, và đầy tin tưởng với

LOURDES CROSS

Cây THÁNH GIÁ trong chứa giọt nước mầu nhiệm
của SUỐI THIÊNG ở LOURDES

...và biết đâu với ĐỨC TIN mãnh liệt PHÉP LẠ lại chẳng xảy ra, tai nạn nào mà không qua khỏi cầu ước gì mà không toại nguyện...

LOURDES CROSS + Giây Chuyền + Hộp đựng +2 trang kể chuyện cô BERNADETTE được thấy ĐỨC MẸ 18 lần
Tất cả giá : $6.95 + 25¢ cước phí hạng nhất.
Xin đặt mua tại :
LOVINA INC.
Dept. 144-A
P.O. Box 7235
Fort Lauderdale, Florida 33338

NOBLE MAN

● LINH BẢO

For the past hour, Dzung lay restless on her bed, her thoughts in turmoil. She should have gone to the market, but today, filled with such a feeling of frustration, she was in no mood to do anything.

She remembered clearly how she met him that day while fleeing under a rain of gun shells. He invited her to remain in his house, which was located in a safe zone. His wife had left him to return to the safety of the countryside, so he was free. For a few days, while the battle continued in the area, they were caught in that snug retreat. That was how he became her protector. In fact, in the beginning, he did take some trouble to conquer her: either he would buy her some expensive perfume, bathe her two children or rise at three o'clock in the morning to prepare her coffee, which she took before going to work. After that she found a place to live near him.

But he belonged to that race of men who sought to conquer a girl with only three bouquets of flowers, later to draw back capital and profit

When the airline company which employed Dzung closed down, with sweet talk he persuaded her not to take another job. He promised to double her salary if she would agree to be his secretary.

"I am married," said he, "I can't marry you, my darling. I only want to be a benefactor, a noble man who helps you through a difficult and dangerous period. You need a man for protection, security and moral encouragement. Your children need a father and you need a roof to shelter yourself much the same as a bird needs a snug nest. You can't go on living a lonely life without a person whom you can trust, a life in which, your soul empty, you will be compelled to struggle every day for the maintenance of your children."

His words were as sweet as sugar cane heated in the fire. Dzung swallowed the love potion. She gave him her sould and body. And every year she gave him a child. These children bore their mother's name and called him uncle.

Outwardly, she was his secretary. In fact she did a secretary's job. She wrote letters for him to claim money from his debtors, she took care of his correspondence with his lawyer, for he loved law-suits; she collected his rents and undertook in various government agencies and ministries the the necessary approaches to facilitate his business. All these chores fitted in with her job as a secretary, but there were other "extra responsibilities" such as cleaning the house, preparing food, and bearing children. A miser, he steadfastly refused to hire a servant with the excuse that he could trust nobody, thus compelling Dzung to take care of everything. For her salary, he gave Dzung every month 3,000 piasters, the equivalent of about 30 American dollars, and on this the secretary had to maintain her home, feed herself and children and, in addition, she had to feed her master.

This amount was only a fifth of what she earned formerly. But how to grumble, when, from the position of an ordinary secretary, one has become a secretary with "ten thousand abilities," and one's benefactor belongs to the category of shrewd and not naive boble men? The naive noble man can only keep his word, the shrewd noble man knows how to give and take back his word. And Dzung, who had the reputation of being wise, was in fact naively wise.

Fearing that through her contacts with friends and relatives she might receive advice detrimental to him, he curbed all her social relations. He forbade her to dress herself up and go out in the street because, knowing she was attractive, he feared she would succumb to a seducer more persuasive than he was, then he would be deprived of a fat prey. Indeed, where in the world could one find a woman so exculsively marvelous as she was? In this "common-law wife" business every woman asks for material compensation to make up for the moral sacrifice. Only Dzung acted against the rule. When she bore him a second child, he bought her a ring with a fake stone. That was the first gift since she became his secretary with "ten thousand abilities." To wear it was a real torment, but not to wear it was an offense against him. Finally Dzung found a compromise solution: whe wore it upside down. This way, nobody would see she was wearing a fake stone, and everybody would think she was concealing her wealth by modesty.

He thoroughly brainwashed her, made her repeat to herself that he was her benefactor, a noble man who salvaged her from the fire and gunshells, and Dzung believed what he said.

She entertained this belief until one day the "uncle" of her children met face to face with Loan, her long-time girlfriend.

The "uncle" discoursed endlessly as if he were on a rostrum:

"I am a noble man," he said, " I am Dzung's benefactor. Without me,

Dzung would have been killed amid the fire and bullets. I showed her the way to make a living. I didn't support her as a wife. That would cause her to become dependent upon a man like other women are. What if her man should die? That is why I didn't feed her, I trained her to make her own living and live an independent life."

No sooner had he finished his speech that he realized he was using a sophism which nobody but Dzung could absorb; and fearing a sharp reply from Loan, he made a hasty retreat to the door as if he had the devil on his heels.

"Please excuse me, I have some business to do."

After he left, Loan turned her anger on Dzung. She said mockingly:

"Yes, a noble man, a benefactor! When one pretends to be a noble nam and a benefactor, one does not father your children. He is no more than an unscrupulous opportunist."

Dzung took his defense:

"If it were not for him, I could have been killed."

Loan smiled ironically:

"If I were you, I would rather die. He cared for nobody but himself. That he came to your help is nothing surprising. Everybody helps in such circumstances. But is it fair to render an insignificant service and ask a whole life of enslavement in return? Is that a noble man's way?"

"Oh yes!" said Dzung, "I see it now. That was what he asked in return for his help."

"Every woman needs to have a man for herself, Dzung, a man who loves her and belongs entirely to her. Every woman needs to have a home What sort of a noble man, a benefactor is he? He ruins your life, that's what he does actually. He made you his mistress and yet he never needs to feed your children. You are not his wife and yet you have no hope of marrying any man and establishing your own family. You are his slave, with only duties to fulfill and no privileges to enjoy. All your children bear your name. Don't you see how heartless he is? You are bound to toil your whole life to support the children he fathered, and make a fortune for him while he transfers all his money to his wife. When he kicks you out, you won't be anything better than an old servant selling your services to support your children. He is but a selfish profiteer who ignominiously proclaims himself to be a noble man. Noble man! What an insult to these two words! He would do better to throw out his chest and declare: 'I am a crafty man, I catch all the fool hardy in my trap.' That might sound more pleasant to hear."

Dzung was as stunned as if whe were the victim of a robbery. Indeed, Indeed, she was being robbed of her life, and the robber operated in broad daylight while laughing at his victim.

Seeing Dzung dumbfounded, Loan went on:

"I still remember the story of a noble man's coat which my father told me when I was young. A man owned a very beautiful coat. One day, in need of money, he took it to a pawnbroker. The latter told him: 'I will loan you 200 piasters on this coat, but you have to pay me back in three months with 200 piasters interest, that makes a total of 400 piasters.'

"The man accepted the deal, removed his coat, gave it to the pawnbroker, took the money and started toward the door. But as he reached the door, he was called back by the pawnbroker who told him:

" 'Listen, I have a good idea. I think you ar an honest man, I have sympathy for you. I want to accoplished a good deed for the benefit of my future life. I want to help you with some good advice. Now you didn't have a cent in your pocket and you had to pawn your coat. In three months, where will you get 400 piasters to take your coat back? If by that time you are unable to reimburse me, capital and interest, in another three months you will be compelled to pay double the amount, that is, eight hundred piasters. Tell me, where are you going to get that money?'

"The man nodded:

" 'Yes, you are right, in three months I won't be able to find 400 piasters.'

"The pawnbroker broke into a broad grin which almost closed his eyes'

" 'I know you won't be able to, that is why I want to give you advice, and if you follow it you will have much less trouble. Now, you have 200 piasters in your pocket. Why don't you make a down payment right now? In three months, you will have to pay only 200 piasters instead of 400. Wouldn't that be much more profitable to you? If by then you are not able to pay, and should have to postpone the payment for another three months, you will have to pay only 400 instead of 800. You make a 50 per cent gain. What do you think?'

"The man pondered for a while, and found the argument quite correct. He took the 200 piasters out of his pocket and gave them to the pawnbroker, then he started home quietly.

"When he arrived home he felt chilly. He then realized he no longer had the coat on. He reasoned with himself:

" 'That's strange. When I entered the pawnbroker's shop my pockets were empty, but I still had my coat on and I had no debt. When I stepped out of his shop, my pockets were just as empty but I no longer had my coat and, instead, I have a debt to pay. That is quite strange.' "

Dzung cried out:

"Now I see! I am the man who took his coat to the pawnbroker. Before entering his home, I was a young, attractive widow, I had no husband but I was free, and had a job to support my children. Now I still have no husband, and still must support my children but I have lost my liberty. I am compelled to serve him, cook his food, feed his children. I have to work to earn my living and yet I am indebted to him. He lives in his house and I in mine and yet I am ever his possession."

Loan interrupted her:

"So now you understand. That's good enough. Good-bye."

Loan was gone. Dzung put her head on her knees and wept bitterly. She was inclined to take the risk of skipping the evening meal, but, recalling the slaps which he always dispensed with the force of objects falling from the sky, she hastened to dress herself and went to the market

Unable to resist him, Dzung turned her anger on Loan. Yes, Loan was the cause of all this. Before talking to Loan, she found life worth living. It is true that her house was unclean, her children in rags and tatters, his promises were meaningless, she had to toil all day long to serve him, and he took the least excuse to quarrel and scold, but all this she had accepted as a matter of course.

He had persuaded her to become his mistress for the happiness of her children. But now she was so busy that her neglected children were like orphans with neither mother nor father. Until Loan talked to her she never complained nor did she ever give a thought to this situation and seek to find out who was winning and who was losing in the process. Her misery had become a thread in the fabric of her existence. Each day, after doing at his house her secretary and "extra-secretary" duties, she came home to join her children and never felt unhappy or thought about being unhappy. But today, Loan's words had replaced acceptance with

confusion in her mind.

Unable to insult the man who had made love to her, she found a solution in pouring all the wrong on Loan's head. She grumbled to herself, grinding her teeth:

"You little devil! You are no better than anyone else. You have to raise your children yourself and you sneer at me for doing the same. You are only good at talking big and insulting people, but you yourself are as stupid as a cow."

Dzung felt satisfied, as if she had taken revenge on Loan, and she anticipated the evening meal, when he would praise the food she prepared so skillfully. Laughter would momentarily crinkle the menacing, inscrutable mask, and his whole huge mass would shake with his pleasure.

Suddenly she felt caught by nausea. Not because she felt repulsion at the thought of him but because, perhaps, another "little noble man" was about to make his way to life.

LINH BAO

Translated by: James R. Methvin ,III

GIÁ BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÀI HẠN

Mỗi số báo giá 2 Mỹ kim.

4 số giá 8 Mỹ kim – 8 số giá 16 Mỹ kim – 12 số giá 24 M.k.

Ngân phiếu, Bưu phiếu xin đề trả cho:

LE SANG NGHIEP

P.O. Box 19555

San Diego Ca. 92119

Thư từ, bài vở xin đề:

LÊ TẤT ĐIỀU

P.O. Box 19555

SAN DIEGO , Ca. 92119

Sách Việt hải ngoại

TUYỂN TẬP THI CA 75-77 — Bố Cái xuất bản, 128 trang.

" Trên dưới 30 tuổi, chúng tôi một lần nữa muốn tuyên xưng ngòi bút " Đó là lý do khiến họ sáng tác. "Tất cả chúng tôi hiện sinh nhai bằng nghề lao động, hiếm hoi không những về thời gian mà còn về phương tiện tài chánh và kỹ thuật ", đó là hoàn cảnh sáng tác của họ. "Tình cờ chúng tôi gặp nhau ở tòa soạn của một tờ báo bây giờ đã chết ", đó là lý do khiến họ chung nhau in thơ ra sách. "Đã hai năm nay, mỗi người có những bước đi nghiêng ngả cho đời mình ", đó là hoàn cảnh sinh sống và tâm tình của họ v.v... Tất cả đã được nói trong thư ngỏ của nhà xuất bản Bố Cái.

"Họ " là tám thi sĩ: Thi Thạch, Trần mộng Tú, Cao Tần, Giang hữu Tuyên, Nguyễn nam An, Hoàng phú Hoan, Hoàng chính Nghĩa, Hoàng khởi Phong . Họ góp nhau 59 bài thơ, trong đó có hai bài được Hoàng quốc Bảo phổ nhạc.

Dĩ nhiên chừng ấy người thơ với chừng ấy bài thơ phải có nhiều biệt sắc , khó lòng có một nhận định bao trùm. Tuy nhiên tất cả đều phản anh "những bước đi nghiêng ngả ", đều hàm chứa một tâm tình đắng cay đau xót của kẻ lưu lạc. Tác phẩm được ấn loát đẹp đẽ trong sự chăm chút cảm động của một nhà xuất bản không quan tâm đến những tính toán tài chánh.

THƠ CAO TẦN . Người Việt xuất bản , 56 trang. Bìa và phụ bản do họa sĩ Văn Mộch.

Xin xem lại bài "Đọc thơ Cao Tần " của Võ Phiến , trong VHNT số 1.

NGUYÊN VỆN , truyện dài, Võ Phiến — Người Việt xuất bản , 294 trang.

Nguyện , nữ sinh viên Văn khoa Sài gòn yêu một sĩ quan Hải quân. Vì đời sống bấp bênh người sĩ quan chưa muốn lập

gia đình, và Nguyện thì yêu đương hỏi "liều lĩnh ". Cuối tháng 4 - 75 , gia đình Nguyện ra đi, nhưng cô gái mất liên lạc với người yêu; nàng trốn cha mẹ, nhất định ở lại chia xẻ số phận của chàng. Thế nhưng rốt cuộc định mệnh đã xếp đặt cho họ cuộc sum họp vào giờ chót. Và một đêm giá rét ở tiểu bang Minnesota sau một đêm hội Valentine , trên khoảnh sân đậu xe trước nhà thờ, Nguyện báo cái tin vui về đứa con đầu lòng cho Dung, bạn chí thân.

Dung, cũng một sinh viên, được nhiều người yêu thầm và một người yêu công khai, Dung đang chuẩn bị cuộc hôn nhân, đang chứa chan hạnh phúc, thì biến cố 30-4-75 xảy đến. Nàng đến Mỹ chờ đợi thảng thốt, chờ đợi từ tháng nọ sang tháng kia để rồi cuối cùng được biết chàng đã bị kẹt lại Sàigòn. Người con gái đôi mươi như một trái cây chín mọng, như ấm ắp tình cảm, tràn đầy nhựa sống. Xung quanh nàng những kẻ yêu thầm vẫn tiếp tục hướng về nàng. Xung quanh nàng sau những tháng tuyết băng, tiết xuân đang trở về với tất cả cái tưng bừng rực rỡ của mùa nắng miền Bắc Mỹ. Dung như người vừa ốm dậy, tâm hồn còn ê ẩm đau đớn, nhưng không tránh khỏi cái cảm giác say sưa ngây ngất...

NGUYỄN VỆN là những biến cố tình cảm của thế hệ nam nữ thanh niên Việt nam đầu tiên bỏ nước ra đi, lưu lạc đến xứ này.

THƯƠNG NHỚ SÀIGÒN — Cơ sở Văn hóa Trắng Đen xuất bản — 100 trang .

Giai phẩm gồm 33 tác phẩm của 29 tác giả. Các tác phẩm thuộc nhiều loại: truyện ngắn, ký sự , tùy bút, thơ, kịch, v.v... Các tác giả thuộc nhiều thành phần : có những vị đã quen thuộc trong văn giới (Tử vi Lang, Việt định Phương, Tô Văn), có những vị khác hãy còn mới lạ (Ngọc Đức, Ngô văn Quy v.v), lại cũng có những bút hiệu quen biết trước kia ở trong nước, nay xuất hiện ở đây không rõ vì sự trùng hợp ngẫu nhiên hay vì lý do nào khác (Tuyết Hương, Thế Uyên, Hải Âu ...)

Tác phẩm nồng nàn tình cảm hướng về quê hương.

Văn nghệ khắp nơi

VĂN HÓA VIỆT NAM TẠI MỸ

Tại viện đại học Michigan có thành lập một hiệp hội nghiên cứu về Á châu (Association for Asian Studies) Hồi vừa xuất bản tờ nội san Việt nam Studies Bulletin do Nguyễn Quỳnh chủ biên . Họa sĩ Nguyễn Quỳnh tự hai năm qua đã theo học tại viện đại học Michigan và vừa Tốt nghiệp cao học.

Cũng hiệp hội nghiên cứu Á châu này vừa tổ chức một hội nghị tại Chicago, và nhóm nghiên cứu về Việt nam (Vietnam Studies Group) đã họp trong đêm 31-3-1978 để bàn về vấn đề trao đổi sách báo với Việt nam. Giáo sư Jayne Werner đã lập một danh sách sách báo sẽ gửi sang viện nghiên cứu sử học Hà nội.

Trong Đại hội của hiệp hội nghiên cứu Á châu họp từ ngày 30 - 3 đến 2-4-78 tại Chicago , người ta thấy vấn đề Việt nam được đem ra trình bày hai lần: Ngày 31-3 , ông Peter Poole nói về vấn đề " Quan hệ Thái Việt " và ngày 2-4 ông Wilhelm Solheim nói về "Sự liên hệ giữa tiền sử Việt nam và Đông Nam Á châu ".

KỶ NGUYÊN VIỆT NAM — HẬU

Phạm kim Vinh và Kiều Phong vừa cho phát hành một bản tin bằng Anh ngữ nhằm nói với quần chúng Mỹ quan điểm của người Việt quốc gia chống độc tài cộng sản.

Bản tin lấy tên là Post-Vietnam Era, phát hành từ 3344-46 th Street - San Diego , Ca. 92105 , số 1 ra ngày 29-4-78 nhân dịp kỷ niệm ba năm sau ngày Nam Việt nam sụp đổ. Trong dịp này, bản tin đã trích dẫn nhận định của một số nhân vật quốc tế để cảnh tỉnh dư luận Hoa Kỳ trước vấn đề Việt nam.

CỘNG (GIÁO) VÀ CỘNG (SẢN)

Trước khi nam Việt nam sụp đổ, Nguyễn thị Bình ghé La Mã, được đức Giáo hoàng tiếp kiến: Những gì đã được thỏa thuận ? Sau ngày Nam Việt nam sụp đổ, nhiều nhân vật trong

hàng giáo phẩm bị đày đọa tống xuất, giáo dân bị đàn áp, tôn giáo bị chèn ép, trong khi Tổng giám mục Nguyễn văn Bình vẫn hòa dịu, chịu đựng: Có gì thay đổi trong thái độ của Công giáo đối với Cộng sản ? — Nhiều người Việt nam lấy làm nghĩ ngợi.

Và nhiều người Tây phương — nghiên cứu các sự kiện, theo dõi thái độ của giới hữu quyền, tìm tòi trong các tài liệu mật của tòa thánh — cũng đã lấy làm nghĩ ngợi. Riêng sự nghĩ ngợi của tiến sĩ Malachi Martin mang tính cách một tiết lộ giật gân.

Trong cuốn THE FINAL CONCLAVE vừa xuất bản, ông Martin đã đề cập tới chuyện Giáo hội tính đường thỏa hiệp với Cộng sản Đông âu để mong sống còn, chuyện hy sinh tự do ở Tây âu, chuyện những vị Hồng y đành chấp nhận một thế giới Cộng sản như là điều không thể tránh khỏi, chuyện Giáo hội lo chuyển tài sản ra khỏi vùng "nguy hiểm " ở Âu châu, chuyện chọn lựa đức Giáo hoàng tương lai cách nào để có thể... hòa hợp hòa giải vui vẻ với cộng sản v.v...

Không biết ông tiến sĩ nói thật hay nói chơi, nói đúng hay nói sai tới mức nào.

NAM TÍNH

Ernest Hemingway là một người hùng (trong văn chương thôi, dĩ nhiên) . Ông viết về chiến tranh, về những cuộc săn bắn mạo hiểm, những cuộc đấu bò, đấu võ rừng rợn v.v...; đề tài đã ác liệt, mà văn phong lại càng ác liệt. Những kẻ sành văn hâm mộ E. Hemingway đều chịu là nhà văn hào này có một bút pháp rắn rỏi,ngang tàng, phá phách, mạnh mẽ, nói tóm lại là đầy nam tính.

E. Hemingway qua đời đã lâu, lắm kẻ vẫn còn luyến tiếc cái bút pháp oai hùng ấy, bèn đặt ra một giải thưởng quốc tế, tặng thưởng cho vị nào, ở bất cứ quốc gia nào trên thế giới, có thể viết được một trang với giọng văn thật giống văn Hemingway.

Năm nay có 700 cây bút hăng hái tham dự cuộc đấu, trong đó có những cây bút từ Hương cảng, từ Ý v.v... Ban tổ chức họp tại Century City vừa rồi đã mời cả những văn sĩ từ Nữu Ước bay sang để chấm giải thưởng.

Kết quả công bố: Người trúng giải, có lối viết giống hệt Hemingway, đầy nam tính là Patricia Traxler, ở San Diego, một... thiếu phụ 34 tuổi , hai con, vẫn thường làm thơ !

Tạo hóa đã nghịch ngợm , đùa cụ Hemingway một trận đau nhá.

ĐỊA PHƯƠNG

Về phía cụ John Steinbeck, cụ cũng mới vừa bị đùa một phen.

Hơn bốn mươi năm trước, cả nước Mỹ đã chấp nhận tài năng của cụ. Non vài chục năm nay, cả thế giới (qua giải Nobel) đã công nhận thiên tài của cụ. Thế nhưng tại Salinas một thị trấn nhỏ ở miền Bắc California, tại nơi quê hương của cụ, thì mãi đến tháng hai vừa qua người ta mới chịu chấp nhận cụ kia đấy !

Số là từ khi cụ viết văn, có một số đề tài bị xem như là rút ra từ những chuyện xảy ra ở Salinas, có những nhân vật bị xem như là cóp theo kiểu mẫu đang sinh sống ở Salinas: thế là Salinas đâm giận cụ. Có rất nhiều người dân Salinas chưa hề đọc Steinbeck , chỉ "nghe nói " nhà văn ấy kể xấu mình đâu đó, thế là nổi giận ngang xương. Rồi Steinbeck cũng sinh hờn.

Đã lâu lắm, hồi đó văn hào còn sống, có một số nhân vật địa phương muốn làm lành, tính đem tên John Steinbeck đặt cho một ngôi trường — Văn hào liền từ chối : Đừng ! Tốt hơn là xin đặt tên ấy cho một cái hẻm chó chui, một nhà thổ v.v... Xin đừng đặt tên cho trường !

Non mười năm sau khi Steinbeck qua đời, mới đây dân Salinas tổ chức lễ kỷ niệm sinh nhật thứ 76 của ông thật tưng bừng , xác nhận Steinbeck là đứa con yêu của Salinas !

MỘT MẦM NON VĂN NGHỆ

Có những nhà văn từ xa đến Hoa kỳ tị nạn, muốn tiếp tục nghiệp viết lách tại xứ này. Hì hục mãi chừng ba năm, thấy chưa chen vào được làng văn làng báo Mỹ, bèn sốt ruột. Câu chuyện của tiểu thuyết gia Ernest Seeman có thể gửi tặng các vị ấy.

Ernest Seeman có tác phẩm đầu tay, tức cuốn American Gold, được nhà xuất bản Dial vừa ấn hành: như vậy Seeman là kẻ mới vào làng, một mầm non văn nghệ. Mầm non ấy năm nay vừa đúng 91 tuổi. Và cuốn tiểu thuyết nọ được viết ra cách đây chừng trên bốn chục năm. Trong thời gian ấy cứ thỉnh thoảng dành dụm được tiền tem, tác giả lại gửi bản thảo đến một nhà xuất bản, để rồi được... hoàn trả lại. Mãi gần đây, may nhờ có một nhà văn tri kỷ — Mimi Conway — giới thiệu sách của Seeman mới được nhà Dial chú ý.

Ở cái xứ đông đảo này, ngoi tìm được chút ánh sáng dưới mặt trời đâu phải dễ.

☆

Bạn đọc viết

Kính gửi anh VP,

"... Tôi đã theo dõi đầy đủ các tác phẩm: Thư gửi bạn, Đất nước quê hương, Ly hương ... của anh gần đây và cùng một tâm trạng di tản, nhiều điều trong các quyển đó đã làm tôi ứa lệ: một gợi ý "Tân Kiều di tản", một tiếng chim, một câu ca dao... đã gây cho tôi biết bao cảm xúc chất chứa trong lòng.

Đến gần đây nhất, bài Cỏ Bồng phất phơ đã như một giọt nước tràn làm tôi tìm lại cảm hứng để dịch và viết hai bài thơ sau đây; xin gửi đến anh những cảm xúc này..."

VŨ KIỆN (Canada)

CẢM ĐỀ SÁCH VÕ QUÂN

Loạn xong bè bạn lá lưa thưa (1)
Chim biệt chân trời bặt cánh thư
Bốn vách trùng ngâm hoài quán trọ
Ba canh mưa gửi mộng vườn xưa
Thành Liêu thân lẻ điu hiu nhỉ
Bến Vị người xa quạnh quẽ chưa
Chốn Việt ai quen còn có hỏi
Cỏ Bồng ta vẫn gió đong đưa

Vẫn phất phơ bay tựa cỏ bồng
Chiều chiều thương én liệng mây truông (2)
Chưa mưa đã thấm hồn dâng cát
Chẳng uống mà cay lệ ngấn tròng (3)
Về tổ chim bay vèo chiếc cánh (4)
Kêu trời ai đứng dậm đôi chưn (5)
Ôi con Ngựa tía quanh đèo Cả (6)
Vó có cuồng lên giữa bụi hồng (6)

Cuối năm Đinh Tỵ
VŨ KIỆN

CHỨ DẪN

(1) Ly Hưởng, trang 83. Thoát dịch một bài thơ chữ Hán của cụ Nguyễn ức Trai:

Loạn hậu thân bằng lạc diệp không
Thiên biên thư tín đoạn chinh hồng
Cố viên qui mộng tam canh vũ
Lữ xá ngâm hoài tứ bích trùng
Đố Lão hà tằng vong Vị Bắc
Quản Ninh do tự khách Liêu Đông
Việt Trung cố cựu như tương vấn
Vị đạo sinh nhai tự chuyển bồng

(2) Thư gửi bạn, trang 20. Ca Dao:

Chiều chiều én liệng truông mây
Cảm thương chú Liá bị vây trong thành

(3) Đất nước quê hương, trang 52. Ca dao:

Đất Quảng nam chưa mủa đã thấm
Rượu hồng đào chưa nhấm đã say

(4) Thư gửi bạn , trang 64.

(5) Đất nước quê hương, trang 56. Ca dao:

Hai hàng nước mắt rưng rưng
Chàng xa thiếp cách giậm chưn kêu trời

(6) Đất nước quê hương , trang 17. Ca Dao Phú Yên:

Con ngựa tía ăn quanh đèo Cả
Vầng nguyệt đêm rằm bóng ngã về đông...

mà Y Uyên lấy làm cảm hứng đặt tựa cho cuốn truyện "Ngựa Tía".

Thư tín

Cụ NGUYỄN ĐÌNH PHỔ (Canada)

Đa tạ cảm tình nồng nhiệt cụ dành cho VHNT và anh em chúng tôi. Vấn đề cụ nhắc nhở (in lại các sách cũ, đăng lại các bài báo cũ trước 1975) đã được nói đến trên nhiều tờ báo Việt ngữ tại Hoa Kỳ, nhất là vấn đề tác quyền, chúng tôi chưa tiện trở lại. Riêng trên bình diện văn hóa thì chính vì đồng ý hoàn toàn với cụ mà chúng tôi liều lĩnh thực hiện cho được tạp chí này. Thi sĩ NGUYÊN SA đã viết " **Văn hóa là một cái cây mỗi mùa phải có hoa và trái. Hoa và trái mới. Tôi nhấn mạnh .**" *Chúng tôi xin thêm: Nếu không thể không ai cần vẽ nữa sau Leonard DeVinci , Van Gogh , không ai cần làm nhạc sau Schubert, Chopin.... và người Việt không cần làm thơ sau Nguyễn Du....Nhu cầu đọc sáng tác , thưởng ngoạn một nền văn nghệ sinh động là nhu cầu chính đáng mà VHNT cố gắng đáp ứng. Đáp ứng rất khó khăn, nhưng không thể không làm. Kính.*

(Nguyên văn đoạn viết của thi sĩ NGUYÊN SA về vấn đề văn hóa mà VHNT trích dẫn để trả lời thư cụ N.D.PHỔ (Văn nghệ tiền phong số 55 trang 30):*"Văn hóa là một cái cây mỗi mùa phải có hoa và trái. Hoa và trái mới. Tôi nhấn mạnh. In lại những tác phẩm đã có chỉ là "bảo tồn văn hóa", và nền văn hóa được bảo tồn đó, thật cần thiết, và cái văn hóa đã có của những năm Việt nam tự do đáng được tự hào, dù muốn dù không vẫn chỉ là hoài niệm về một nền văn hóa. Nền văn hóa ấy nếu không có những hoa trái mới, sẽ chỉ còn là một tấm ảnh về một cái cây văn hóa. Tấm ảnh dù đẹp vẫn không phải là cuộc đời. Và cuộc đời sẽ chẳng còn là cuộc đời nếu được gói ghém trong biên giới của nhưng sinh hoạt sinh-thảo- mộc như ăn, ngủ, lĩnh welfare, xi com, làm ái tình. Cuộc đời sẽ chẳng còn là cuộc đời nếu nó không có những biểu hiện văn hóa, không có những ý thức về chính nó, nói nôm na là nếu nó không có những tác phẩm sáng tạo. Một dân tộc lớn là dân tộc bảo vệ được tiếng nói của mình trong bất cứ hoàn cảnh nào. Tiếng nói được bảo vệ đó không phải chỉ là dạy tiếng mẹ cho trẻ nhỏ, truyền tiếng mẹ qua thời gian, mà còn là những cố gắng làm phong phú tiếng mẹ. Người Do thái hai mươi thế kỷ lưu vong vẫn giữ nguyên tiếng mẹ và vẫn thường xuyên có những tác phẩm của trí tuệ".*

Ô. VŨ THÁI HÒA (Paris-Pháp)

Nhà văn Thế Uyên hiện ở Việt nam , đã bị chính quyền CS giam giữ hơn hai năm. Ông mới được thả và phải chọn lựa đi sống ở một vùng kinh tế mới. Truyện ông đọc được có thể là của một cây bút mới trùng tên, hoặc chính là truyện cũ của Thế Uyên đã được trình bày một cách mập mờ như là truyện mới viết. Thế Uyên và Thế Nguyên là hai người khác nhau. Thế Nguyên chủ trương tạp chí Trình Bày, khuynh tả và sau này được cộng sản coi như một cây bút nằm vùng của họ.

Tất nhiên, chúng tôi cũng mong ước VHNT được phát hành rộng rãi ở Pháp , và ở bất cứ quốc gia nào có người Việt. Ông giúp được một tay chăng. Đa tạ thịnh tình của ông.

Bạn PHÚC NGUYỄN (Wisconsin)

Cho tới nay, tòa soạn đã nhận được 12 phiếu mua dài hạn của hội viên quí hội. Thịnh tình ấy khó quên. Lúc đầu chúng tôi cũng bi quan như quí bạn. Hội bảo vệ văn hóa làm việc hăng hái, chính xác và có những chương trình bảo vệ văn hóa thực tế nhất, theo chỗ chúng tôi biết hiện nay là những anh em ở Arizona. Họ góp tiền bảo trợ cho việc ấn hành những cuốn sách giá trị và hỗ trợ triệt để những tờ báo mà hội thấy là đứng đắn. Nếu ở mỗi tiểu bang đều có một hội bảo vệ văn hóa làm việc đúng theo tinh thần ấy thì VHNT sẽ sống mãi.

Bà TÔN NỮ DIỆU HẰNG (Wa.D.C.)

Hoàn toàn đồng ý với những nhận xét của bà: VHNT là tờ báo của trí thức và tuổi trẻ. Tuổi trẻ có người không còn đọc được tiếng Việt, đã trở thành Mỹ rất sớm, nhưng lại còn rất nhiều người tự động bỏ tiền túi in hàng trăm tấm quảng cáo cho tờ VHNT để tìm thêm độc giả cho một công trình mà anh em "chịu". . Một tập thể, như một quốc gia, không thể toàn hảo. Nhưng lịch sử vẫn được viết bởi những con người trẻ có tư cách và lý tưởng, dù họ không đông đảo. Đã gửi báo cho 5 người bạn của bà. Rất cảm ơn bà.

Cô LIÊN H. (Mineapolis - Mn.)

Đúng. Nữ văn sĩ Túy Hồng chính là bà Thanh Nam. Hai ông bà hiện ở tiểu bang Wa. – Nguyễn thị thụy Vũ vẫn ở Việt nam , những bài cô đọc được là những lá thư nữ văn sĩ này gửi cho một người em trai đang sống ở Pháp. Ước mong của cô "được đọc tất cả các nhà văn , nhà thơ ở hải ngoại " cũng là mục tiêu của chúng tôi khi xuất bản tạp chí này.

Cô TRẦN THỊ HOÀNG ANH (Ohio).

Cô quả có mắt tinh đời: Hoàng Dung cừ, chỉ ra tay lần đầu đã được tán thưởng. Tòa soạn nhận được nhiều thư khen ngợi HD. "Khen " cách độc đáo nhất là một nhà thơ ở một tiểu bang miền Tây Bắc, ông đã gửi một món tiền về, góp với tòa soạn báo để chung lo nhuận bút cho Hoàng Dung ! Trong bao nhiêu năm trong nghề văn, chúng tôi chưa gặp trường hợp như thế. (Chúng tôi chưa được phép nhà thơ nói trên cho tiết lộ tính danh).

Trường hợp vừa kể cho thấy trong hoàn cảnh ly hương, giới cầm bút tha thiết chừng nào trong việc phát huy ra tài năng mới, và mừng rỡ đến chừng nào khi bắt gặp một dấu hiệu hy vọng.

Chính việc tạo môi trường cho sự phát huy các khả năng văn nghệ mới là một trong các mục đích của VHNT.

Ông DƯ VĂN KHƯƠNG (Florida)

Chúng tôi đang dự định in lại số 1. Nếu kịp sẽ gửi đến ông vào tháng tới, cùng lượt với số 3.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HAN

Tên họ. . . . . .

Địa chỉ. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Tôi mua.....số VĂN HỌC NGHỆ THUẬT bắt đầu từ số..... Đính kèm theo đây chi phiếu.....MK

TOÀN DÂN KHÁNG-CHIẾN CHỐNG ĐỘC-TÀI, BẠO-TẦN, THAM NHŨNG VÀ BÈ LŨ TAY SAI ĐỂ GIÀNH ĐỘC-LẬP VÀ TỰ-DO...

Muốn biết dân Việt-Nam đã kháng-chiến như thế nào để diệt quân ngoại xâm, tích-cực ủng-hộ Người Hùng Áo Vải Lam-Sơn khởi-nghiã thành-công, qúi-vị hãy đọc thiên tiểu-thuyết lịch-sử hay nhất từ trước tới nay, đứng hẳn trên những truyện kiếm-hiệp của tác-giả Tầu. Đó là:

Nghiã-sĩ thành Tây-Đô

của LINH-SƠN

Bìa 3 màu mỹ-thuật, in trên giấy trắng dẹp, khổ 5½ x 8½, toàn bộ dầy 480 trang
Giá tiền: **$6.95** (kể luôn cước phí và thuế)

Toàn thiên tiểu-thuyết sẽ lôi-cuốn độc-giả từ trang đầu đến trang cuối. Cốt truyện ly-kỳ, hồi-hộp... Lối văn trải-truốt, mô-tả khéo-léo và linh-động những đường kiếm oai-hùng của các tráng-sĩ Việt chặt đầu bọn tham-nhũng độc-ác, gian nó tham-tàn và tay sai vong-bản.

Đọc "NGHĨA-SĨ THÀNH TÂY-ĐÔ" để khâm-phục những âm-mưu thần sầu quỷ khốc, ý-chí sắt đá, võ-nghệ diêu-luyện, lòng yêu nước vô-tận... của các chiến-sĩ Việt-Nam quyết tâm diệt giặc.

* Mỗi ngôi chùa thôi nhà Minh đô-hộ nước ta là một tổ kháng-chiến hữu-hiệu.
* Mỗi người dân, dù nam hay nữ, già hay trẻ, đều là một chiến-sĩ quyết-tử.

Đọc "NGHĨA-SĨ THÀNH TÂY-ĐÔ" qúi-vị sẽ thấy tâm-hồn thoải-mái, tràn-ngập tin-tưởng và lạc-quan cho tiền đồ tổ-quốc chúng ta.

Mọi gia-đình Việt-kiều cần có bộ tiểu-thuyết lịch-sử giá-trị, độc nhất vô nhị và vô cùng hấp-dẫn này. Ai đọc cũng thích-thú và sẽ nhớ suốt đời, nhất là trong hoàn-cảnh chúng ta đang phải sống xa quê-hương ngàn-trùng.

Tặng-phẩm qúi nhất là bộ "NGHĨA-SĨ THÀNH TÂY-ĐÔ" để nhắc-nhở thanh thiếu-niên tôi dân-tộc tính Việt-Nam kiêu-hùng.

Đã có bán 2 cassettes để dùng với cuốn ANH-NGỮ THỰC-HÀNH và dủ 8 cassettes (loại mới, không có nhạc đệm) để dùng với bộ " MODERN ENGLISH" của soạn-giả LÊ-BÁ-KÔNG

SÁCH MỚI PHÁT-HÀNH:

* Nghệ-Thuật Nấu Ăn (cuốn hai), do Cô Lệ-Hoa soạn, dày 400 trang **$5.55**
* Từ-Điển Anh-Việt (bỏ túi), 496 trang **$3.90**
* Từ-Điển Việt-Anh (bỏ túi), 540 trang **$3.90**

ĐANG IN:

* Chỉ-Nam Y-Khoa (toàn thư), do Bs Nguyễn-Hoàng-Mai soạn công-phu **$6.00**
* Người Phụ-Nữ Tuyệt-Vời, một soạn-phẩm mà các Bà, các Cô phải đọc **$5.00**

ZIELEKS (ZIÊN-HỒNG) XUẤT-BẢN
3046 Golfcrest Blvd., 11, Houston, Texas 77087

thơ CAO TẦN

● **Đó không chỉ là thơ, đó là tiếng thét dậy trời của những tâm hồn lưu lạc – Bạn không từng yêu thơ, bạn vẫn nên đọc để yêu thơ , để gặp gỡ tiếng thơ gây kinh ngạc chấn động cho cả những văn thi sĩ:**

● *.. Thơ CAO TẦN được tán thưởng ngay. Nó gây chấn động. Nó thành một biến cố trong sinh hoạt văn nghệ tha hương..." (nhà văn VÕ PHIẾN)*

"● Tôi sẽ đọc to những đoạn thơ chấn động của CAO TẦN..." (Thi sĩ NGUYÊN SA)

"● Giọng thơ có cái gan lì chai đá của một Lý Bạch vung kiếm chém mãi vào mặt nước để thấy rằng nước vẫn chảy (thuỷ cánh lưu)●. mà vẫn cứ chém, nó có cái cảm khái của quốc sĩ Dưỡng Bá Trạc nghiêng chén gởi người tri kỷ về " cạn một hồ trường", nó cơ cái tiết liệt của Nguyễn Biểu, người để lại cho hậu thế tiếng gươm thép san sát cọ trên mặt đá dưới ánh trăng"(Thi sĩ TRÚC CHI)

nguyên vẹn

■ truyện dài của VÕ PHIẾN

■ GÍA $2.00